

ỦY BAN DÂN TỘC

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ MÔ HÌNH TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI ĐỒNG
BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Cơ quan quản lý: ỦY BAN DÂN TỘC

Đơn vị chủ trì: VIỆN DÂN TỘC

Chủ nhiệm đề tài: THẠC SĨ NGUYỄN LÂM THÀNH

Hà nội, tháng 12/ 2004

5669

19/1/06

MỤC LỤC

STT	Đề mục	Trang
	MỞ ĐẦU	1
1.	Lý do chọn đề tài	1
2	Tình hình nghiên cứu đề tài	1
3	Phạm vi nghiên cứu.	2
4	Mục đích, nội dung nghiên cứu	2
5	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu,	3
6	Đóng góp của nghiên cứu	3
	Kết cấu:	3
	Giải thích một số khái niệm, thuật ngữ	4
	Những chữ viết tắt	5
	Chương I.VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA	6
I.	Một số cơ sở lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc giải quyết vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện	6
II	Thông tin cơ sở về xây dựng thủy điện và vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện ở nước ta.	17
III	Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác tái định cư ở các công trình thủy điện ở nước ta qua các giai đoạn.	20
	Chương II: CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN	24
I	Thông tin cơ sở về các công trình và qui mô tái định cư	24
II	Kết quả triển khai công tác công tác tái định cư ở các công trình và điểm tái định cư mẫu	28
III	Nhận xét, đánh giá chung chính sách và việc triển khai công tác tái định cư ở các công trình thủy điện	68
1	Đánh giá chung	68
2	Đánh giá việc thực hiện tái định cư trên một số nội dung	70
IV.	MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC BAN ĐẦU TIẾN HÀNH ĐỀN BÙ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ	78
	Chương III. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN	81
I	Một số điểm liên quan đến chính sách đền bù tái định cư theo nghị	81

	định 22/CP - đối với các dự án thủy điện.	
II	Những khuyến nghị từ việc triển khai thực hiện các mô hình tái định cư	83
III	Đề xuất về một số điểm trong công tác quản lý với Chính phủ	86
	KẾT LUẬN.	88
	PHỤ LỤC	89

MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Việc xây dựng các công trình thủy điện nhằm tạo nguồn năng lượng để phát triển kinh tế xã hội là một nhu cầu bức thiết hiện nay. ở nước ta bên cạnh một số các công trình thủy điện đã được hoàn thành như Hoà Bình, Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi, Thác Mơ, sông Hinh và Vĩnh Sơn, trong chiến lược phát triển ngành điện sắp tới sẽ xây dựng khoảng 50 công trình thủy điện lớn và vừa được xây dựng. Vùng Tây Nguyên và Tây Quảng Nam sẽ có khoảng 13 nhà máy thủy điện lớn, hàng chục công trình thủy điện vừa và nhỏ ở Lào Cai và Hà Giang, đặc biệt là công trình thủy điện Sơn La công suất 2400 MW lớn nhất Đông Nam Á .

Việc xây dựng các công trình thủy điện, đặc biệt là các công trình lớn luôn gắn với công tác *Tái định cư* và nó trở thành một vấn đề luôn được quan tâm hiện nay, dù ở quốc gia phát triển hay các quốc gia đang phát triển,, vấn đề di dân - tái định cư luôn là một khâu quan trọng trong quy trình đầu tư xây dựng các công trình thủy điện. Đây là một tiêu chí được cân nhắc để tính toán hiệu quả kinh tế khi quyết định đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, một mặt bảo đảm nhu cầu năng lượng cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nhưng cũng đặt ra yêu cầu cần giải quyết vấn đề công bằng xã hội cho các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng.

Nghiên cứu, đánh giá mô hình tái định cư là một yêu cầu không thể thiếu bởi nó giúp cho việc xây dựng và điều chỉnh những định hướng, chính sách của chính phủ cũng như đề ra các qui trình kỹ thuật tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm các yếu tố về ổn định dân sinh và hiệu quả kinh tế – xã hội. Đối với nước ta hiện nay vấn đề này càng trở nên cấp thiết hiện nay khi đất nước ta bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhận thức tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề này, góp phần làm sáng tỏ một số khía cạnh có liên quan trong công tác đền bù di dân tái định cư ở các công trình thủy điện, chúng tôi chọn đề tài *Nghiên cứu một số mô hình tái định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số liên quan đến các công trình thủy điện* để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

- Ngoài nước

Trong khu vực đã có một số nghiên cứu xung quanh vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện như: ở Trung Quốc (NM thủy điện Tam Hiệp), Đông Ma lai xi a, Lào (NM thủy điện Nậm Ngừm) và Cam Pu Chia, Thái Lan v.v. Tuy rằng chính sách và vấn đề thực hiện ở từng nước có khác nhau do

không đồng nhất về đặc điểm địa lý dân cư, dân tộc, điều kiện kinh tế và thể chế chính trị. Nhưng đây là những thông tin tham khảo cho những nghiên cứu mô hình tái định cư ở nước ta.

- Trong nước.

Trong thời gian vừa qua việc nghiên cứu nội dung liên quan tái định cư ở các công trình thủy điện thực hiện được chưa nhiều. Một số cơ quan tiến hành như Trung Tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Ngân hàng Thế giới thông qua các hoạt động dự án tài trợ của quốc tế đối với thủy điện Ialy, Hoà Bình v.v. Nội dung mới chỉ dừng lại ở một số các khía cạnh chính sách chung, hay khảo sát, đánh giá vấn đề kinh tế- xã hội, chưa mang tính hệ thống và có sự khái quát, so sánh. Gần đây Ban chỉ đạo Nhà nước về di dân tái định cư thủy điện Sơn La và UBND 2 tỉnh Lai Châu và Sơn La đã tiến hành tổng kết 2 năm thực hiện dự án mẫu Tân Lập và Si Pa Phìn. Bởi vậy đây là một nội dung quan trọng cần được ưu tiên nghiên cứu nhằm tổng kết những bài học kinh nghiệm và đưa ra những đề xuất chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp bối cảnh tình hình và nhu cầu phát triển mới. Đặc biệt đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương khoá IX về “Tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

3. Phạm vi nghiên cứu.

Trong khuôn khổ thời gian và điều kiện kinh phí có hạn, nhóm nghiên cứu lựa chọn một số điểm tái định cư để tiến hành khảo sát đánh giá. Bao gồm: Thủy điện Sông Hinh (Phú Yên), thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi (Bình Thuận – Lâm Đồng), thủy điện Ialy (Gia Lai – Kon Tum), thủy điện Na Hang (Tuyên Quang), thủy điện Sơn La (2 điểm dự án mẫu Lai Châu và Sơn La), Thủy điện Hoà Bình.

Tuy nhiên trong đợt này chỉ khảo sát điểm tái định cư của dự án thủy điện Na Hang, các điểm còn lại sử dụng kết quả đã được thực hiện trước đó vào năm 2003. Những nội dung liên quan đến kết quả thực hiện, đầu tư, chính sách tái định cư, cách thức tổ chức quản lý là những vấn đề chính sẽ được xem xét, nghiên cứu.

4. Mục đích, nội dung nghiên cứu.

Mục đích:

- Nhằm đánh giá kết quả thực hiện một số dự án, mô hình tái định cư, đúc rút những bài học kinh nghiệm và đưa ra những khuyến nghị về công tác tái định vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư nhằm đóng góp cho việc xây dựng chính sách cũng như tổ chức triển khai thực hiện tái định cư thủy điện Sơn La cũng như các công trình thủy điện trong tương lai.

Nội dung nghiên cứu của đề tài, tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Một số cơ sở lý luận, và thực tiễn bài học kinh nghiệm của quốc tế và các quốc gia Châu á về vấn đề tái định cư các công trình thủy điện.
- Đánh giá chung về công tác tái định cư, định canh, mô hình tái định cư ở các công trình thủy điện lựa chọn.
- Phân tích các chính sách liên quan về đền bù, tái định cư, trọng tâm là Nghị định 22/CP và đề xuất khung một số cơ chế chính sách tái định cư đối với đối tượng bị ảnh hưởng các công trình thủy điện, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu,

+ *Cách tiếp cận:*

- Tiếp cận từ định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước ta trong việc giải quyết vấn đề tái định cư vùng miền núi và dân tộc .
- Tiếp cận từ thực tiễn triển khai các mô hình tái định cư ở các công trình thủy điện để có những phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và xu thế phát triển.

+ *Phương pháp nghiên cứu*

- Phương pháp thu thập và phân tích thông tin: từ cơ sở dữ liệu thông tin, báo cáo và khảo sát thực địa.
- Phương pháp chuyên gia: dựa trên kết quả hội thảo, thảo luận, trao đổi và cung cấp thông tin từ các nhà chuyên môn và quản lý các cấp Trung ương và địa phương.
- Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA) sử dụng các công cụ quan sát, điều tra, thảo luận nhóm, phỏng vấn, cây vấn đề ...
- Phương pháp phân tích và tổng hợp,

6. Đóng góp của nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm cung cấp thêm thông tin cho người đọc cái nhìn đầy đủ hơn, tổng quan hơn về những mặt được, chưa được, những khuyến nghị từ việc triển khai công tác tái định cư liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số ở các công trình thủy điện cùng những chính sách tái định cư có liên quan

7. Kết cấu: gồm 3 phần ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục

- *Phần I.* Vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện và chính sách của Đảng và Nhà nước ta.
- *Phần II.* Công tác tái định cư ở một số công trình thủy điện
- *Phần III.* Một số khuyến nghị chính sách và giải pháp trong việc triển khai công tác tái định cư ở các công trình thủy điện

Giải thích một số khái niệm, thuật ngữ.

+ **Tái định cư**: là một quá trình từ đền bù, tái bố trí và khôi phục cho những người bị ảnh hưởng của dự án khi di chuyển cơ học từ một nơi cư trú này đến nơi cư trú khác.

+ **Tái định cư không tự nguyện**: tái định cư xảy ra khi bản thân các hộ gia đình quyết định di chuyển không vì các lý do của chính bản thân họ.

+ **PAP (những người bị ảnh hưởng)**: là tất cả những người bị ảnh hưởng thiệt hại trực tiếp bởi dự án, bao gồm:

- Thiệt hại về quyền sở hữu và tài sản đất đai, nhà ở, hoa lợi do bị thu hồi đất ở, đất sản xuất, toàn bộ hoặc một phần, vĩnh viễn hay tạm thời.

- Thiệt hại, ảnh hưởng xấu về thu nhập việc làm, nghề nghiệp, chỗ làm hoặc nơi ở, sản xuất kinh doanh.

- Giảm mức sống như chất lượng nhà cửa, cơ sở hạ tầng dịch vụ và phúc lợi xã hội cho cộng đồng và khả năng chia sẻ, hoà nhập các hoạt động xã hội so với trước đó.

+ **PAH (hộ gia đình bị ảnh hưởng)**: là các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án, được xác định là những người độc lập về kinh tế mặc dù sống chung trong một ngôi nhà.

+ **Những người dễ tổn thương**: là nhóm người chịu thiệt hại từ việc tái định cư hơn mức trung bình, như người già, trẻ em, người vô gia cư, người ít hiểu biết pháp luật- chính trị, người dân tộc thiểu số, người sống ở những nơi xa xôi, hẻo lánh.

+ **Cộng đồng dân cư sở tại**: là những người dân ở các khu vực tiếp nhận những người tái định cư.

+ **Thu nhập**: là lương, tiền mặt hoặc hiện vật, gia súc, các vật tiện ích khác không phải là tiền mà các cá nhân, hộ gia đình thu được trong quá trình lao động, sản xuất, kinh doanh, sở hữu...

+ **Mức sống tối thiểu**: là mức sống hàng ngày thể hiện mức thu nhập của hộ gia đình và tài sản, dinh dưỡng, sức khỏe, nhà ở, giáo dục cũng như các hoạt động văn hoá xã hội trong phạm vi cộng đồng lớn hơn mức sống trong toàn bộ quỹ phúc lợi.

+ **Ổn định đời sống kinh tế**: là những biện pháp đã được sử dụng để thay thế hệ thống sản xuất của hộ gia đình trước đây cùng với các cơ hội tạo ra khoản thu nhập mới, mà việc đó thể cải thiện mức sống tối thiểu. Các biện pháp đó bao gồm: phát triển nông nghiệp, phát triển các hoạt động hỗ trợ, phát triển buôn bán, buôn bán nhỏ, xây dựng, giao thông, và lao động tiền lương. Ổn định kinh tế là mục tiêu mấu chốt của tái định cư.

+ **Khôi phục:** là các hoạt động nhằm bảo đảm đem lại một mức sống cao hơn trước đó thông qua việc tạo ra các hoạt động kinh tế lâu bền cho hộ gia đình.

+ **Đền bù:** là việc trả bằng tiền hoặc hiện vật cho các tài sản bị thiệt hại.

+ **Giá trị thay thế:** là giá trị tương đương có thể so sánh được đủ để cho phép thay thế thực sự các tài sản, nguồn lợi bị mất. Đền bù tại giá trị thay thế bao gồm giá trị thực của việc thay thế tài sản cộng thêm các chi phí tái bố trí và chi phí hoạt động kèm theo.

Những chữ viết tắt

BQL:	Ban quản lý
BQLDA:	Ban quản lý dự án
EVN:	Điện lực Việt Nam
HĐ ĐB GPMB:	Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng
MNDBT:	Mức nước dâng bình thường
TĐC:	Tái định cư
UBDT:	Ủy ban Dân tộc
UBND:	Ủy ban Nhân dân
XĐĐR:	Xây dựng đồng ruộng

Phần I

VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA .

I. MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN.

1. Tái định cư là sự phát triển.

Vấn đề tái định cư ngày nay trở nên càng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới do nhu cầu xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật của quốc gia để tạo nền tảng cho sự phát triển. Đặc biệt với các công trình thủy điện, thủy lợi gắn với việc xây dựng các hồ đập ngày càng có qui mô lớn kéo theo yêu cầu tái định cư số lượng dân cư không nhỏ. Mặt khác qua thực tiễn sự nhận thức về vấn đề tái định cư cũng có những thay đổi đáng kể hướng theo mục tiêu ngày càng bảo đảm cuộc sống ổn định và tốt hơn như là quyền lợi chính đáng của những người buộc phải tái định cư. Các quốc gia, kể cả trong khu vực đã tiếp cận và giải quyết các chính sách này từ những năm đầu 60 của thế kỷ 20. Từ quan điểm nhận thức được rằng việc mất nơi ở có thể gây ra việc làm mất quyền sở hữu và kéo theo quá trình bản cùng hoá. Do vậy việc tái định cư phải là một phần trong chính sách và kế hoạch phát triển cũng như dự án phát triển. Hơn nữa việc tái định cư là đưa ra các cơ hội nhằm cải thiện mức sống của người dân chứ không tạo nên sự nghèo khổ ở những vùng phụ cận mới.

+ Các yếu tố kinh tế - xã hội cần bảo đảm các nguyên tắc sau trong việc thực hiện di dân tái định cư:

- Cần giảm thiểu tới mức có thể yêu cầu di dân tái định cư bắt buộc.
- Những nơi phải tái định cư bắt buộc, người dân phải được giúp đỡ để cải thiện, ít nhất là phục hồi mức sống và khả năng kiếm sống, thu nhập như trước đó. Phương thức để đạt được mục tiêu này bao gồm từ việc chuẩn bị đến việc điều hành quản lý và tổ chức thực hiện các kế hoạch tái định cư như là một kế hoạch phát triển.

Những người bị mất nơi ở cần:

- Được đền bù các mất mát của họ bằng giá trị thay thế.
- Tạo cơ hội để chia sẻ lợi ích của dự án
- Được giúp đỡ trong thời gian chuyển đổi và thời kỳ quá độ ổn định cuộc sống tại nơi định cư mới.

- Xúc tiến việc tham gia của người dân tái định cư và người dân sở tại và dựa vào các tổ chức văn hoá- xã hội sẵn có để tiến hành việc chuyển đổi và tái thiết lập môi trường văn hoá- kinh tế xã hội mới.

- Các cộng đồng tái định cư cần được tổ chức và đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ để họ có thể sinh sống được và hoà nhập được vào bối cảnh kinh tế xã hội khu vực nơi ở mới.

- Các cộng đồng nơi đến được tiếp nhận sự giúp đỡ để khắc phục hậu quả xã hội và môi trường do việc gia tăng dân số.

- Đối với những người dân tộc thiểu số được thừa nhận các quyền theo cách thức quản lý truyền thống đối với đất đai, tài nguyên và được cung cấp đất đai, cơ sở hạ tầng và các đền bù thích hợp khác cho những phần bị thu hồi sử dụng. Chú ý đặc biệt đến hộ đứng đầu là phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn hại khác như người dân tộc thiểu số và cung cấp sự trợ giúp thích hợp để cải thiện tình trạng của họ.

- Trong chừng mực có thể, tái định cư không tự nguyện và đền bù cần được quan niệm và điều hành như là một bộ phận của dự án. Chi phí của đền bù và tái định cư cần bao gồm trong chi phí dự án.

Bài học từ Trung Quốc trước đây là những ví dụ điển hình về vấn đề này . Đặc biệt người dân cần được hưởng các quyền lợi đem lại cho họ về tài sản đất đai, với tiêu chuẩn thích hợp không kể hoàn cảnh trước đó của họ ra sao.

Có 3 nội dung cơ bản cần được xem xét và đề xuất trong vấn đề phục hồi tái định cư:

- *Trước tiên đó là quyền được hưởng về đất cần đủ để bảo đảm khả năng kinh tế:* Về phương diện lý thuyết, các nhà chính sách xác định ngưỡng thay đổi kinh tế cho việc thu hồi đất là 25 %. Tức là dưới tỷ lệ trên, người dân vẫn có khả năng phục hồi kinh tế mà không cần tái bố trí quỹ đất. Tuy nhiên trên thực tế vẫn xảy ra trường hợp quỹ đất thu hồi ít nhưng là chỗ cung cấp sản phẩm sản xuất cơ bản hoặc đối với đối tượng nghèo thì cũng không có khả năng phục hồi. Bởi vậy người dân cần được nhận đất thay thế đủ khả năng kinh tế, tức là bảo đảm cuộc sống cho họ với những ước tính thu nhập tạo ra từ mảnh đất mới. Đối với mỗi nước, tiêu chuẩn tối thiểu có khác nhau, cả từng vùng, tức là phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể.

- *Các biện pháp phục hồi kinh tế cần đủ cho khả năng kinh tế.* Điều này không chỉ là khôi phục về mặt thu nhập và chính là cả những cơ hội cho họ được mở mang phát triển tạo và bổ sung những thu nhập mới cao hơn trong điều kiện hiện tại của địa phương. Với các hộ nghèo áp dụng các biện pháp khôi phục không dựa vào đất mà bằng các hoạt động kinh tế khác thì thu nhập tiền lương phải ít nhất là bằng và trội hơn mức lương tối thiểu tại địa phương tái định cư.

- Thay thế nhà ở hoặc lô đất nên đáp ứng bằng hoặc trội hơn tiêu chuẩn tối thiểu. Việc đền bù bằng tiền mặt cần đủ để đáp ứng điều kiện nhà ở tiêu chuẩn tối thiểu của địa phương, kể cả khi vượt quá lượng đền bù giá trị thay thế. Các lô đất nhà ở cũng cần đáp ứng tiêu chuẩn kích thước địa phương, việc thiết kế cần bao gồm hạng mục thoát nước và vệ sinh thích hợp. Tóm lại là điều kiện nhà ở cho họ phải ít nhất là bằng hoặc cao hơn điều kiện tiêu chuẩn nhà ở tại chỗ cũng như cuộc sống trước đây của họ.

2. Các mức độ ảnh hưởng trong tái định cư, cơ sở để xem xét và lập các dự án tái định cư.

Mức độ	Điều kiện	Số lượng PAPs	Các yêu cầu kế hoạch tái định cư (AP)
A	- Mất sinh kế - Mất nhà ở 75% số APs yêu cầu di chuyển	1000 APs hoặc hơn 200 Ips	- Đền bù tại giá thay thế - Chương trình khôi phục thu nhập - Yêu cầu RP đầy đủ
B	- Tác động hạn chế về sinh kế - Mất nhà ở 75% số APs yêu cầu tái bố trí	500 - 999 APs hoặc 100 -199 IPs	- Đền bù tại giá thay thế - Tái bố trí - Kế hoạch khôi phục thu nhập phụ thuộc vào yêu cầu của cộng đồng và việc tư vấn - Yêu cầu RP
C	- Không ảnh hưởng đến sinh kế - Mất một phần nhỏ nhà - Không tái bố trí	Nhỏ hơn 500 APs hoặc nhỏ hơn 100 IPs	- Đền bù cho những mất mát tại giá thay thế - Không yêu cầu kế hoạch khôi phục thu nhập - Không yêu cầu RP
D	- Không trưng dụng đất - Không mất nhà ở		Không yêu cầu RP

Ghi chú: AP : người bị ảnh hưởng

IP : người dân tộc thiểu số tại chỗ (Indeginous People)

RP : Kế hoạch tái định cư (Resettlement Plan)

3. Các chính sách áp dụng cho công tác tái định cư

- Đền bù đất dựa trên thị trường hiện tại hoặc giá trị thay thế
- Đền bù cho đất vườn, công trình, cơ sở kinh doanh thương mại và các tài sản có thể di chuyển khác.

- Đền bù cho tác động, ảnh hưởng tiêu cực về việc làm và thu nhập, bao gồm cả khôi phục thu nhập

- Cung cấp đất và các nguồn tạo ra thu nhập

- Đất ở tại khu tái định cư và trợ giúp xây dựng nhà ở

- Xây dựng các cơ sở hạ tầng, dân sinh tại khu tái định cư

- Chi phí di chuyển và trợ cấp sinh hoạt cho thời gian đủ để người dân tái lập cuộc sống mới

- Kế hoạch khôi phục thu nhập cho các nhóm đặc biệt khi thích hợp, nhất là các nhóm nghèo, người dân tộc thiểu số.

Các hình thức đền bù:

- Đền bù bằng đất đổi đất ngang bằng giá trị thay thế. Đây là cách thức bảo đảm nhất đối với các hộ duy trì sản xuất nông nghiệp. Đối với các hộ di chuyển đến khu đô thị thì lại không cần thiết.

- Đền bù bằng tiền mặt là một cách thức có thể được chấp nhận, tương đối đơn giản. Tuy nhiên việc đền bù tiền mặt không đảm bảo cho việc thay thế tài sản tức là không đảm bảo người dân tạo cơ sở cho những thu nhập như trước đó do những cơ hội sản xuất mong manh. Đôi khi lại tạo cơ hội cho việc khuyến khích sử dụng mua sắm, trả nợ hoặc chi cho các hoạt động lễ hội. Tiền trả hàng năm, hình thức tiền hưu trí cũng là một hình thức đền bù.

- Đối với việc làm, các việc, nghề có tính chất tạm thời không thể chấp nhận như là các biện pháp khôi phục và việc làm cần được bảo hành trong 3 năm.

4. Các giai đoạn của chương trình tái định cư.

- Xác định đất, tài sản bị thu hồi và đánh giá giá trị chuyển đổi của đất hay các tài sản.

- Xác định đất phù hợp để có thể so sánh độ màu mỡ và giao đất đó cho người bị ảnh hưởng giúp họ duy trì mức thu nhập

- Thỏa thuận mức đền bù cho đất, tài sản bị ảnh hưởng, có thể bằng tiền nếu việc đền bù đất mới không được chấp nhận hoặc không tìm thấy đất phù hợp.

- Thảo luận với những người bị ảnh hưởng về qui hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng của cộng đồng như đường xá, hệ thống cấp nước, điện, thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, chùa chiền v.v.

- Tiến hành nhanh chóng việc đền bù và chương trình tái định cư. Trong đó, đưa ra và thực hiện các biện pháp ổn định đời sống, giữ vững thu nhập, đào tạo kỹ năng và những hỗ trợ khác cho nghề nghiệp trên cơ sở khảo

sát, điều tra đánh giá xã hội các nhóm cư dân. Đặc biệt chú trọng các nhóm nghèo, dễ tổn thương, người dân tộc thiểu số.

- Giúp đỡ việc bố trí nơi định cư mới thông qua cung cấp phương tiện vận chuyển hoặc bằng tiền. Trợ cấp xây dựng lại nhà ở, các hệ thống sản xuất, các chi phí giao dịch hành chính, pháp luật.

- Việc đền bù thiệt hại đối với nhà ở hoặc công trình xây dựng khác được thanh toán toàn bộ bằng giá chuyển đổi. Đối với những người thuê đất hoặc nhà sẽ được thanh toán một năm tiền thuê hoặc hỗ trợ tìm nơi ở mới hoặc đất thay thế.

- Thiệt hại về phương diện kinh doanh được đền bù theo qui định về qui mô tương ứng và tính chất kinh tế của vị trí giao dịch.

5. Bài học kinh nghiệm một số quốc gia Châu á

5.1. Trung Quốc

Chính sách nhà nước qui định theo những nguyên tắc sau:

- Luật quản lý đất đai miễn trừ cho các dự án thủy điện vừa và lớn khỏi các qui định chung về tiêu chuẩn đền bù mà được xây dựng theo những yêu cầu cụ thể. Năm 1995, Bộ Nguồn Tài nguyên nước (MWR) đã ban hành các yêu cầu thiết kế tái định cư hồ chứa đòi hỏi việc lập kế hoạch tái định cư phải theo kịp việc thiết kế công trình đập, tức là theo mực nước dâng của hồ chứa. Trong số các thông số thiết kế quan trọng, công tác lập kế hoạch cần phải hết sức chú ý các nguyên tắc:

- Tối thiểu hoá tái định cư, nghĩa là giảm thiểu đến mức đối đa số lượng người dân bắt buộc phải di chuyển chỗ ở mới đến mức có thể trong khi vẫn bảo đảm được cuộc sống.

- Duy trì thu nhập thực tế của những người tái định cư trong điều kiện nơi ở mới.

- Đền bù tài sản bị mất tại mức giá trị thay thế

- Quan tâm đến nhu cầu đặc biệt của người dân tộc thiểu số

- Thiết kế nhà ở thay thế phù hợp với các kiểu dáng địa phương.

- Các cơ quan thiết kế và chính quyền địa phương cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc thiết kế, lập kế hoạch và xây dựng ngân sách tái định cư của các địa phương.

- Năm 1996, Bộ Nguồn Tài nguyên nước (MWR) đưa ra qui định yêu cầu các dự án phải tính chi phí tái định cư vào ngân sách chung. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp kế hoạch kinh tế với chiến lược tái định cư thay vì chỉ đơn thuần cung cấp trợ cấp tiêu dùng cho người dân như trước đây.

+ *Những bài học kinh nghiệm cơ bản của Trung Quốc trong việc triển khai công tác tái định cư là:*

1. Trong hoạt động tái định cư khu vực xây dựng thủy điện, thủy lợi, các chính sách và thủ tục được qui định chi tiết, rõ ràng, ràng buộc chặt chẽ với các hoạt động khác trong xây dựng, nông nghiệp, giao thông, thương mại v.v. Mục tiêu của chính sách là nhằm bảo đảm tái định cư đi liền với sự phát triển của các cộng đồng dân cư. Phương thức tiếp cận cơ bản là nhằm tạo ra các nguồn tài nguyên sản xuất cho những người tái định cư, bao gồm sự kết hợp tốt giữa đất trồng trọt với sự thích hợp của cây trồng, vật nuôi mới và các hoạt động tạo thu nhập khác.

Trên cơ sở các chính sách và thủ tục qui định, các kế hoạch tái định cư chi tiết và các biện pháp phục hồi kinh tế cho từng làng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình bị ảnh hưởng được chuẩn bị, lên phương án trước khi thông qua dự án. *Việc triển khai công tác tái định cư và hỗ trợ nó thông qua thiết lập một quỹ phát triển hồ chứa duy trì trong 10 năm, tính từ một phần thu nhập của dự án.*

2. Trung quốc có hệ thống chính quyền địa phương và thể chế của nó đồng bộ, có năng lực, hoạt động hiệu quả, ăn khớp. Cụ thể, chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc thực hiện chương trình tái định cư. Chính quyền cấp quận, huyện chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch cụ thể ở địa phương, người tái định cư và dân sở tại nắm được trách nhiệm của chính quyền từng cấp. Bằng cách này, chính quyền địa phương có thể chủ động, phối hợp và tạo ra các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính khác nhau từ các dự án phát triển từ nguồn chính phủ cũng như các tổ chức hỗ trợ khác. Chính sách trợ cấp tài chính, các chính sách ưu đãi, giảm thuế là những chính sách được áp dụng thí điểm trước khi áp dụng tái định cư.

3. Hình thức sở hữu tập thể về đất đai là một điều kiện rất thuận lợi cho việc thực hiện tái định cư do không phải tiến hành đền bù cho từng hộ cá thể. Tiền đền bù đất được sử dụng để tìm kiếm và phát triển các khu vực định cư mới, có thể mua lại của cộng đồng sở tại. Chính vì vậy nhiều cộng đồng sở tại đã bố trí, sắp xếp lại đất đai chuyển nhượng cho chính quyền địa phương để đổi lấy khoản đền bù, dưới hình thức tiền mặt và cải thiện cơ sở hạ tầng. Một số trường hợp, các cộng đồng sở tại đấu thầu để nhận dân tái định cư. Nói khác đi, quyền sở hữu đất tập thể ở các làng (không phải sở hữu cá thể) tạo điều kiện rất lớn cho quá trình tái định cư.

+ Tái định cư ở công trình thủy điện Tam Hiệp

Thông tin về qui mô công trình:

Tam Hiệp là nhà máy thủy điện lớn nhất Trung Quốc và thế giới hiện nay, được xây dựng trên sông Trường Giang (hay còn gọi là Dương Tử) thuộc

tỉnh Hồ Bắc. Công suất nhà máy 18,2 triệu kw với 26 tổ máy x 700 MW, (22,4 triệu kw nếu cộng thêm 6 máy phát điện lắp đặt ngầm sẽ xây dựng sau khi hoàn thành nhà máy). Sản lượng 84,7 tỷ kwh cung cấp điện cho toàn bộ vùng Hoa Nam, Hoa Trung và Hoa Đông. Dung tích hồ chứa 39,3 tỷ m³, dung tích phòng lũ là 22,15 tỷ m³.

Nhu cầu và qui mô tái định cư.

Diện tích ngập lòng hồ 632 km², 24,5 nghìn ha đất canh tác và 17,2 nghìn ha đất ruộng, liên quan đến 20 huyện thị, 237 xã ấp, 1424 thôn. Trong đó có 2 thành phố, 8 huyện lỵ, 116 thị trấn tập trung đông dân.

Tổng số dân phải di chuyển là 844 nghìn người, có 362 nghìn nông dân. Tổng số dân phải sắp xếp ổn định (bao gồm cả công nhân xây dựng, gia tăng dân số là 1,13 triệu người).

Kế hoạch di dân được tiến hành theo 4 giai đoạn: 1993-1997 gắn với việc giải phóng mặt bằng xây dựng, ngăn dòng chảy đợt 1; 1998-2003 gắn với việc tích nước hồ ở cao trình 135 m và phát điện tổ máy 1; 2004 - 2006 và 2007-2009 gắn với việc hoàn thành từng bước công trình tiến tới toàn bộ công trình vào năm 2009.

Các dự án tái định cư thử nghiệm được tiến hành từ 1985 và chính thức từ 1993. Đến cuối tháng 6 năm 2003 đã tái định cư cho khoảng 75,7 vạn người, trong đó 14 vạn người di chuyển khỏi tỉnh Hồ Bắc và 33,09 triệu m² nhà cửa được xây dựng. Cơ sở hạ tầng quan trọng các khu vực định cư mới được hoàn tất. Người dân được ổn định và cải thiện đời sống đáng kể ở vùng đất mới.

Những bài học kinh nghiệm lớn trong quá trình tái định cư nhà máy thủy điện Tam Hiệp:

+ Xác định đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tái định cư và có những nguyên tắc chỉ đạo đúng đắn.

- Công tác tái định cư được nước bạn xác định có vị trí quan trọng ngang công việc xây dựng nhà máy. Bạn đề ra các nguyên tắc nhất quán trong quá trình tái định cư là:

- Dân đến nơi ở mới phải sớm ổn định đời sống, có mức sống bằng và hơn nơi ở cũ.

- Bảo đảm tính bền vững và phát triển trên cơ sở khai thác tiềm năng lao động và tài nguyên vùng dân cư đến.

- Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công bằng, công khai trong di dân.

+ Huy động sự tham gia, ủng hộ của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương.

- Trung quốc đã huy động cả nước tham gia công tác tái định cư, và được thực hiện trên địa bàn 11 tỉnh, ngoài hai tỉnh chủ yếu theo kế hoạch và

chính sách chung. Đến giữa 2003 các tỉnh đã tiếp nhận 14 vạn dân nông thôn xây dựng được cuộc sống tốt hơn cho nhân dân.

- Về huy động nguồn lực, ngoài ngân sách đầu tư của nhà nước, các địa phương, các tổng công ty cũng đóng góp nguồn lực tài chính, vật chất đáng kể, góp phần san sẻ gánh nặng cho nhà nước. Đến nay đã có 21 tỉnh, 10 thành phố lớn và trung bình và 50 Sở đang tích cực trong việc trợ giúp và ủng hộ công tác tái định cư theo phương thức ủng hộ lẫn nhau vì thuận lợi, lợi ích chung, hợp tác lâu dài và phát triển chung. Đã có 13,07 tỷ NDT, chiếm 33% tổng vốn tái định cư thực hiện được giúp đỡ để đầu tư cho việc phát triển khu vực hồ chứa hoặc đền bù một phần cho các vùng bị ngập. Ngoài ra còn có 13,02 triệu NDT được bổ sung từ các khoản miễn nộp, thuế từ các chương trình hợp tác đầu tư.

+ Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm của nhân dân.

- Đại bộ phận người dân xác định trách nhiệm phải đóng góp công sức và tiền của cùng với nhà nước thực hiện công tác tái định cư. Ngoài phần được nhà nước đền bù, chi trả, các hộ đều góp thêm công sức, *tiền để tự làm nhà*, mở mang đồng ruộng, ổn định phát triển sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm, tránh được bao cấp gây tư tưởng ỷ lại trong dân. Riêng ở Tụ Quy, qua khảo sát, việc người dân tự làm nhà theo qui hoạch chung đã giảm chi phí đến 40-50%.

+ Đa dạng hoá các hình thức tái định cư. Đây là điểm rất mạnh trong chính sách của Trung Quốc.

- Tái định cư tại chỗ: ngay trên địa bàn vùng hồ chứa. Thực hiện gắn tái định cư tại chỗ với chủ trương phát triển kinh tế tổng hợp khai thác vùng hồ, trên cơ sở qui hoạch bố trí lại dân cư, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đầu tư tăng cường hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, nâng cao điều kiện sống cho người dân, tạo môi trường thu hút đầu tư. Có hai điều kiện áp dụng tái định cư tại chỗ:

- Đối với tái định cư nông nghiệp, địa bàn phải bảo đảm còn đủ đất cho sản xuất, đời sống, đền bù tối thiểu cho người dân. Những hộ đền bù nhiều, không đủ đất thì phải di dời. Những hộ làm dịch vụ được hỗ trợ để tiếp tục hoạt động dịch vụ tại chỗ.

- Nhà nước xây dựng các công trình hạ tầng đường giao thông, điện, nước dọc hai bên bờ sông tạo điều kiện tái định cư tại chỗ.

Nhân dân ủng hộ tái định cư tại chỗ do không phải di rời khỏi quê hương lâu đời. Phương án này có thể ổn định tới 48% số dân, tiến hành khá thuận lợi và giảm được rất nhiều chi phí.

- *Tái định cư tập trung*: hình thức này có thể áp dụng cho tái định cư nông nghiệp với điều kiện bảo đảm đất sản xuất và tái định cư công nghiệp, dịch vụ áp dụng cho những nơi gần thành phố, thị trấn có điều kiện tạo công ăn, việc làm ổn định cho người lao động. Kinh nghiệm của bạn là:

- Phải tập trung hết sức cố gắng để tìm ra các phương thức nhằm ổn định cuộc sống người dân, tức là với khǹg khả năng cao nhất, tối ưu .
- Chọn địa điểm phải thật sự chu đáo, tỉ mỉ, qui hoạch một cách khoa học các vị trí dân cư, khu dân cư.
- Giữ đúng nguyên tắc song bao; nhà nước bao đền bù, địa phương bao hỗ trợ trong việc sử dụng quỹ di dân.
- Tổ chức di chuyển phải hết sức chu đáo, cố gắng tạo thuận lợi, tránh phiền hà cho dân.
- Khi điều phối đất cho dân phải tạo điều kiện để dân tiến hành sản xuất một cách thuận lợi (tiêu chuẩn 1,5 mẫu đất canh tác và đất vườn, tương đương 1000 m² cho một nhân khẩu).

- *Di dân công nghiệp và đô thị*: đây là chủ trương được bạn chú trọng đặc biệt. Có đến 60% dân cư được sắp xếp tái định cư theo hình thức di dân công nghiệp vào các đô thị trên cơ sở đầu tư các doanh nghiệp mới hiện đại, bố trí, giải thể các cơ sở cũ, lạc hậu, xây dựng các cụm công nghiệp và đô thị mới ...

- Trung Quốc chú trọng và khuyến khích các hình thức tái định cư tự nguyện xen ghép vào các vùng dân cư, tái định cư tại các đô thị.

+ *Xây dựng hệ thống chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp.*

- Đối với công trình Tam Hiệp, nước bạn tập trung vào tái định cư công nghiệp, đô thị bên cạnh tái định cư nông nghiệp với chính sách: điều lệ về di dân Tam Hiệp; khung chính sách là mức đảm bảo tối thiểu, các địa phương có thể căn cứ vào đó, tùy theo điều kiện cụ thể từng địa phương mà bố trí cao nhất tới mức có thể cho dân.

Chính sách nhà nước bao gồm: đền bù khi thu hồi đất, di chuyển nhà ở và phần hỗ trợ; phần hỗ trợ chủ yếu chỉ là lương thực một năm/khẩu tương đương 150 kg. Các chính sách khuyến nông, đào tạo nghề v.v cũng có nhưng chưa nhiều. Nhà nước đảm bảo san ủi mặt bằng xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình giao thông, điện, nước điếm đến định cư.

+ *Quản lý công tác di dân được phân cấp mạnh mẽ*, chủ yếu theo 3 cấp với nguyên tắc: Trung ương lãnh đạo thống nhất, các tỉnh chịu trách nhiệm, lấy huyện làm cơ sở, xã có bộ máy nhưng không chính thức. Tuy nhiên với các điểm di dân nông thôn lại được thực hiện theo 5 cấp quản lý, lấy thôn, xã làm chính.

+ *Làm tốt công tác tư tưởng, chính trị, tuyên truyền, vận động nhân dân* và các tổ chức địa phương trong cả nước tạo nhận thức thống nhất trong toàn dân để có chung hành động thực hiện tốt.

Sau 10 năm triển khai, với phương châm chỉ đạo đúng đắn và việc thực hiện có hiệu quả. Trung quốc đã di chuyển 75.7 vạn người trên tổng số 84,4 vạn người cần di chuyển, chiếm gần 90%, bảo đảm tiến độ xây dựng công trình. Đời sống người dân được cải thiện đáng kể. Thu nhập tài chính địa phương tăng 12 %/năm. Thu nhập bình quân đầu người di cư nông thôn vùng đập là 2.339 NDT (tương đương 4,5 triệu VND) so với thu nhập bình quân nông dân toàn thành phố cao hơn 11,5%, so với dân vùng đập không phải di chuyển thì cao hơn 21,9%. Quá trình triển khai tái định cư thủy điện Tam Hiệp của nước bạn Trung Quốc để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, nhất là cho công tác tái định cư thủy điện Sơn La cũng như các công trình khác sắp tới.

5. 2. Chính sách tái định cư vùng hồ chứa thủy điện của Thái lan.

Trong vòng 20 năm từ 1964-1984, tại Thái Lan đã xây dựng nhiều công trình thủy lợi, thủy điện với tổng công suất phát điện khoảng 2,3 triệu kw, tập trung ở 8 công trình chính. Số hộ tái định cư là 19.000 hộ với gần 100.000 nhân khẩu. Việc giải quyết vấn đề tái định cư ở Thái Lan được thực hiện khá tốt. Chính sách cho vấn đề này đã được đề cập và xây dựng từ những năm đầu thập kỷ 60 thế kỷ 20. Điều này chứng tỏ sự quan tâm cũng như tầm quan trọng của vấn đề tái định cư ở các công trình thủy lợi thủy điện đối với chính sách và sự phát triển quốc gia

Năm 1963 Thái Lan ban hành chính sách quốc gia về tái định cư để xác định việc đền bù và chính sách tái định cư cho các dự án thủy lợi và phát triển điện năng

Năm 1978, chính phủ đã thể chế hoá chính sách : Hướng dẫn chính sách môi trường đối với việc xây dựng các dự án đập và hồ chứa.

Năm 1990, Cơ quan điện lực Thái Lan (EGAT) xây dựng chính sách riêng về tái định cư và đền bù. Chính sách này nhằm để bảo đảm cho những người bị ảnh hưởng một mức sống tốt hơn, thông qua việc bảo đảm cơ sở hạ tầng nhiều hơn, tốt hơn, thu nhập cao hơn và tham gia vào quá trình phát triển. Chính sách của (EGAT) cho phép tái định cư tự quản, nhờ đó các hộ gia đình đảm nhiệm là một phần của chương trình tự quản nhỏ và đã thành công.

Năm 1997, (EGAT) đưa ra chính sách mới để bảo đảm cải thiện mức sống và khả năng tạo thu nhập cho tất cả những người bị ảnh hưởng.

- Đối tượng bị ảnh hưởng được xem xét bao gồm:
 - Người có cả đất và nhà bị thu hồi;
 - Người bị thu hồi nhà, không bị mất đất
 - Người bị thu hồi một phần đất

- Người bị thiệt hại hoặc mất nguồn lợi, nguồn sống mặc dù không bị mất đất và nhà.

- Với mỗi dự án, Ban đền bù được thành lập, bao gồm đại diện của những người bị ảnh hưởng.

- Đền bù dựa trên nguyên tắc các tài sản bị mất phải được định giá ở mức giá trị thay thế đầy đủ.

- Chi phí đất thay thế được xây dựng có tham khảo giá đất thị trường. Thay vì đền bù tiền mặt, người dân có quyền yêu cầu đổi đất ở một địa điểm chấp nhận được và chất lượng đất chấp nhận được.

- Chi phí đền bù nhà ở và các công trình được tính trên tổng: chi phí dỡ bỏ, hư hỏng gắn với việc di chuyển; chi phí vận chuyển đến; chi phí xây dựng nhà với vật liệu mới và lao động đi thuê.

- Việc phục hồi cuộc sống bao gồm các chi phí đào tạo hướng nghiệp, tạo việc làm, mở rộng dịch vụ, tín dụng và trợ cấp tạm thời cho đến khi hộ gia đình tự ổn định được cuộc sống.

Trên thực tế chính sách của EGTA đã vượt lên các qui định về khuôn khổ chính sách chung hiện hành, mang tính tiến bộ hướng tới mục tiêu nâng cao mức sống những người bị ảnh hưởng. Đây cũng là điểm mạnh trong chính sách của Thái Lan đưa đến những thành công trong công tác tái định cư, được đánh giá là một trong 4 quốc gia thực hiện tốt nhất trên thế giới hiện nay.

5.3. Chính sách tái định cư của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện nảy sinh ở Lào từ năm 1970 khi xây dựng công trình thủy điện Nậm Ngừm, với 3.200 cư dân bị ảnh hưởng hồ chứa. Do nhu cầu của sự phát triển quốc gia, Chính phủ Lào đã ban hành chính sách tái định cư vào năm 1998. Trong đó nổi bật các điểm chủ yếu sau:

- Coi việc giải quyết tái định cư không tự nguyện là *kết quả của dự án phát triển*, chứ không phải đơn thuần chỉ là thực hiện đền bù. Nó là một quá trình từ đền bù, tái bố trí và khôi phục cho những người bị ảnh hưởng của dự án nhằm đảm bảo rằng người dân có một cuộc sống tốt hơn, ổn định và bền vững.

- Các dự án phát triển có các dự án đầu tư nhằm tạo ra cơ sở hạ tầng và tài sản sản xuất hoặc dự án bảo vệ các tài nguyên quốc gia. Tư nhân cũng có thể tham gia vào các dự án phát triển như khách sạn, khu du lịch hoặc là dự án công cộng đường giao thông hoặc cũng có thể liên doanh công-tư như ở trường hợp dự án thủy điện Nậm Theum 2.

- Đền bù là việc trả bằng tiền hoặc hiện vật cho các tài sản bị thiệt hại trong trường hợp những nơi không phải tái bố trí. Trong trường hợp phải tái bố trí thì thực hiện cả việc đền bù và khôi phục.

- Khôi phục là các hoạt động nhằm bảo đảm đem lại một mức sống cao hơn trước đó thông qua việc tạo ra các hoạt động kinh tế lâu bền cho hộ gia đình.

- Tiêu chí dự án: dự án có từ 100 hộ gia đình bị ảnh hưởng trực tiếp trở lên được xếp vào loại dự án quan trọng và phải có dự án tái định cư hoàn chỉnh theo yêu cầu qui trình. Điểm qui định này rất phù hợp với điều kiện của Lào nơi có nhiều nhóm dân tộc, bộ tộc sinh sống mang tính đặc thù.

- Đền bù đất bằng giá trị thay thế dựa vào giá thị trường địa phương tại thời điểm thu hồi đất. Người bị ảnh hưởng có thể yêu cầu bồi thường đất thay thế (cả về số lượng và chất lượng đất), trường hợp đặc biệt có thể đền bù bằng tiền mặt.

- Đối với nhà ở là thay thế nhà ở cũ bằng nhà mới. Dự án chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu và xây dựng. Chủ nhà tham gia làm nhà thì sẽ được thanh toán tiền công lao động.

Chính sách tái định cư của Lào thể hiện nhiều điểm tiến bộ. Chính sách đó đã bảo đảm quyền lợi cho những người phải tái định cư không tự nguyện, đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng của các dự án phát triển vì lợi ích quốc gia.

Tái định cư ngày càng trở nên là vấn đề lớn hiện nay đối với nhiều quốc gia đang phát triển trên thế giới. Những nghiên cứu và chính sách tái định cư càng được mở rộng với mục tiêu xây dựng cuộc sống tốt hơn cho người dân, trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc công bằng, công khai, dân chủ. Quá trình tái định cư ở các nước đem lại nhiều bài học quý cho chúng ta khi xem xét phân tích các vấn đề trong nội dung và hoàn cảnh cụ thể, trong xây dựng và thực thi chính sách. Từ thực tiễn chúng ta cần nghiên cứu để xây dựng và ban hành chính sách riêng cho tái định cư các dự án thuỷ điện, thuỷ lợi để bảo đảm sự phù hợp tiến trình phát triển như các quốc gia đã tiến hành.

II. THÔNG TIN CƠ SỞ VỀ XÂY DỰNG THUỶ ĐIỆN VÀ VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN Ở NƯỚC TA.

Việc xây dựng các công trình thuỷ điện nhằm tạo nguồn năng lượng để phát triển kinh tế xã hội là một nhu cầu đặc biệt quan trọng . Nước ta đã có một số các công trình thuỷ điện đã được hoàn thành như Thác Bà, Hoà Bình, Trị An, Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi, Thác Mơ, Sông Hình và Vĩnh Sơn,v.v. tổng

công suất thiết kế 3.902 MW cung cấp lượng điện năng đáng kể. Với tiềm năng thủy điện sẵn có, chiến lược phát triển ngành điện 2010 sắp tới sẽ xây dựng khoảng 50 công trình thủy điện lớn và vừa với tổng công suất 5.077 MW, nếu kể cả thủy điện Sơn La là 7.477 MW.

Nhiều tỉnh và khu vực đã chú trọng phát triển và kinh doanh nguồn năng lượng này, như tỉnh Hà Giang đang triển khai kế hoạch xây dựng 21 công trình lớn nhỏ với tổng công suất 144 MW. Lào Cai, Yên Bái cũng đang có kế hoạch tương tự nhằm tự đáp ứng nhu cầu điện trong tỉnh, mặt khác cũng đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương.

Về quốc gia, riêng khu vực miền Trung và Tây Nguyên sẽ xây dựng 26 công trình thủy điện lớn với tổng công suất 3.613MW, tập trung trên lưu vực hệ thống các sông Sê Rê Pốc, Sê San, Đồng Nai là những khu vực có tiềm năng lớn. Trong đó riêng hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn có 8 dự án với công suất 1.220 MW.

Hình thức đầu tư cũng đa dạng, Chính phủ đã cho phép các doanh nghiệp ngoài ngành điện, cả doanh nghiệp tư nhân tham gia vào xây dựng các công trình. Trong số này có 21 công trình do ngành điện đầu tư với công suất 6.548 MW, ngoài Tổng Công ty điện lực đầu tư 23 công trình với công suất 929 MW dưới hình thức BOT hoặc BT. Điều này chứng tỏ khả năng sinh lời từ việc sản xuất và kinh doanh điện năng là khá lớn, hấp dẫn các nhà đầu tư.

Việc xây dựng các công trình thủy điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên, miền núi phía Bắc nhằm khai thác tiềm năng tài nguyên nước có một ý nghĩa quan trọng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Ngoài việc hàng năm các công trình thủy điện này cung cấp hàng chục tỷ kwh cho hệ thống điện lưới quốc gia, trị giá nhiều chục tỷ đồng, còn cung cấp nước tưới cho hàng chục ngàn ha đất sản xuất vùng đồng bằng, điều hoà lũ vào mùa mưa, cấp nước vào mùa hạn cho vùng đồng bằng Bình Thuận, Phú Yên, cát lũ và điều tiết nước cho đồng bằng Bắc Bộ, tạo điều kiện phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch, điều hoà khí hậu trong vùng.

Địa điểm xây dựng các công trình thủy điện đều nằm tại địa bàn miền núi, vùng cao. Diện tích thu hồi sử dụng lớn tới hàng chục ngàn ha, cho việc tạo lòng hồ, xây dựng các công trình nhà máy, khu phụ trợ và mặt bằng thi công v.v. Phần lớn đất ngập lại là các thung lũng, vùng đất thấp, bằng phẳng, màu mỡ nơi tập trung đông dân cư.

Việc phát triển các công trình thủy điện kéo theo vấn đề thu hồi đất và di dời dân cư để xây dựng các hồ chứa và công trình nhà máy. Trong số này có hơn 20 công trình có lượng di dân tái định cư lớn và đối tượng hầu hết là đồng

bào dân tộc thiểu số. Khu vực cần phải di dân lớn nhất là 3 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải Miền Trung.

Nếu như trước đây chúng ta xây dựng thủy điện số lượng dân cần phải di chuyển và ảnh hưởng khoảng trên 150.000 người (Thác Bà 6000 hộ – 30.000 khẩu, Hoà Bình 14.414 hộ – 89.720 khẩu, Ialy 4610 hộ – 24.610 khẩu v.v.) thì đến giai đoạn này số lượng lớn hơn nhiều. Ngoài thủy điện Sơn La cần phải tái định cư cho khoảng 100.000 người, các công trình khác có tới gần 300.000 người bị ảnh hưởng. Tổng cộng là khoảng 400.000 người, cao gấp 3 lần con số trước đây. Trong số này hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số, các nhóm ít người và rất ít người, chủ yếu là các tộc người thiểu số Thái, Khơ Mú, Mông, Dao Tày, Ba Na, Xơ Đăng, Gia Lai, v.v. Riêng công trình Pleikrông có một số lượng đáng kể hơn đồng bào Kinh.

Đời sống chủ yếu sản xuất nông nghiệp, làm rẫy và khai thác lâm sản phụ. Trình độ sản xuất còn rất thô sơ, quảng canh, sống phụ thuộc vào thiên nhiên là chính. Bên cạnh đó trình độ học vấn và khả năng tiếp thu các yếu tố kỹ thuật, văn hoá bên ngoài rất hạn chế. Nhiều tập quán, hủ tục vẫn còn tồn tại và duy trì trong đời sống cư dân và các buôn làng. Việc thay đổi điều kiện, môi trường sống của người dân là một vấn đề lớn đối với cuộc sống của mỗi con người và các cộng đồng đó vì khả năng thích nghi của họ rất hạn chế. Điều kiện sống của cư dân còn cực kỳ khó khăn như: Khơ mú (ở Sơn La), Mông (ở Nghệ An), Cờ Tu (ở Quảng Nam), Xơ Đăng (ở Kon Tum) v.v.

Do vậy, các công trình thủy điện có tác động ảnh hưởng nhiều mặt đến môi trường sinh thái và đời sống kinh tế-xã hội của nhân dân vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là đối với nơi số dân phải di dời để giải phóng mặt bằng cho công trình và lòng hồ.

Nhìn chung trong quá trình xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, những năm vừa qua công tác tái định cư cho đồng bào đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều điểm hạn chế. Trên thực tế, vấn đề quy hoạch và xây dựng các khu tái định cư cũng đang gặp những bất cập trong xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở, tổ chức sản xuất, vấn đề giải quyết đất đai, tổ chức sản xuất cho người dân định cư...

Nguyên nhân:

1. Thiếu hành lang cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác tái định cư. Hiện nay văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất về vấn đề này là Nghị định 22/ND - CP ngày 24/4/1998 tập trung chủ yếu cho công tác đền bù, phân tái định cư chưa đề cập nhiều. Hơn nữa, khung định mức áp dụng và một số nội dung qui định trong nghị định không còn phù hợp cần phải sửa đổi.

2. Việc tiến hành công tác tái định cư do bên đầu tư đảm nhận (từ khâu xây dựng dự án, duyệt thẩm định và tổ chức thực hiện), có sự phối hợp của địa

phương, nên thiên về hiệu quả kinh tế mà ít tính tới các tác động kinh tế xã hội lâu dài, nhất là đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Thiếu cơ chế giám sát đánh giá và tiêu chí đánh giá cụ thể công tác tái định cư và cơ quan giám sát đánh giá.

Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết trong thời gian tới.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN Ở NƯỚC TA QUA CÁC GIAI ĐOẠN.

1. Giai đoạn trước 1993.

Đây là giai đoạn nước ta còn trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung bao cấp và bắt đầu mới có sự chuyển đổi sau Đổi mới 1986. Việc đền bù, tái định cư cho nhân dân khi nhà nước thu hồi đất xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi cũng như các công trình an ninh quốc phòng khác còn hết giản đơn. Việc này dựa trên quan niệm đất đai chủ yếu thuộc sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể nên trong trường hợp khi cần thiết, Nhà nước chỉ thu hồi lại mà không nhất thiết đền bù cho nhân dân. Nếu có chăng chỉ đền bù cho chính quyền địa phương hay tập thể đang sử dụng đất có các tài sản bị thiệt hại, không qui định mức đền bù mà chủ yếu đền theo thỏa thuận. Rất nhiều công trình, dự án của Nhà nước đã động viên nhân dân phá dỡ nhà cửa hoặc trả một phần đất đai mà không cần phải đền bù. Các hộ bị mất đất, bị ảnh hưởng tự khắc phục những thiệt hại, những khó khăn trong cuộc sống. Đây được xem như là một điều bình thường, đồng thời là tiêu chuẩn cho việc đánh giá chấp hành chủ trương chính sách của Nhà nước, đánh giá sự hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung toàn xã hội. Khi xây dựng các công trình thủy điện Thác Bà những năm 1960, Thủy điện Sông Đà những năm 1970 -1980 là minh chứng cụ thể cho nhận định trên. Hàng chục ngàn hộ gia đình đồng bào các dân tộc ở các tỉnh Yên Bái, Hoà Bình, Sơn La đã rời bỏ làng bản, những cánh đồng trù phú, hy sinh quyền lợi của mình đóng góp cho dòng điện của tổ quốc, cho sự phát triển của đồng bằng và các đô thị. Tuy nhiên cũng vì quan niệm, khó khăn về tài chính và cách thức giải quyết như vậy nên đời sống đồng bào diện phải di rời rất khó khăn. Nhiều bản ở Phù Yên- Sơn La phải tái định cư nhiều lần mới ổn định được cuộc sống mới. Hậu sông Đà để lại kết quả cũng hết sức nặng nề, nhà nước hiện đang tích cực đầu tư nhưng trong thời gian dài nữa mới giải quyết hết được.

2. Giai đoạn 1993 –2001

Đây là giai đoạn nước ta bước vào công cuộc phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế chuyển dần từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được những thành tựu to lớn. Các dự án phát

triển tăng lên một cách rõ rệt, nhất là các công trình thủy điện đã mang lại lợi ích to lớn cho đất nước, làm thay đổi cuộc sống của dân cư nhiều vùng. Bên cạnh đó một bộ phận dân cư bị ảnh hưởng về đất đai, tài sản và các nguồn thu nhập nên đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Về quan điểm chung, thay vì nhấn mạnh lợi ích quốc gia, lợi ích tập thể như trước đây, Nhà nước đã chú trọng một cách hài hoà đến lợi ích các nhân và ngày càng được khuyến khích, bảo vệ và coi đó là động lực của sự phát triển với mục tiêu xây dựng: dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lấy con người là mục tiêu là trung tâm và động lực của sự phát triển. Chính sách của nhà nước đã có sự thay đổi căn bản về cách giải quyết trong vấn đề thực hiện đền bù, di dân tái định cư.

Hiến pháp 1992 và Luật đất đai 1993 ra đời và có hiệu lực, đã đặt cơ sở pháp lý cho chính sách đền bù và tái định cư. Cụ thể hoá bằng Nghị định 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ và Nghị định 22 /1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Nghị định 22 đã tăng thêm mức đền bù về đất đai, nhà cửa, hoa màu, các tài sản khác cũng như một số biện pháp hỗ trợ để ổn định đời sống và sản xuất của người bị ảnh hưởng theo hướng bù đắp từng phần các thiệt hại trực tiếp của người dân. Tuy vậy các chính sách này nội dung đền bù còn rất nghèo nàn và thực hiện không đầy đủ, triệt để trên thực tế và kết quả chưa đạt được như mong muốn. Do vậy *Thủy điện Hoà Bình*: sau 15 năm vẫn chưa giải quyết được cơ bản, nhà nước phải tiếp tục có dự án ổn định dân cư giai đoạn II. *Thủy điện Ialy*: được đánh giá là tốt hơn, nhưng vấn đề đời sống người dân vẫn chưa ổn định, quản lý còn chồng chéo v.v.

Ngoài ra việc thực hiện chính sách tái định cư ở các dự án ở các vùng rất khác nhau do tiến trình xây dựng chính sách, cả chung và riêng. Một số dự án lớn vay từ nguồn vốn nước ngoài (Ngân hàng Thế Giới, Quỹ Phát triển của Chính phủ Nhật Bản) như công trình thủy điện Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi v.v. được đòi hỏi phải có chính sách tái định cư thoả đáng, tiếp cận cách giải quyết vấn đề tái định cư của các quốc gia trên thế giới, từng bước đáp ứng đầy đủ hơn cho nhu cầu ổn định cuộc sống cho người dân. Bằng khả năng ngân sách cao nhất, nhà nước đang cố gắng giải quyết vấn đề đời sống nhân dân diện tái định cư mới cũng như các đối tượng trước đây như ở thủy điện Hoà bình.

3. Giai đoạn 2001 – nay.

Trước xu hướng phát triển ngành công nghiệp, nhất là thủy điện ngày càng mạnh mẽ. Nhiều công trình thủy điện lớn được xây dựng ở nước ta nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước. Đi cùng với nó là việc giải quyết vấn đề đền bù di dân tái định cư với khối lượng ngày càng lớn và tầm quan trọng của nó cũng như nhu cầu thực hiện công bằng xã hội càng đòi hỏi những quan điểm nhận thức mới, cách làm mới đem lại hiệu quả.

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương khoá IX về “Tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, phân chính sách bồi thường, tổ chức tái định cư và hỗ trợ tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất có ghi:

“... Khi xây dựng các dự án đầu tư dẫn đến phải thu hồi đất đang sử dụng, phải lập dự án tái định cư cho người có đất bị thu hồi và phải xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất; đồng thời chú trọng đào tạo để chuyển đổi nghề cho lao động tái định cư. Người đang sử dụng đất hợp pháp khi bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ tái định cư và tạo việc làm theo nguyên tắc “bảo đảm cho người bị thu hồi đất đến chỗ ở mới có điều kiện phát triển bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ...”

Trong *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đề cập:*

1. “Thực hiện tốt công tác định canh định cư, hạn chế di dân tự do, ổn định sản xuất, nâng cao đời sống các dân tộc ít người phù hợp với tập quán người dân...” (Tr 99)

2. “Chính sách bảo đảm quyền lợi của người dân gắn với lợi ích của việc bảo vệ nguồn tài nguyên chung “ (T. 95).

3. “Bảo đảm các dân tộc ít người được thực sự hưởng lợi từ quá trình tăng trưởng kinh tế.” (T. 67)

Trong vấn đề thực hiện di dân, tái định cư

Về nguyên tắc chung

-Bảo đảm quyền lợi cho người dân về những thiệt hại, ảnh hưởng do việc thu hồi đất đai và di dân tái định cư. Cả nơi đi và nơi đến

- Bảo đảm các điều kiện để phát triển kinh tế xã hội. Bao gồm cơ sở hạ tầng, điều kiện sản xuất, nhất là đất đai, yếu tố môi trường sống .

- Bảo đảm tính phù hợp trong bối cảnh văn hoá, đặc điểm vùng và dân tộc. Tránh những tác động ảnh hưởng lớn về tâm lý xã hội cộng đồng trong việc xây dựng các điểm tái định cư mới, tổ chức quản lý cộng đồng dân cư v.v.

Về cơ chế, chính sách:

- Bảo đảm tính phù hợp của các điều khoản qui định của chính sách áp dụng, bảo đảm quyền lợi cao nhất cho người dân

- Bảo đảm yếu tố phát triển trong chính sách, tức là tiếp cận dần cách thức giải quyết của quốc tế nhằm thực hiện các công bằng xã hội
- Bảo đảm tính hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện. Chính sách đi vào cuộc sống, được nhân dân chấp nhận và giải quyết được cơ bản yêu cầu ổn định đời sống và phát triển sản xuất của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.

Với những nhận thức và chính sách mới vấn đề tái định cư ở các công trình thuỷ điện ngày càng được giải quyết tốt hơn, mang tính đồng bộ và đầu tư ngân sách tương xứng. Khi chuẩn bị tiến hành chuẩn bị tái định cư thuỷ điện Sơn La, công tác nghiên cứu đã được tiến hành tỷ mỉ, chi tiết đồng bộ giữa công tác qui hoạch và thiết kế, đồng thời chính sách thực hiện cũng được nâng lên rõ rệt nhằm giải quyết ổn định cuộc sống cho người dân.

Phần II

CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

I. THÔNG TIN CƠ SỞ VỀ CÁC CÔNG TRÌNH VÀ QUI MÔ TÁI ĐỊNH CƯ

1. Dự án thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh Phú Yên.

Dự án Thủy điện Sông Hinh là công trình được Chính phủ cho phép đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên, và kế hoạch khảo sát chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Sông Hinh được thực hiện từ những năm 1979, 1980. Đây là dự án đa mục tiêu có tầm chiến lược quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công trình thủy điện Sông Hinh không những chỉ cung cấp năng lượng điện cho 02 tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà mà còn hoà vào lưới điện Quốc gia để phục vụ toàn bộ nền kinh tế quốc dân, với công suất 2 tổ máy 70MW, điện lượng trung bình hàng năm 380 triệu KWh.

Bên cạnh đó, thủy điện Sông Hinh không những chỉ cung cấp nước tưới cho 5.500 ha ở khu vực xã Sơn Giang thuộc huyện Sông Hinh và xã Sơn Thành thuộc huyện Tuy Hoà, đồng thời bổ sung nước tưới cho hệ thống thủy nông Đồng Cam, bảo đảm nước tưới cho 25.000 ha ruộng lúa cho cánh đồng Tuy Hoà vào những tháng kiệt và để phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản (sản lượng 500 tấn/năm).

Khởi công xây dựng công trình chính: ngày 1995.

Phát điện và hoàn thành toàn bộ công trình năm 2001.

Tổng số dân phải di chuyển 473 hộ, 1.930 khẩu.

Tổng giá trị công trình: 1.843 tỷ VNĐ

Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 38,5 tỷ VNĐ

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thủy điện 3 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

2. Dự án thủy điện Hàm Thuận - Đamì thuộc tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng

Dự án thủy điện Hàm Thuận - Đamì được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt LCKTKT tại Quyết định số 248/TTg ngày 14/5/1994 và đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt thiết kế chi tiết tại quyết định số 363/NL/XDCB ngày 21/9/1995.

Địa điểm xây dựng: Tại huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận và huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhiệm vụ công trình là tăng nguồn điện để cung cấp điện cho các tỉnh phía Nam. Công suất: 475MW (Hàm thuận 150x2MW + Đamì 87,5x2 MW)

Điện lượng trung bình năm: 1.555,3 triệu KWh

Hồ chứa gồm hai hồ:	Hồ Hàm Thuận	Hồ Đami
---------------------	--------------	---------

Mức nước dâng bình thường:	605m	325m
----------------------------	------	------

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	35.16km ²	6.30km ²
--------------------------------	----------------------	---------------------

Dung tích toàn bộ	694,73 triệu km ³	104,78 triệu km ³
-------------------	------------------------------	------------------------------

Khởi công xây dựng công trình chính: ngày 16/5/1997.

Phát điện tổ máy một vào năm 2001, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2003.

Tổng số dân bị ảnh hưởng : 4.673 khẩu, số dân phải di chuyển 470 hộ; 2.356 khẩu.

Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 64 tỷ VNĐ

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thủy điện 6 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

3. Dự án thủy điện Ialy thuộc tỉnh Kon Tum và Gia Lai

Công trình thủy điện Ialy được xây dựng trên sông Sê san thuộc địa phận 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Theo thiết kế kỹ thuật Nhà máy thủy điện Ialy có công suất 720 MW, hàng năm cung cấp một lượng điện trung bình 3,68 tỷ KWh sẽ hoà vào lưới điện quốc gia qua trạm 500KV Pleiku. Để sản xuất ra lượng điện trên phải xây dựng đập dâng dài 1.190m, cao 70m .

Hồ chứa có diện tích 64,5 km², với mức nước dâng bình thường 515m.

Diện tích đất bị ngập trong lòng hồ dưới cao trình 515m: 2.678 ha

Tổng số dân bị ảnh hưởng : 4.862 hộ, 33.299 khẩu , số dân phải di chuyển 1.658 hộ , 9.375 khẩu.

Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 372 tỷ VNĐ

Khởi công xây dựng công trình chính: 1989

Phát điện tổ máy I vào năm 1999, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2001.

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thủy điện 4 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

4. Dự án thủy điện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang:

Dự án thủy điện Na Hang, Tuyên Quang được khởi công ngày 22/12/2002 là một trong những công trình trọng điểm năng lượng của khu vực phía Bắc.

Công trình thủy điện Na Hang Tuyên Quang cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia với công suất 342MW, điện lượng trung bình bình 1,2 tỷ Kwh,

đồng thời cắt lũ sông Hồng với dung tích 1 tỷ m³ ,điều tiết lũ và điều hoà thủy lợi cho đồng bằng Bắc Bộ.

Khởi công xây dựng công trình chính: ngày 22/12/2002. Ngăn dòng 4/2006

Phát điện tổ máy một vào cuối năm 2006, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2007.

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Mực nước dâng bình thường 120m

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT 79,78km²

Dung tích toàn bộ 2.244,9 triệu m³

Tổng mức đầu tư: 7.522 tỷ VND. Vốn di dân tái định cư: 1.200 tỷ VND

Tổng số xã phải di chuyển : 13 (trong đó 5 xã di chuyển hoàn toàn, 8 xã di chuyển một phần)

Tổng số dân bị ảnh hưởng: 4.622 hộ, 22.615 khẩu gồm 4 dân tộc chính – Tày, Dao, Kinh và Mông ở 83 thôn/12 xã và 1 thị trấn. Có 44 thôn chủ yếu là người Tày, 23 thôn chủ yếu người Dao và 3 thôn chủ yếu là người Mông.

Vùng lòng hồ và công trình chính – 4.374 hộ, 21.141 khẩu, trong đó số hộ phải di chuyển hoàn toàn là 4.027 hộ – 19.248 khẩu . Số hộ thuộc mặt bằng công trình phụ trợ 284 hộ – 1.024 khẩu.

5. Dự án thủy điện Hoà Bình.

Địa điểm xây dựng: Thị xã Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, khu vực lòng hồ thuộc tỉnh Sơn La và Hoà Bình.

Công suất : 1.920 MW

Điện lượng trung bình năm: 7,8 tỷ KWh

Mực nước dâng bình thường: 115m

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT 280 km²

Tổng số dân bị ảnh hưởng : 14.414 hộ, 89.720 khẩu ; riêng tỉnh Hoà Bình 9.214 hộ, 55.772 khẩu trên địa bàn 23 xã.; Sơn La 5.200 hộ, 32.000 khẩu.

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Tổng công ty Sông Đà

6. Dự án thủy điện Sơn La

Địa điểm xây dựng : xã Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La, khu vực lòng hồ thuộc tỉnh Sơn La và Lai Châu.

Công suất : 2.400 MW

Điện lượng trung bình năm: 17.408 tỷ KWh

Mức nước dâng bình thường: 215 m

Dung tích hồ chứa: 5.99 tỷ m³

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT 224,2 km²

Tổng số dân bị ảnh hưởng đến 2010: 24.670 hộ, 123.362 khẩu, số hộ phải di chuyển 18.240 hộ. Trong đó Sơn La 11.400 hộ, Lai Châu 6.840, trên địa bàn 9 huyện, 40 xã, 322 bản.

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý xây dựng thủy điện Sơn La.

7. Điểm dự án mẫu Si Pa Phìn, huyện Mường Lay tỉnh Lai Châu, dự án thủy điện Sơn La

+ Mục tiêu

Xây dựng mô hình mẫu tái định cư nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp để tiến hành các dự án di dân, tái định cư khác của dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn la trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Địa điểm

Dự án di dân tái định cư mẫu, được thực hiện tại khu vực suối Nậm Chim xã Si pa Phìn, huyện Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Dân tái định cư đến từ xã Chăn Nưa huyện Mường Lay (cũ).

+ Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội nơi xây dựng dự án

Là một dự án mẫu nên khu vực lựa chọn để xây dựng công trình có điều kiện so địa hình của tỉnh khá thuận lợi: Xã Si Pa Phìn có tiềm năng đất đai lớn, địa hình đồi bát úp, có nguồn nước phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu, nhân dân sở tại cùng quê hương cũ được định cư ở đây khoảng năm 1993 .

+ Qui mô của công trình

Theo qui hoạch dự án tái định cư mẫu Si Pa Phìn tập trung tại một điểm, khả năng tiếp nhận 200 hộ, tổng vốn đầu tư 100.000 triệu đồng.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Mường Lay.

+ Thời gian thực hiện : 2 năm từ năm 2002 đến 2003.

8. Điểm dự án mẫu Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, dự án thủy điện Sơn La

+ Mục tiêu

Xây dựng mô hình mẫu tái định cư nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp để tiến hành các dự án di dân tái định cư khác của dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn la trên địa bàn tỉnh Sơn La..

+ Địa điểm : Dự án di dân tái định cư mẫu, được thực hiện tại xã Tân Lập, Nông trường Sao Đỏ, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Dân tái định cư đến từ xã ít Ong huyện Mường La, xã Liệp Tề huyện Thuận Châu.

+ Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội nơi xây dựng dự án

Là một dự án mẫu nên khu vực lựa chọn để xây dựng công trình có điều kiện khá thuận lợi: Xã Tân Lập có tiềm năng đất đai lớn, địa hình bằng phẳng, gần thị trấn Mộc Châu là nơi có điều kiện kinh tế phát triển vào loại nhất tỉnh Sơn La.

+ Qui mô của công trình

Theo qui hoạch dự án tái định cư mẫu Tân Lập chia thành 8 điểm, khả năng tiếp nhận 411 hộ, tổng vốn đầu tư 234.300 triệu đồng.

+ Chủ đầu tư: Ban công tác Sông Đà tỉnh Sơn La.

+ Thời gian thực hiện: từ năm 2002 đến 2004.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ MẪU

1. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Sông Hình (tại tỉnh Phú Yên)

Dự án Thủy điện Sông Hình được xây dựng trên địa bàn huyện Sông Hình-tỉnh Phú Yên với công suất 70 MW, cung cấp điện cho hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà trong lưới điện chung của quốc gia, đồng thời cung cấp nước tưới cho 5.500 ha ở khu vực xã Sơn Giang-Sông Hình và xã Sơn Thành-Tuy Hoà....

Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và di dân, tái định cư do UBND huyện Sông Hình lập từ năm 1992 được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại quyết định số 1529/QĐ-UB ngày 15/12/1995. Tuy nhiên mới được thực hiện từ năm 1998 đến 1999.

Phạm vi di dời bao gồm địa bàn xã Sông Hình, 3 buôn thuộc xã Ea Trol và 2 buôn thuộc xã Đức Bình Đông. Tổng số lượng được đền bù do ảnh hưởng: 473 hộ, 2361 nhân khẩu, (số di dời là 419 hộ, 1.930 khẩu), chủ yếu là đồng bào Ê Đê. Trong đó xã Đức Bình Đông 163 hộ, 555 khẩu; xã Ea Trol 170 hộ, 617 khẩu; xã Sông Hình 134 hộ, 704 khẩu.

+ *Về mức đền bù thiệt hại:* Việc tổ chức đền bù được thực hiện căn cứ Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 4/11/1992 hướng dẫn thi hành ND số 22/1998/ND-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về “Đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng) của Bộ Tài chính. Văn bản số 4.448/TC-QLCS ngày 4/9/1999 về “Hướng dẫn xử lý một số vướng mắc trong công tác đền bù của Bộ Tài chính”.

Nội dung đền bù bao gồm: Đền bù nhà cửa, chuồng trại, hỗ trợ làm nhà, hỗ trợ vận chuyển, hỗ trợ lương thực và đền bù đất đai cây cối.

Nhìn chung, phần lớn các hộ dân đều được đền bù một cách thoả đáng, tuy nhiên có một số hộ do thiếu sót trong công tác điều tra quỹ đất đai để đền bù cũng như việc thống kê số hộ không đầy đủ và một số nguyên nhân khách quan khác nên không có trong danh sách đền bù lúc đầu hoặc việc đền bù không được thoả đáng.

- Mức đền bù hỗ trợ mỗi hộ ít nhất 15.000.000đ và nhiều nhất là 45.000.000đ. Tổng số tiền đền bù: 12.117.659.523đ, bao gồm cả tiền đền bù đất sản xuất. Trong đó:

- Trong lòng hồ: 11.131.043.432 đ

- Ngoài lòng hồ: 986.616.091 đ

+ **Đất đai:** Tại khu tái định cư mới mỗi hộ được cấp 2.000 m² đất để xây dựng nhà ở (và vườn nhà). Riêng đất sản xuất, không thực hiện phương án đổi đất như các dự án khác. Nhân dân nhận tiền để tổ chức tự khai hoang hoặc sang nhượng lại của các hộ dân có nhiều diện tích để tổ chức sản xuất. Do vậy phương án đầu tư thủy lợi không được tính đến trong cơ cấu đầu tư làm cho người dân gặp phải khó khăn khi ổn định cuộc sống ở nơi định cư mới. Trong khi đó ở nơi ở cũ hầu hết người dân có quỹ đất lớn hơn, chất lượng đất canh tác tốt.

+ **Nhà ở:** Thực hiện phương án dân nhận tiền và việc xây dựng nhà ở do dân tự làm theo phong tục và ý muốn của từng hộ trên cơ sở quy hoạch chung của xã, huyện, huyện tiến hành giám sát kiểm tra. Việc cấp tiền đền bù xây dựng nhà ở sau khi thống nhất với các Già làng, Trưởng bản huyện áp dụng phương thức: Dân nhận tiền trực tiếp và ngay sau đó số tiền này được gửi vào ngân hàng, khi cất nhà xong có sự xác nhận của Ban ĐCĐC mới cho rút tiền để chi trả. Với cách quản lý này phù hợp với đặc thù của đồng bào dân tộc làm cho tiền đền bù phát huy hiệu quả.

+ **Các chính sách hỗ trợ và khôi phục cuộc sống:**

Hỗ trợ giống cây trồng: Bằng các nguồn vốn trợ cước trợ giá, hỗ trợ đồng bào khó khăn v.v... UBND huyện đã tiến hành mua giống cây trồng như: Giống bắp lai, giống lúa v.v... để hỗ trợ cho bà con sản xuất. Ngoài ra bà con còn được vay vốn ưu đãi của ngân hàng người nghèo để đầu tư cho sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Tuy nhiên nguồn kinh phí này lại không nằm trong dự án tái định cư mà từ nguồn chính sách hỗ trợ hàng năm của Chính phủ.

+ **Về vốn đầu tư:** Tổng kinh phí đầu tư là 34 tỷ VND (chiếm 1,8% vốn đầu tư toàn bộ công trình) nhưng chi phí giải phóng mặt bằng đã chiếm 23%,

phần đầu tư cơ sở hạ tầng chiếm 44%. Phần hỗ trợ trực tiếp cho hộ và đền bù chiếm 33 %, gồm cả chi phí mua đất sản xuất. Thực chất phần hỗ trợ cho người dân phát triển sản xuất và ổn định đời sống chưa cân đối với phần đầu tư cơ sở hạ tầng. Riêng kinh phí làm đường tránh ngập là hơn 6,6 tỷ đồng, chiếm 19% tổng đầu tư tái định cư.

Bình quân đền bù và hỗ trợ trực tiếp:

- Cho mỗi hộ: 23.524.404 đ, - Cho mỗi khẩu: 5.765.307đ

Bình quân xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư

- Cho mỗi hộ: 32.292.949 đ -Cho mỗi khẩu: 7.914.282đ

Bình quân cho cả đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư

- Cho mỗi hộ: 55.817.353 đ - Cho mỗi khẩu: 13.679.589đ

+ *Đánh giá chung về công tác tái định cư*

- So với các dự án thủy điện khác, vùng tái định cư công trình thủy điện Sông Hinh có một số thuận lợi do quỹ đất còn, tập trung ven vùng hồ nên cự ly di chuyển không xa. Hơn nữa vị trí tái định cư lại ở gần khu trung tâm huyện. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng tốt như hệ thống điện, đường, trường, trạm đã góp phần cải thiện điều kiện sống đáng kể, giúp người dân tiếp cận với thị trường, với văn minh của xã hội. Nhìn chung đây là những điểm tái định cư được xem là thành công nhất trong các điểm được khảo sát.

- Nhà ở do người dân tự xây dựng nên phù hợp với phong tục tập quán sinh sống, tiện lợi trong sinh hoạt. Làng được bố trí một cách tự nhiên nên tạo được cảm giác hài hòa. Chi phí đầu tư xây dựng nhà ở thấp hơn nhiều so với các công trình khác, tiết kiệm được nguồn kinh phí đáng kể cho nhà nước .

- *Về nước sinh hoạt:* Chủ yếu là dùng nước giếng nhưng do điều kiện địa hình thủy văn hầu hết giếng đều có độ sâu lớn vào những mùa nắng hạn tình hình thiếu nước sinh hoạt thường xuyên xảy ra. Trước tình hình đó huyện đã khắc phục bằng cách sử dụng nguồn vốn của chương trình 135 để tổ chức đào thêm giếng nước (ngoài số giếng do Ban quản lý thủy điện đào từ nguồn vốn tái định cư) phục vụ nhân dân. Ngoài ra hiện nay tỉnh đang cho xây dựng công trình nước tự chảy để phục vụ nhân dân xã Sông Hinh. Nhìn chung nước sinh hoạt vào mùa khô vẫn còn khó khăn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng.

- *Về điện sinh hoạt:* Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia vào khoảng 70%, số còn lại chủ yếu do không có điều kiện để kéo dây điện từ trụ 0,4KV vào nhà.

- *Về phương thức canh tác:* Sản xuất nông nghiệp truyền thống của bà con là trồng trọt và chăn nuôi. Nhìn chung tại khu vực Buôn Đức, Buôn Mùi tình trạng dân thiếu đất sản xuất là phổ biến, UBND huyện đang từng bước khắc phục bằng cách xây dựng các công trình thủy lợi để phát triển lúa nước

giúp cho đồng bào có đủ lương thực ổn định cuộc sống. Chăn nuôi đại gia súc đang gặp khó khăn do thiếu đồng cỏ.

- *Về giáo dục*: Nhìn chung trẻ em đều được đến lớp, lượng giáo viên không thiếu, tuy nhiên cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục vẫn còn nhiều hạn chế.

- *Về công tác tổ chức*: có sự phối hợp tốt giữa ban quản lý dự án ngành điện với ban chỉ đạo địa phương ở tất cả các cấp tỉnh, huyện, xã và đặc biệt cấp huyện trong việc vận động tuyên truyền nhân dân và tổ chức thực hiện công tác di dân tái định cư.

+ Những tồn tại và hạn chế:

- Về đền bù đất sản xuất: Việc thống kê thiếu đầy đủ do đó làm cho một số diện tích của người dân không được đền bù.

- Trong quá trình quy hoạch khu tái định cư huyện có đề cập đến vấn đề xây dựng các công trình thủy lợi để mở diện tích lúa nước giúp bà con đầu tư sản xuất theo hướng thâm canh nhưng các dự án về thủy lợi không được cấp trên đầu tư, với điều kiện kinh phí của huyện không có làm cho các công trình không được triển khai xây dựng kịp thời vì vậy tình trạng thiếu đất sản xuất đã xảy ra phổ biến.

- Các chính sách khuyến nông khuyến lâm không được đầu tư thích đáng cho vùng tái định cư ngay từ ban đầu.

- Đời sống đồng bào chưa thực sự ổn định vì sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên và người dân chưa chuyển đổi được cách thức canh tác truyền thống. Theo báo cáo của UBND Huyện tỷ lệ hộ nghèo ở vùng tái định cư (theo tiêu chí mới) còn cao tới 54%.

Những vấn đề cần tiếp tục giải quyết

- Xây dựng bổ sung các công trình thủy lợi ở vùng tái định cư như các trạm bơm, hồ chứa, đập dâng nếu có thể và hỗ trợ kinh phí để khai hoang và san ủi đồng ruộng, tạo thêm quỹ đất canh tác cho người dân.

- Hỗ trợ khuyến nông khuyến lâm, hỗ trợ giống cho người dân sản xuất.

2. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Hàm Thuận

- Đa mi (phần tái định cư tại tỉnh Lâm Đồng).

Diện di chuyển khỏi lòng hồ Hàm Thuận tái định cư tại Huyện Bảo Lộc và Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có 470 hộ với 2.536 khẩu, hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện trên qui mô 3 xã Lộc Nam (thôn 1,2,3 và thôn 9), Hoà Bắc (thôn Kon Rum lớn và Kon Rum nhỏ) và Hoà Nam (thôn 13). Trong đó xã Lộc Nam 337 hộ, 1.788 khẩu; Hoà Bắc 106 hộ, 612 khẩu; Hoà Nam 27 hộ (136 khẩu).

+ *Về nhà ở* : hỗ trợ nhà ở 12 tr đ/hộ, chủ đầu tư không xây dựng nhà ở cho dân

+ *Các chính sách hỗ trợ khác*: di chuyển chỗ ở – 3 triệu đ/hộ cho tháo dỡ, vận chuyển, cấp 30 kg gạo trong 12 tháng với đơn giá 4000 đ/kg.

Ngoài phần hỗ trợ về lương thực, di chuyển nhà ở, mô tả không có những hỗ trợ về thuốc chữa bệnh, sách vở học sinh, vật tư phân bón, giống cây trồng vật nuôi v.v.

+ *Đánh giá chung về công tác tái định cư, định canh ở tỉnh Lâm Đồng.*

- Công tác tái định cư đã có bước khảo sát, nghiên cứu chuẩn bị trước khi tiến hành thực hiện, bảo đảm quyền lợi của người dân trên các mặt kinh tế, văn hoá xã hội. Tạo cơ hội qui hoạch, bố trí lại dân cư, sản xuất góp phần xoá đói giảm nghèo vùng dân tộc. Cơ sở hạ tầng được xây dựng và cải thiện đáng kể tạo điều kiện nâng cao đời sống mọi mặt của người dân vùng dự án.

Bên cạnh những mặt được trên, còn những điểm tồn tại cần khắc phục là:

- Quá trình khảo sát ban đầu chưa được kỹ càng, nhất là việc điều tra hộ đồng bào trong vùng dự án được hưởng chế độ đền bù, giải toả nên phải làm đi làm lại nhiều lần mà vẫn thiếu sót. Hiện vẫn còn tới 234 hộ với 1.273 khẩu trong diện trên chưa được giải quyết do trước đây họ đã sống trong vùng lòng hồ nhưng vào thời điểm kiểm kê họ lại ở nơi khác theo tập quán du canh.

- Chưa giải quyết đồng bộ vấn đề nhà ở, đất ở, đất sản xuất, các biện pháp hỗ trợ ổn định đời sống cho người dân trong khi tiến hành qui hoạch các khu định cư. Chủ đầu tư chủ yếu còn nặng về tính hiệu quả kinh tế trước mắt của dự án mà chưa thật chú trọng đến hiệu quả lâu dài về mặt xã hội mang tính đặc thù đồng bào dân tộc.

- Đơn giá đền bù thấp trong thời điểm hiện nay trong khi khung pháp lý chậm được điều chỉnh và sửa đổi đã hạn chế kết quả thực hiện của chủ đầu tư cũng như bảo đảm quyền lợi của người dân.

- Sự phối kết hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương chưa thật tốt. Chủ yếu do bên chủ đầu tư tự tiến hành từ khâu khảo sát, qui hoạch đến tổ chức thực hiện nên đã phát sinh nhiều vấn đề vướng mắc.

3. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Hàm Thuận-Đa Mi (tại tỉnh Bình Thuận)

Dự án thủy điện Hàm Thuận-Đa Mi được đầu tư xây dựng tại địa bàn xã La Dạ-huyện Hàm Thuận Bắc (*phần xây dựng thủy điện đến nay đã hoàn thành*). Phương án đền bù, di dân tái định cư: không được đặt vấn đề xem xét ngay từ khi lập dự án Thủy điện (*không có đền bù hoa màu, đất đai*). Đến

năm 1998 theo đề nghị của địa phương. Tổng Công ty Điện lực Việt nam mới phê duyệt đề cương và khối lượng khảo sát thiết kế kỹ thuật- thi công khu tái định cư La Dạ và 2 hồ chứa nước Đatran + Saluon thuộc phần Dự án đền bù 2m³/s để bù lại những mất mát ảnh hưởng của việc chặn dòng sông La Ngà đến sinh hoạt, sản xuất, môi trường sinh thái và đời sống của nhân dân 2 xã Đông Giang và La Dạ.

+ *Kết quả thực hiện tái định cư về cơ sở hạ tầng*

- Xây dựng khu nhà ở 150 căn hộ (trong tổng số 370 hộ bị ảnh hưởng) trên khuôn viên 1.000m² đất/hộ và các công trình công cộng cho đồng bào DTTS xã La Dạ. Diện tích xây dựng: 40m²/căn hộ; các công trình phụ: Bếp: 5m²/căn hộ + Hồ xí 2 ngăn: 1,6m²/căn hộ + Giếng nước đang triển khai

- Đường giao thông (La Dạ - Đa Mi) với chiều dài: 12km, kết cấu đá dăm láng nhựa, nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m.

- Hệ thống điện trung thế và hạ thế: Đường dây trung thế dài: 17,5km và đường dây hạ thế: 6,05km; 4 trạm hạ thế: 2 trạm 3 x 25KVA; 2 trạm 1 x 25KVA.

+ ***Tái định canh:*** xây dựng hệ thống thủy lợi là hồ chứa nước Đatran, năng lực tưới 40ha cùng hệ thống đường ống nước chính: 3000m và ống nhánh: 1670m; đường vào vận hành đập dài 3,57km, chiều rộng 6m, nền đường 3,5km, kết cấu đá kẹp đất, phục vụ 40 ha khai hoang (*đang hoàn thiện hạng mục này*). Đồng thời đang chuẩn bị thực hiện xây dựng hồ chứa nước Saluon + kênh mương tưới và toàn bộ phần khai hoang 455 ha đất sản xuất để giao cho mỗi hộ từ 1,5 - 2 ha đất canh tác. Tuy nhiên đến thời điểm tháng 8.2003, công việc khai hoang mới bắt đầu và người dân vẫn chưa có đủ đất sản xuất .

+ ***Thực hiện các chính sách hỗ trợ khác:*** không được đặt ra trong đề cương được duyệt, nên khi thực hiện có nhiều lúng túng, đời sống nhân dân gặp khó khăn.

+ ***Đánh giá chung về công tác tái định cư tại điểm La Dạ tỉnh Bình Thuận.***

Ưu điểm

- Các công trình được thi công hoàn thiện và bàn giao cho hộ gia đình địa phương, quản lý sử dụng. Đến nay một số công trình đã phát huy hiệu quả tạo điều kiện phát triển toàn diện dân sinh kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

- Cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện được xây dựng góp phần phục vụ tốt hơn về đời sống, sản xuất của nhân dân, tạo điều kiện thu hút các dự án, các chương trình đầu tư toàn diện cho địa bàn phát huy hiệu quả.

- Quy quy hoạch, dân cư được di dân và sắp xếp lại, nhà ở được xây dựng, bước đầu ổn định nơi ở và sinh hoạt cho 1/3 hộ dân của xã La Dạ.
- Các chương trình tiếp tục đầu tư nhất là thủy lợi và khai hoang đất, đồng ruộng, sẽ góp phần quan trọng giải quyết cơ bản đời sống sản xuất đồng bào dân tộc thiểu số 2 xã Đông Giang và La Dạ.

Những tồn tại:

- Công trình chính (hồ và nhà máy) đã hoàn thành đưa vào sử dụng, tuy nhiên chương trình tái định cư đã chuẩn bị từ lâu nhưng triển khai thì công chậm, đến nay chỉ đạt giá trị 12,5/25 tỷ đồng. Một số công trình thì công kéo dài và còn lại nhiều công trình cấp thiết chưa được thi công: Hồ Salon, tuyến kênh Đatrían và khai hoang xây dựng đồng ruộng.

- Chất lượng thi công một số công trình trong từng khâu, từng việc chưa đạt yêu cầu phải sửa đi làm lại như: Nhà ở, đường giao thông... Riêng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay một số nhà đã cần sửa chữa.

- Công tác khảo sát thiết kế kỹ thuật nhiều sai sót, không phù hợp với tập quán sinh hoạt của đồng bào, yêu cầu của cơ quan chuyên môn sử dụng công trình và điều kiện thực tế hiện trường. Hiện nay, phải xin tiếp bổ sung như: song cửa sắt bảo vệ, sửa lại trạm xá, hệ thống đập Đatrían. Việc xây dựng đường ống nhựa trong hệ thống thủy lợi hồ Saloun và thiết kế như vậy theo đánh giá chuyên môn là không hợp lý, cần phải sửa chữa và điều chỉnh gấp.

- Công tác đền bù cho công trình xây dựng không được đặt ra nên khi triển khai gặp nhiều lúng túng, vì trong dự toán công trình không ghi kinh phí đền bù nên địa phương phải vận động bên B bỏ ra hoặc trích từ ngân sách huyện để hỗ trợ tiền đền bù hoa màu cây trái (riêng phần đền bù đất vận động nhân dân đóng góp, không trả tiền).

Mặt khác, các công trình xây dựng đều nằm trong đất lâm nghiệp, trong lúc thủ tục chuyển dịch đất rất phức tạp qua nhiều ngành, nhiều cấp, mất nhiều thời gian làm chậm tổ chức thi công, thậm chí như công trình hồ Saloun hiện nay vẫn chưa xong thủ tục về đất.

- Những tồn tại trong tổ chức thực hiện dự án nói trên, mặc dù kinh phí đầu tư lớn nhưng đời sống nhân dân thuộc dân tộc K'Ho 2 xã Đông Giang và La Dạ, vẫn còn khó khăn về lương thực, nước uống còn thiếu, ruộng đất sản xuất thiếu và không ổn định, nước phục vụ cây trồng nói chung chưa giải quyết được, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn trên 50%. Qua đó có thể thấy quá trình xem xét chuẩn bị triển khai dự án chưa thật đồng bộ. Do vậy, phải tiếp tục rà soát, tổ chức đánh giá xem xét bổ sung các hạng mục và chính sách để phát huy tốt hiệu quả công trình.

Nguyên nhân:

- Trong dự án xây dựng thủy lợi Hàm Thuận - Đa Mi chưa đánh giá đầy đủ tác động của môi trường khi thi công công trình, nên chương trình đền bù chưa được tính toán đặt ra từ đầu để đưa vào trong dự án.

- Dự án mang tính chất chính sách hỗ trợ, phục vụ đời sống dẫn đến tính toán không đồng bộ, không đồng đều, không sát thực tế.

- Quá trình triển khai dự án, sự phối hợp giữa chủ dự án (chủ đầu tư) với địa phương (tỉnh và huyện) chưa thật chặt chẽ và những công việc triển khai cụ thể (trừ hạng mục nhà ở) địa phương không tham gia xuyên suốt.

- Công tác công khai bản bạc chưa được quan tâm (như đánh giá công trình, hồ sơ thi công, đơn vị thi công, tiến độ thi công) nên khi có vấn đề phát sinh, làm thời gian giải quyết kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ chung công trình.

4. Công tác tái định cư, định canh của dự án thủy điện Ialy (tại tỉnh Kon Tum).

Đối với công trình thủy điện Ialy, tại tỉnh Kon Tum có 41 làng thuộc 14 xã, phường nằm trên địa phận huyện Sa Thầy và thị xã Kon Tum bị ảnh hưởng với số dân là 4.070 hộ, 20.279 nhân khẩu. Trong đó số làng phải di chuyển là 29, số dân là 1.510 hộ, 8.705 khẩu, diện tích đất bị ngập toàn bộ là 2.678 ha. Để đảm bảo an toàn cho cư dân sống ven hồ, phải di dời dân ra khỏi vùng ngập đến cao trình 517m ở khu vực Sa Thầy và 518m ở thị xã Kon Tum.

Phương án đền bù di dân, tái định cư chung cho cả hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum do Tổng công ty điện lực Việt Nam thực hiện phê duyệt năm 1995 với tổng kinh phí 270 tỷ đồng VN và được điều chỉnh dự toán vào năm 2002 là 372 tỷ đồng, thực hiện đến tháng 6/2003 là 370 tỷ đ.

Về công tác xây dựng tái định cư: BQL dự án Thủy điện 4 đã đầu tư xây dựng 10 khu tái định cư cho 24 làng (6 làng xã Ialy, 2 làng xã Ia Xier, 5 làng xã Sa bình thuộc huyện Sa Thầy; 4 thôn xã Kroong, 4 làng xã Ngọc Bay, 2 làng xã Vinh Quang và 20 hộ phường Quyết Thắng thị xã Kon Tum) và di vớt các hộ 5 làng khác.

+ **Về nhà ở:** Từ năm 1995 –2000 đã bàn giao sử dụng cho 1.510 hộ, 8.705 nhân khẩu với 636 nhà sàn (40m²/nhà), 874 nhà trệt (60m²/nhà), kèm theo mỗi hộ một nhà vệ sinh 3m² và 1000 –2000 m² đất vườn;

+ **Về đất ở và đất sản xuất:** Theo số liệu tổng hợp diện tích đất sản xuất bị ngập trong lòng hồ Ialy dưới cao trình 515m là: 3.389,66 ha. Trong đó: Tỉnh Kon Tum có 2.678 ha, của 3.689 hộ dân, với 20.274 nhân khẩu bị ảnh hưởng (huyện Sa Thầy 1.151,86 ha; thị xã Kon Tum 1.526,14 ha).

Để ổn định, mỗi hộ được cấp 1000 - 2.000 m² đất ở và vườn, và đất canh tác từ 1,2 ha đến 2,0 ha tùy điều kiện từng nơi. Một số diện tích đất có khả năng khai hoang thành ruộng nước đã được đầu tư thủy lợi. Tuy nhiên diện tích đó vẫn không đủ cho dân canh tác và thiếu hụt so với diện tích ban đầu. Nhằm giải quyết vấn đề trên, tỉnh Kon Tum đã cải tạo xây dựng đồng ruộng trên diện tích bán ngập để bảo đảm cho người dân có thêm đất sản xuất với diện tích 1.267,31 ha. Trong số này thị xã Kon Tum có 1.148 ha, huyện Sa Thầy có 109 ha. Bên cạnh đó, người dân tự khai hoang phục hoá tới 507 ha. Nhưng do việc điều tiết nước của nhà máy thủy điện nên người dân không chủ động được thời vụ gieo trồng và thu hoạch, và thời gian ngắn, vì vậy hệ số sử dụng đất thấp. Nhìn chung người dân vẫn chưa bảo đảm được nhu cầu lương thực cho đời sống và nguồn thu nhập chưa đáng kể.

+ **Về chính sách đền bù:** người dân được đền bù chuồng trại, cây cối, hoa màu, theo qui định đơn giá của tỉnh; hỗ trợ vận chuyển di chuyển chỗ ở: 1 triệu đồng/hộ, chi phí bỏ mả và di chuyển mả: từ 0,3 - 0,6 triệu đồng/mả tùy thuộc là mả còn nuôi hay đã hết nuôi. Không đền bù nhà ở, đất đai mà được xây, khai hoang cấp trực tiếp với phương châm đất đổi đất.

+ **Về chính sách hỗ trợ:** mỗi khẩu được cấp 20 kg lương thực trong 6 tháng, hỗ trợ giống, phân bón và đào tạo khuyến nông với định mức khoảng hơn 1 triệu đồng/ha để người dân từng bước ổn định sản xuất. Hỗ trợ 6 tháng tiền điện thấp sáng, tiền thuốc y tế trên đầu người.

Tổng cộng trong thời gian qua đã hỗ trợ lương thực cho nhân dân vùng lòng hồ chờ giải quyết đất sản xuất là 4,8 tỷ đồng (đợt 1) và hỗ trợ lương thực đợt 2 cho nhân dân là 5 tỷ đồng. Dự kiến giá trị cấp 3 năm là 10 tỷ đồng.

Hỗ trợ công tác khuyến nông sử dụng đất bán ngập năm 2001 với 789 ha Ngô lai và lúa cạn, năm 2002 là 1.876 ha ngô lai, lúa, hiện nay đang triển khai công tác khuyến nông năm 2003 với 2.269 ha ngô lai và lúa nước. Nhìn chung thu được kết quả tốt góp phần vào việc giải quyết đất sản xuất cho nhân dân trong vùng.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư tại tỉnh Kon Tum.

Về cơ bản việc tổ chức tái định cư cho nhân dân đã giải quyết được tốt về mặt cơ sở hạ tầng, điều kiện sống của người dân được cải thiện một bước, người dân đã phần nào yên tâm tại nơi ở mới. Tuy nhiên về đời sống còn gặp khó khăn, lương thực không đủ và thu nhập thấp do thiếu đất canh tác và chất lượng đất kém.

Diện tích đất bị ngập trong lòng hồ IaLy đã được Ban QLDA thủy điện 4 đầu tư các hạng mục chính như cải tạo xây dựng đồng ruộng, xây dựng trạm bơm điện, thủy lợi ở những vùng có thể đầu tư được, ngoài ra nhân dân cũng đã tự đầu tư cải tạo để đưa vào sản xuất những phần diện tích nhỏ, lẻ, phân

tán nhưng cũng chiếm tới hơn 500 ha. Về cơ bản diện tích đất bị ngập đều tái sử dụng lại được để sản xuất, nhưng trong thực tế thì số diện tích đất này hệ số sử dụng đã bị giảm (trước đây sản xuất 12 tháng/năm, thì hiện nay chỉ sản xuất được từ 4 - 8 tháng/ năm tùy theo từng cao trình ngập). Như vậy, về định mức đất đai có thể đảm bảo nhưng thực tế sử dụng lại không đạt yêu cầu. Tức là định mức đất đai trên một hộ cần phải cao hơn nữa đối với diện tích bán ngập, nếu không có phương án sử dụng hợp lý quỹ đất.

Những tồn tại trên là do:

- Do công tác khảo sát qui hoạch ban đầu không kỹ nên hiện nay tại một số điểm tái định cư không đủ đất cho dân sản xuất và họ phải đi sản xuất ở nơi xa. Phương án khai hoang mở rộng diện tích đền bù chưa đủ.

- Một số địa bàn tổ chức di vén nên hiện nay mật độ dân số quá cao gây nên tình trạng thiếu đất.

- Phương án sử dụng đất bán ngập: hạn chế về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, không thể trồng cây dài ngày vì không chủ động được việc thay đổi mực nước, người dân không yên tâm sản xuất.

- Phương án đổi đất bằng đất khai hoang chuyển từ 1 vụ sang 2 vụ chỉ được 1/2 diện tích không được người dân đồng tình.

- Việc tổ chức khuyến nông cho đồng bào dân tộc tại chỗ chưa phù hợp. Tập trung nhiều cho đầu tư vườn cây trong lúc nhân dân chưa am hiểu nhiều về cây trồng. Mặt khác việc cung cấp giống, phân bón không đúng thời vụ gieo trồng và lịch điều tiết nước nên người dân không tổ chức được sản xuất ở vùng bán ngập.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn 1 số vấn đề cần được quan tâm giải quyết:

- Không thu tiền điện (hoặc bù lỗ cho hoạt động các trạm bơm) các trạm bơm điện phục vụ tưới cho nhân dân sản xuất.

- Việc đầu tư khai hoang xây dựng đồng ruộng, làm thủy lợi, trạm bơm điện, kênh mương, đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất vùng bán ngập đã đáp ứng được phần lớn đất sản xuất cho nhân dân vùng ngập, nhưng do thời gian tích nước lòng hồ nên hệ số sử dụng đất đã giảm, từ cây trồng công nghiệp dài ngày như: mía, cà phê, dâu tằm nay phải chuyển sang trồng cây ngắn ngày như (ngô, lúa)

Từ sản xuất bình thường sang sản xuất trong điều kiện bán ngập do đó dễ xảy ra rủi ro hơn, vì phụ thuộc vào điều tiết của nhà máy, lũ thất thường khi mưa lớn cũng như thời vụ gieo trồng.

- Do một số công trình trạm bơm, XĐDR vùng bán ngập chậm đưa vào sử dụng làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Vì vậy đề nghị cần hỗ trợ

lương thực và hỗ trợ khuyến nông sử dụng đất bấp ngập thêm 1 năm (năm 2004) để giảm bớt khó khăn cho nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân có thêm kinh nghiệm trong quá trình sản xuất trên vùng bấp ngập. Đồng thời có chính sách hỗ trợ giá trị thiệt hại đất do hệ số sử dụng giảm.

5. Công tác tái định cư, định canh của dự án thủy điện Ialy (tại tỉnh Gia Lai)

Do nhà máy nằm trên địa bàn tỉnh Gia Lai nên diện tích lòng hồ và diện tích đất thu hồi thuộc tỉnh cũng ít hơn. Tổng số có 9 làng thuộc 3 xã Ialy, IaMNông và Ia Phí bị ảnh hưởng với 792 hộ, 3.323 khẩu, trong đó có 148 hộ phải di dời với 670 khẩu; diện tích đất bị ngập 711 ha và 900 ha sử dụng cho nhà máy.

- Đối với các làng tái định cư, các công trình đường giao thông, điện, đập thủy lợi, trường học, trạm xá, giếng nước, nhà ở cho dân được xây dựng đồng bộ, với tổng đầu tư cho 3 làng là 14,162 tỷ đồng (thời giá 1995). Tương tự các làng bị ảnh hưởng cũng được đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cơ bản (trừ nhà ở). Ngoài ra để ổn định cuộc sống người dân, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam cũng đã đầu tư bổ sung 21 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở hạ tầng ở các làng ảnh hưởng khác, chủ yếu cho hạng mục giao thông và cấp điện, giải quyết đất sản xuất cho dân (lên tới 10,7 tỷ đồng). Riêng chi trả trực tiếp tiền hỗ trợ dân mua lại đất là 7,999 tỷ đồng (tháng 4.2002). Cơ sở vật chất khá tốt là điều kiện để đảm bảo một phần cuộc sống người dân.

+ **Nhà ở:** Khu dân cư của 3 làng gồm 148 nhà ở (90 nhà sàn - 40m²/nhà, 34 nhà trệt 60m²/nhà và 24 nhà dân tự làm Ban quản lý hỗ trợ tiền). Mỗi hộ được cấp 2.500m² vườn có hàng rào kẽm gai bao quanh và được điện sinh hoạt đến từng hộ gia đình.

+ **Đất sản xuất:** Khai hoang xây dựng đồng ruộng có 314,6ha đất màu và 10,3 lúa nước (thuộc khu tưới của đập thủy lợi Ia Cha Na), để cấp đủ cho mỗi hộ 2 ha đất để sản xuất. Nhưng do không làm tốt công tác giải pháp mặt bằng, không đền bù cho chủ đất trong diện tích thiết kế khai hoang dẫn đến tranh chấp hơn 150ha không giao được cho dân vùng ngập dẫn đến nay số dân 3 làng tái định cư vẫn khó khăn về đất sản xuất.

+ Chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ di chuyển 148 hộ từ làng cũ lên làng mới tái định cư: 47,8 triệu đồng.

- Hỗ trợ: 6 tháng lương thực (13 kg gạo/tháng/khẩu) cho 670 khẩu: 88,7 triệu đồng).

- Hỗ trợ trang thiết bị trường học, trạm y tế, thuốc chữa bệnh: 51 triệu đồng.

- Hỗ trợ khuyến nông: 365,7 triệu đồng.
- Hỗ trợ tiền điện sinh hoạt 3 tháng đầu: 9 triệu đồng.

* *Tổng giá trị đầu tư tái định cư và hỗ trợ cho 3 làng: 14,162 tỷ đồng.*

2. Đối với các làng bị mất đất sản xuất thuộc Ia Ly và Ia MNông (Vân BLoi, Mun, Kép, Yă, Al, Phung) được giải quyết đền bù bằng cách đầu tư xây dựng dự án đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội Ia MNông. Dự án Công ty tư vấn Nông - Lâm nghiệp Gia Lai lập từ năm 1996 lấy nguồn vốn đền bù đất ở công trình chính trong tổng dự toán năm 1995 đã được các cấp chính quyền địa phương cũng như UBND tỉnh thống nhất. Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty điện lực Việt Nam phê duyệt cho triển khai thực hiện từ cuối năm 1999. Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 19/8/2000 gồm:

- Công trình thủy lợi Ia Rocy năng lực tưới 330ha (trong đó có 30 ha lúa nước).

- Đường giao thông liên thôn cấp VI miền núi: 3km.

- Hệ thống điện gồm 1,7km đường dây: 3,5kv, hai trạm biến áp, mỗi trạm 180VA 35/04kv và 4 km đường dây 0,4kv.

- Trường học: 217m² và trạm xá xã: 100m².

Ngoài việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng và giải quyết đất sản xuất, người dân xã Ia Phí và Ia MNông bị ảnh hưởng được trợ cấp 6 tháng lương thực với định suất 20kg/người/tháng cho 395 hộ - 1.906 khẩu (giá trị hỗ trợ: 474,9 triệu đồng, UBND huyện Chư Păh đã thực hiện xong trợ cấp 2 đợt vào năm 1999 và 2000).

* Tổng kinh phí đã đầu tư xây dựng các công trình bổ sung là: 10,43 tỷ đồng, số kinh phí còn lại là: 10,57 tỷ đồng.

Để giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, ngày 01/11/2002 Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Ia Ly đã có quyết định số 1625/EVN AIAL-P8 phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù đất sản xuất, tổng kinh phí: 10,7 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí giải quyết đất sản xuất cho 793 hộ thuộc các làng xã Ia Phí, Ia Ly, Ia MNông là 7,991.81 tỷ đồng, kinh phí khai hoang XDĐR bán ngập: 0,6 tỷ đồng, Kinh phí tổ chức thực hiện: 0, 535 tỷ đồng và dự phòng: 1,338 tỷ đồng.

Trong tháng 4/2002 đã tổ chức chi trả xong tiền hỗ trợ đền bù đất sản xuất cho 793 hộ dân. Như vậy kể cả 21 tỷ đồng bổ sung này thì tổng giá trị đầu tư cho công tác tái định cư thuộc huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai là 39,1 tỷ đồng.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư tại tỉnh Gia Lai

Nhìn chung điều kiện cơ sở vật chất của người dân nơi ở mới đã tốt hơn nơi ở cũ, về nhà ở, giao thông đi lại, trường học, trạm xá, nước sinh hoạt, điện

thấp sùng. Đây là những tiền đề tốt để người dân ổn định cuộc sống. Trong quá trình thực hiện công tác xây dựng tái định cư cho nhân dân vùng hồ Ban quản lý dự án đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt các biện pháp nhằm đưa lại cuộc sống tốt hơn cho người dân. Tuy nhiên, những kết quả đó mới là ban đầu, thực sự chưa bảo đảm tính bền vững, dự án thời gian thực hiện dài, hiệu quả thấp, nhân dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn về đời sống, nhất là đất đai canh tác, việc làm và nguồn thu nhập.

Một số hạng mục và công việc đầu tư bổ sung đã được tiến hành nhưng sản xuất và đời sống cho nhân dân lòng hồ vẫn chưa thực sự ổn định, còn ở tình trạng rất nghèo.

Một số vướng mắc cụ thể như sau:

- Công trình thủy lợi Ia Rocy đầu tư hơn 1 tỷ đồng nhưng không phát huy hiệu quả chỉ tưới được ít diện tích cây công nghiệp, không tưới được diện tích lúa nước nào do thiết kế kỹ thuật không hợp lý.

- Đối với các làng bị ngập đất sản xuất thuộc xã Ia Phí, diện tích bị ngập theo số liệu thống kê năm 1998 là 112ha. Quản lý dự án và cơ quan tư vấn đã thống nhất với địa phương thiết kế khai hoang xây dựng đồng ruộng 192 ha đất màu để bù trả lại cho số diện tích đất bị ngập. Nhưng do chủ quan không điều tra xác minh để đền bù giải phóng mặt bằng cho 49 ha đã có chủ nên chỉ khai hoang được 152ha dẫn đến các làng bị ngập đất sản xuất Ia Phí còn thiếu 40 ha đất sản xuất.

- Về đất: mỗi hộ làng tái định cư được cấp 2500 m² đất vườn và trên kế hoạch là 2ha đất sản xuất (tổng cộng 314,6 ha đất màu và 10,3 ha lúa nước) nhưng lại rơi vào đất tranh chấp tới 150 ha. Thực tế có gia đình chỉ có 0,5-0,6 ha đất rẫy. Các làng bị ngập đất sản xuất ở xã Ialy, Ia M Nông thiếu 46 ha do không giải phóng được mặt bằng khai hoang và công trình thủy lợi Ia Roey không phát huy tác dụng. Xã Ia Phí cũng thiếu tới 40 ha cũng do tranh chấp đất đai. Hơn nữa những diện tích đất được cấp lại là đất xấu, khó canh tác nên hiện nay người dân vẫn thiếu đất sản xuất nghiêm trọng.

- Các chính sách hỗ trợ khác còn thấp so với yêu cầu: hỗ trợ di dời 500 ngàn đồng/hộ, hỗ trợ ổn định cuộc sống 13kg gạo/người tháng cho hộ di dời (trong 6 tháng năm 1995) và 30 kg gạo/người tháng cho số hộ bị ảnh hưởng (năm 1999 và 2000). Ngoài ra là một số hỗ trợ về trang thiết bị trường học, trạm y tế, tiền điện trong 3 tháng, khuyến nông v.v.

+ *Đánh giá chung về công tác tái định cư, định canh công trình thủy điện Ialy tại 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum.*

Đất đai và hỗ trợ sản xuất ổn định đời sống nhân dân vẫn là vấn đề chính, trên thực tế vẫn còn một số vấn đề sau:

- Do công tác khảo sát không kỹ nên hiện nay một số điểm tái định cư không giải quyết đủ đất cho nhân dân sản xuất, nhân dân phải đi sản xuất xa.

- Một số địa bàn chỉ có một số hộ dân bị ngập nhà cửa và đất sản xuất không tổ chức tái định cư mà thực hiện di vén các hộ ngập, nên hiện nay mật độ dân số ở những nơi này quá cao, gây ra tình trạng thiếu đất sản xuất.

- Tình trạng mất đất sản xuất đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do phương án khai khoáng mở rộng diện tích để đền bù chưa đủ.

- Phương án sử dụng đất bán ngập: hạn chế về mặt thay đổi cơ cấu cây trồng, vì đối với những diện tích này không thể trồng cây dài ngày, mặt khác bị phụ thuộc nhiều vào hồ nước nên người sản xuất không chủ động và không an tâm sản xuất (nếu không được hỗ trợ). Phương án đất đổi đất bằng cách cải tạo đất, chuyển từ đất 1 vụ qua 2 vụ từ đó quy giá trị sử dụng để quy đổi không được người dân đồng tình lắm (ví dụ: mất 1ha đất 1 vụ đổi lại 0,5 ha đất 2 vụ không có quy định và cơ sở tính toán hợp lý).

- Do việc điều tra kiểm kê không chặt chẽ nên hiện nay vẫn còn một số hộ đề nghị giải quyết đền bù (ví dụ: ao cá ở Sa Bình...).

- Việc tổ chức khuyến nông cho đồng bào dân tộc tại chỗ chưa phù hợp: tập trung nhiều cho đầu tư vườn cây trong lúc nhân dân chưa am hiểu nhiều về cây trồng. Nhu cầu của nhân dân thích chăn nuôi hơn, vì vậy nên đầu tư, hướng dẫn những gì phù hợp với hiểu biết và trình độ của nhân dân.

- Kinh phí đầu tư tập trung chủ yếu vào cơ sở hạ tầng, mất cân đối với kinh phí ổn định sản xuất, hỗ trợ đời sống. Bên cạnh đó suất đầu tư rất cao, chỉ riêng hạng mục giếng nước (tại Gia Lai tới 15 triệu đồng/ chiếc).

6. Công tác đền bù tái định cư, dự án thủy điện Tuyên Quang

+ Về kế hoạch tái định cư

- Mặc dù diện di dân của công trình lớn nhưng tỉnh Tuyên Quang chủ trương tiến hành di dân nội tỉnh nhằm ổn định đời sống nhân dân kết hợp với phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tỉnh đã chủ động rà soát, điều chỉnh qui hoạch tổng thể di dân tái định cư, đến thời điểm tháng 8 năm 2003 đã xác định khả năng bố trí cho 4.335 hộ – 21.675 khẩu trên địa bàn 5 huyện ở 141 điểm tái định cư tập trung: Huyện Na Hang: 1.182 hộ – 5.910 khẩu, Huyện Chiêm Hoá: 600 hộ – 3000 khẩu, Huyện Hàm Yên: 500 hộ – 2.500 khẩu, Huyện Yên Sơn: 1.953 hộ – 9.765 khẩu, Huyện Sơn Dương: 100 hộ -500 khẩu

Đến ngày 20/7 năm 2004 đã tiến hành di dân tái định cư được 1.371 hộ – 6.088 khẩu. Trong đó vùng lòng hồ và công trình chính : 1.113 hộ – 5.064 khẩu, vùng công trình phụ trợ 248 hộ – 1.048 khẩu. Kế hoạch trong năm 2004 còn lại sẽ di chuyển tiếp 1500 hộ, năm 2005 là 1.127 hộ và quý 1 năm 2006 là 223 hộ kịp theo kế hoạch chặn dòng thi công.

+ Tổ chức điều hành, quản lý.

Việc tổ chức di dân tái định cư được giao cho tỉnh Tuyên Quang nên tỉnh đã chủ động trên nhiều mặt. Cụ thể: đã thành lập Ban chỉ đạo di dân tái định cư thành viên là các ngành có liên quan trong tỉnh như nông nghiệp, giao thông, xây dựng, công nghiệp, dân tộc v.v do một đồng chí phó chủ tịch tỉnh trực tiếp phụ trách. Thành lập Ban di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang, là bộ máy chuyên trách có chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho UBND tỉnh và trực tiếp tổ chức điều hành công tác trên.

Tại các huyện cũng thành lập Ban di dân tái định cư huyện, tham mưu giúp việc cho UBND huyện và trực tiếp thực hiện công tác di dân tái định cư. Các xã, cả nơi dân di và dân đến đều thành lập ban chỉ đạo và các ban công tác di dân tái định cư với sự tham gia của tất cả các ban ngành, đoàn thể ở địa phương.

+ Ban hành chính sách đền bù.

- Tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định 910/2003 /QĐ-UB ngày 23/5/2003 của UBND tỉnh qui định tạm thời về đền bù, di dân tái định cư trong khi chờ quyết định của chính phủ. Tiếp theo đó Thủ Tướng Chính phủ ban hành Quyết định 937/QĐ-UB ngày 27/8/2003 qui định tạm thời về đền bù, di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang. Đây là 2 văn bản pháp lý làm cơ sở để thực hiện chính sách trong từng giai đoạn khác nhau.

+ Kết quả triển khai công tác đền bù, tái định cư.

Công tác đền bù.

- Người dân được đền bù nhà cửa, hoa màu, chuồng trại và đất đai trên cơ sở khung giá tỉnh ban hành. Riêng về đất được tính theo phương pháp khấu trừ giá trị, 400 m² lúa 2 vụ qui đổi hoặc 700 m² ruộng 1 vụ và 1000 m² đất màu/khẩu, 200 m² đất ở đô thị -400 m² đất ở nông thôn / hộ.

Tỉnh ưu tiên phương án chuyển nhượng đất trong dân, dồn điền đổi thửa hơn là khai hoang mới trên cơ sở quỹ đất địa phương cho phép và người dân địa phương đồng tình. Đối lại địa phương được đầu tư cơ sở hạ tầng để mở rộng điều kiện sản xuất, sinh hoạt.

- Đền bù nhà ở, ban đầu thực hiện theo quyết định 910, người dân được đền bù 100% giá trị + bếp và công trình phụ + hỗ trợ 7 triệu đồng/hộ, được phép sử dụng ngôi nhà trên. Khi quyết định 937 thay thế thì đền bù tính theo m² x số nhân khẩu trong hộ (ở bốn mức: 1,2,4,6 khẩu) và người dân nhận tiền tự xây nhà mới.

- Đền bù về mồ mả được tính với 750.000 đ/mộ di chuyển trong huyện, 950.000 đ/mộ di chuyển ngoài huyện, 2.000.000 đ/mộ trong thời kỳ cải táng và 1.500.000 đ/mộ xây. Đây là mức chi phí có thể chấp nhận được, tuy vậy với giá cả thời điểm hiện tại thì chưa thể bù đắp được chi phí thực tế bao gồm cả cúng lễ.

Về hạ tầng cơ sở.

- Ở các điểm tái định cư tỉnh đã đầu tư xây dựng các công trình đường giao thông, cầu cống, cấp nước sinh hoạt và lưới điện hạ thế nhằm bảo đảm các điều kiện thiết yếu để người dân có thể ổn định đời sống. Tuy nhiên do các điểm tái định cư được phân bố xen ghép nên qui mô đầu tư cơ sở hạ tầng không lớn như ở các công trình thủy điện khác.

Nhà ở:

- Trên cơ sở đất được cấp, tiền đền bù nhà , người dân tự tiến hành xây dựng nhà ở nơi định cư mới với sự giúp đỡ của cộng đồng nơi đi và cả nơi đến (đóng góp ngày công, vật liệu đơn giản). Qui mô, kích thước tự gia đình quyết định . Một số gia đình dựng lại nhà cũ (điều kiện còn tốt), một số có khả năng kinh tế khá hơn thì xây dựng nhà đáng hoàng hơn.

Nhìn chung ở các điểm khảo sát đánh giá tại huyện Chiêm Hoá và Na hang, điều kiện diện tích nhà ở của người dân có được cải thiện hơn (nhất là với đồng bào Dao), ít ra cũng bằng nơi ở cũ. Tuy nhiên có một số điểm cần xem xét:

- Mật độ bố trí nhà ở quá dày do diện tích đất ở hẹp, có nơi khoảng cách giữa 2 nhà chỉ được 2 m gây bất tiện trong sinh hoạt của người dân. Nhược điểm này đang được khắc phục ở các điểm tái định cư sau này.

- Chưa có qui định cụ thể về yêu cầu cấp độ và tiêu chuẩn tương đối về nhà ở trên cơ sở giá tiền đền bù hỗ trợ để bảo đảm nhà ở của nhân dân đáp ứng sự tăng lên của mức sống.

Về chính sách hỗ trợ

- Các hộ được áp dụng chi trả một lần cho các hỗ trợ sau:

- Hỗ trợ sản xuất : giống, phân bón
- Chăn nuôi : 1.000.000 đ/hộ
- Y tế: 100.000 đ/hộ
- Lương thực: 30kg/người x 12tháng
- Tiền điện thấp sáng: 10.000 /người x 3 tháng

Mặc dù chính sách hỗ trợ trên có cao hơn một số điểm tái định cư trước đây nhưng đối chiếu nhu cầu thực tế của người dân thì hỗ trợ vẫn ở mức thấp chưa đủ để người dân ổn định cuộc sống một cách chắc chắn, lâu dài.

+ Những phát hiện, đánh giá chung về công tác tái định cư ở tỉnh Tuyên Quang

ở những điểm được khảo sát, nhìn chung cuộc sống của người dân ở nơi mới đã ban đầu ổn định. Họ đã thu hoạch vụ mùa đầu tiên với sản lượng khoảng trên 200 kg lúa/sào vụ và bảo đảm được cơ bản về lương thực. Đã có

một số sản phẩm về chăn nuôi tạo nguồn thu nhập. Cộng đồng mới và cũ có sự hoà hợp, đoàn kết không xảy ra những vướng mắc đáng tiếc. Tuy rằng cuộc sống hiện tại của nhiều hộ gia đình chưa thể bằng nơi ở cũ do thiếu đất, do thay đổi môi trường sống và khả năng phát triển làm giàu có hạn chế.

- Mô hình tái định cư thủy điện Tuyên Quang là một mô hình tốt, triển khai có kết quả. Những nội dung dưới đây là những thành tích và cũng là những bài học kinh nghiệm quý.

+ Việc xác định tiêu chí tái định cư hợp lý:

- Đủ đất sản xuất
- Bảo đảm hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện.
- điều kiện tự nhiên –kinh tế xã hội phù hợp với điều kiện sống phong tục tập quán của dân đến.
- Các hộ dân sở tại cũng được hưởng lợi.

+ Quy trình lập dự án được nghiên cứu cụ thể, có sự tham gia của người dân và chính quyền địa phương, cả nơi đi và nơi đến. Tiến hành tổ chức học tập, tuyên truyền và thảo luận trong người dân.

+ Vấn đề đất sản xuất được ưu tiên hàng đầu và coi là tiêu chí điều kiện để bố trí phân bổ dân cư.

+ Thực hiện phương án đền bù để dân tự giải quyết vấn đề nhà ở là kinh nghiệm tốt cần được phát huy.

+ Tập trung và huy động các ngành, các cấp, chính quyền địa phương và nhân dân giúp đỡ người dân tái định cư, cả trách nhiệm của chính quyền địa phương và người dân nơi đến để gắn kết cộng đồng trách nhiệm, chia sẻ quyền lợi và nghĩa vụ.

+ Thực hiện di dân nội tỉnh để chủ động, phương án xen ghép dân cư không quá tập trung, qui mô các điểm dưới 50-60 hộ/điểm.

+ Nghiên cứu vận dụng những đặc điểm tập quán văn hoá, lối sống của người dân để tiến hành công tác vận động và tổ chức thực hiện. Ví dụ: di chuyển tập trung cả cộng đồng dân cư, không xé lẻ; di chuyển bàn thờ trước khi chuyển nhà (đồng bào Dao); lựa chọn điểm tái định cư mới có nhiều điểm tương đồng với đặc điểm môi trường sống nơi đi với mỗi cộng đồng dân cư.

+ Thành lập ban chỉ đạo và ban công tác chuyên trách ở tất cả các cấp. Xã tham gia xây dựng dự án do chủ tịch xã đứng đầu. Tổ công tác thôn do các trưởng thôn phụ trách.

+ Phân cấp quản lý mạnh đến cấp huyện, xã. Huyện là chủ đầu tư, tổ chức lực lượng triển khai, gắn kết trách nhiệm địa phương. Ví dụ: Chủ tịch huyện phê duyệt qui hoạch và công trình dưới 3 tỷ VND, có thể chỉ định thầu

công trình có giá trị dưới 1 tỷ VND. Tình mua đất của dân giao lại cho huyện và xã phân bổ lại cho dân.

Một số tồn tại và nguyên nhân.

+ *Về điểm mô hình tái định cư và triển khai công tác tái định cư.*

- Do yêu cầu về qui trình thủ tục Quy hoạch về tổng thể tái định cư trên toàn tỉnh chưa được phê duyệt gây trở ngại cho triển khai ở các huyện.

- Những thắc mắc của người dân về thực hiện một số đền bù, về khấu trừ giá trị đất có thiết thời cho nhân dân.

- Một số điểm tái định cư đã làm trên mặt bằng quá tập trung, chật chội không thuận lợi cho đời sống sinh hoạt của nhân dân và cảnh quan môi trường.

- Phương án chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa rõ ràng và có tính khả thi. Diện tích đất vườn ít, nhiều nơi không có vườn rừng không tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển kinh tế hộ nhất là việc phát triển làm giàu. Với diện tích đất canh tác hiện có, cao nhất là chỉ đảm bảo được lương thực.

- Đất chuyển nhượng phần lớn là đất xấu, canh tác khó khăn cần có qui hoạch hợp lý và đẩy mạnh công tác hỗ trợ cải tạo đất, khuyến nông, khuyến lâm.

- Một số chế độ chính sách chưa được chi trả (như tiền điện, tiền đất v.v) gây thắc mắc trong nhân dân.

- Công tác tuyên truyền chính sách và vận động nhân dân có nơi mới chỉ thực hiện đến những người chủ chốt trong cộng đồng mà chưa đến toàn thể người dân tham gia. Người dân phải được học tập và thông suốt chính sách trước khi thực hiện và để tham gia công tác giám sát.

+ *Những vấn đề liên quan chính sách*

- Việc áp dụng 2 văn bản chế độ chính sách khác nhau (QĐ 910 và QĐ 937 của UBND tỉnh Tuyên Quang) cho cùng một đối tượng dân cư có sự chênh lệch về quyền lợi gây sự thắc mắc và đòi hỏi trong nhân dân về sự công bằng.

- Những qui định về thủ tục theo nghị định 52 /CP rất rườm rà gây chậm trễ cho quá trình thực hiện đầu tư.

- Chính phủ chưa ban hành đơn giá đền bù nên địa phương khó thực hiện

- Theo qui định những người nhường nhượng đất cho dân tái phải nộp thuế sẽ dẫn đến việc khó huy động nhân dân. Trên thực tế địa phương không thu khoản này là trái với luật, cần có nghiên cứu điều chỉnh riêng.

- Diện tích khai hoang phục hoá không được đền bù. Nhất là đất khai hoang trong chương trình 135 (đã chi phí 7 triệu đ/ha).

- Quy định thời hạn thông báo trước 45 ngày tiến hành công tác di chuyển (bao gồm cả việc áp giá, đền bù, di chuyển) là quá ngắn đối với sự chuẩn bị của người dân.

+ *Về công tác tổ chức.*

- Việc tiến hành đôi khi còn vướng mắc và chậm trễ không bảo đảm tiến độ thời gian do phân cấp quản lý: cơ quan tỉnh (Sở Tài chính) áp giá, xét duyệt từng thôn và trình tỉnh ra quyết định. Trong khi đó huyện chỉ có chức năng kiểm kê, và phối hợp thực hiện mặc dù họ là người nắm chắc tình hình và có thể xử lý kịp thời các vướng mắc, phát sinh.

- Xây dựng và ổn định hệ thống tổ chức chính trị ở các điểm dân cư mới chưa được kịp thời, nhiều chi bộ thôn bản hoạt động bị gián đoạn nên chưa phát huy được đầy đủ vai trò nòng cốt.

- Trình độ đội ngũ cán bộ chuyên môn còn bất cập, nhất là ở Ban di dân huyện nắm chưa chắc chính sách mặc dù là nơi tiếp xúc, giải thích cho nhân dân và xử lý những vướng mắc.

7. Công tác đền bù tái định cư dự án mẩu Si Pa Phìn, huyện Mường Lay tỉnh Lai Châu, dự án thuỷ điện Sơn La

7.1. Kết quả thực hiện: Công tác di dân được thực hiện qua 5 đợt bắt đầu từ cuối năm 2002 và kết thúc vào tháng 5/2003, với 200 hộ 1099 khẩu. Dân đã bắt đầu sản xuất lương thực, cải tạo ruộng bậc thang từ vụ mùa năm 2003.

+ *Đầu tư cho sản xuất:*

Đầu tư trồng mía 85 ha. trong đó: trồng tại Si Pa Phìn: 20 ha; Trồng tại C2 huyện Điện Biên: 65 ha.

- *Trồng tre trúc:* 161 ha. Trong đó: + dân sở tại trồng: 85 ha; + dân TĐC: 76 ha.

- *Khai hoang ruộng bậc thang:* 90,5 ha (giao bình quân 500m²/khẩu)

- *Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt có chất lượng cao:* UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đầu tư: 1,761 tỷ đồng, để trồng 36,4 ha tán cỏ voi, diện tích trồng được 5,4 ha, mua 100 con bò giống để chăn nuôi thử nghiệm.

7.2. Đánh giá về công tác tái định cư ở Si Pa Phìn

+ *Đối tượng đền bù tái định cư*

Theo Quyết định số 03/2002/QĐ-UB ngày 18/01/2002 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ): Đối tượng bồi thường thiệt hại, di dân tái định cư cho 200 hộ gia đình phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại

tài sản trên đất tại bản Chiềng Nưa, bản Tân Phong và bản Tân Lập thuộc xã Chăn Nưa huyện Mường Lay (cũ). 143 hộ dân sở tại là dân tộc H'Mông và dân tộc Thái từ xã Chăn Nưa định cư ở đây từ khoảng năm 1993. Diện phải di chuyển nhà ở (3 hộ) còn hầu hết các hộ gia đình chỉ bị thu hồi một phần đất sản xuất và tài sản trên đất mà không phải di chuyển chỗ ở.

+ Chính sách đền bù TĐC

- *Đất sản xuất*: trước khi chia cho dân đã đầu tư khai hoang ruộng bậc thang nhằm sản xuất ổn định bền vững. Tiếp theo là các chương trình trồng cây họ đậu, bón phân vi sinh dần dần khôi phục lại chất màu cho đất. Các hộ sở tại cũng được chia ruộng bậc thang để không tạo ra sự chênh lệch giữa khu tái định cư và dân sở tại.

- *Về chính sách đền bù*: có khác so với chính sách di dân tái định cư Tân Lập - Sơn la, đó là bồi thường tất cả các cây trồng, không phân biệt cây trồng đó nằm trên trong sổ đỏ, ngoài sổ đỏ, trong quy hoạch hoặc ngoài quy hoạch.

Kể cả việc bồi thường trồng rừng được tính bằng: diện tích (ha) X đơn giá trồng + công chăm sóc từ khi trồng đến thời điểm thu hồi đất.

Đối với các công trình gắn liền với đất như: ao, hồ... được tính đền bù bằng 100% giá xây dựng mới của công trình có có tiêu chuẩn tương đương theo giá xây dựng cơ bản của tỉnh.

Đây là điểm hoàn toàn đúng vì hầu hết nhân dân ở Tây Bắc chưa được giao đất nương, đất rừng mới dừng lại ở mức là đất ruộng, thổ cư, vào sổ đỏ (sổ sử dụng đất). Nhìn tổng thể về chính sách di dân TĐC của tỉnh đã thể hiện nhiều ưu việt như trên đã trình bày, cách đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng cơ sở, điều kiện sản xuất đã tạo ra bộ mặt mới trong nông thôn miền núi hơn hẳn nơi đi (nơi xuất cư ở Chăn Nưa).

+ Công tác khảo sát và quy hoạch

- *Công tác khảo sát và lựa chọn địa điểm dựa trên những nguyên tắc sau*: Thích hợp cho phát triển nông nghiệp, có diện tích đủ lớn để phân bố cho tất cả những người trong diện tái định cư, có đủ nước sinh hoạt, dễ tiếp cận giao thông và các cơ sở hạ tầng khác

- Công tác quy hoạch

Có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ vừa có tác dụng phát triển sản xuất vừa đáp ứng nhu cầu học tập, khám chữa bệnh cho nhân dân. Quy hoạch bố trí khu dân cư và đất sản xuất.

Tuy nhiên quy hoạch bố trí khu dân cư quá dày gầy lên hiện tượng mất vệ sinh môi trường, dịch bệnh gia cầm phát triển (năm 2003 đã có dịch bệnh gia cầm). Chưa quy hoạch đất sản xuất lúa 2 vụ cho dân phù hợp tập quán của nhân dân.

+ Xây dựng nhà ở cho nhân dân

Hình thức: Hình thức nhà ở được mọi người đánh giá là hình thức đẹp, phù hợp với tập quán của từng dân tộc. Kích thước nhà ở rộng rãi và đủ tiêu chuẩn cấp cho các hộ gia đình, có lợi cho các hộ nghèo, hộ đông được chia tách.

Về chất lượng: Được đánh giá chất lượng ở mức trung bình, trong thời gian qua nhiều nhà đã và đang phải sửa mái, nền nhà, sàn nhà, tường xây xung quanh nhà hầu như bị nứt ít hoặc nhiều.

Do việc xây dựng nhà xây kiên cố do Nhà nước đầu tư, nên một số nhà ở nơi ở cũ chất lượng còn tốt phải bán với giá rẻ mà không tận dụng được để tiết kiệm tiền hỗ trợ của Chính Phủ làm việc khác.

+ Đất đai và thủy lợi

Đất đai: Nhân dân tái định cư mới nhận được đất sản xuất lúa, tính bình quân đất lúa ruộng 1 vụ: 500 m²/nhân khẩu

Đất ruộng sản xuất được coi là tương đương so với nơi ở cũ, nhưng nơi tái định cư đất mới khai hoang nên chất lượng đất xấu và chỉ sản xuất được 01 vụ.

Đất nương có sự chênh lệch, nơi tái định cư chỉ bằng 4,3% nơi xuất cư.

Đất lâm nghiệp theo chính sách người dân được chia: 3400 m². Nhưng thực tế đất lâm nghiệp có sự chênh lệch: nơi ở mới bằng 8,5% so với nơi ở cũ, lý do rất đơn giản là công tác chia đất cho dân mới thực hiện được quỹ đất trồng rừng (đất trồng tre) còn đất nương, vườn, đất lâm nghiệp khác chưa chia cho dân quản lý và sử dụng.

Tài nguyên đất bị bạc màu, thảm thực vật chỉ thị là cỏ tranh và lau lách và tài nguyên rừng cạn kiệt. Nếu mỗi khẩu chỉ có 500 m² ruộng 1 vụ mùa khi năng suất ổn định khoảng 30 tạ/ha, như vậy thu nhập bình quân: 150 kg/khẩu/năm, chưa đảm bảo đủ lương thực mức trung bình là 300kg/người/năm.

Do thiếu đất canh tác đồng bào đang tìm kiếm đất canh tác mới bằng cách thương lượng với các gia đình sở tại nhượng cho hoặc vào các vùng đầu nguồn để làm rẫy.

Thủy lợi: Các công trình thủy lợi đã được xây dựng nhưng khả năng cung cấp cho ruộng bậc thang của dân TĐC chỉ được 49 ha và chỉ tưới thấm được 01 vụ.

Công trình thủy lợi Năm Chim với tổng vốn đầu tư: 19.960.000 nghìn đồng nhưng không phục vụ tưới tiêu cho 90,5 ha khu TĐC mà phục vụ cho đất canh tác ở các bản khác trong xã. Mặc dầu vốn được ghi cho chương trình di

dân, TĐC Năm Chim - Si Pa phìn. Do vậy, nhân dân ở vùng này khó có thể phát huy ruộng bậc thang thành 2 - 3 vụ vì không có nguồn nước tưới.

+ *Phát triển sản xuất và các hoạt động tăng thu nhập*

Trồng trọt:- Trồng lúa trên ruộng bậc thang:

Qua vụ lúa năm 2003, các gia đình đã được thu hoạch thóc đạt từ 50 kg- 300 kg/hộ. Cây lúa ruộng đã được thu hoạch nhưng thu nhập cả các gia đình đều giảm vì đất đai xấu do mới khai hoang và chưa có đất nương để sản thêm cây lương thực khác. Trong thời gian 1-2 năm tới nếu các hộ chỉ có canh tác lúa trên ruộng bậc thang, không trồng thêm cây vụ đông thì có gia đình chỉ đủ lương thực ăn trong 1-2 tháng.

- Về cây mía và cây trồng khác thu nhập của các gia đình:

Nhân dân được hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, vốn trồng mía với đơn giá: 20 triệu đồng/ha . Năm 2002: Do Ban quản lý dự án bao tiêu sản phẩm, nên các hộ gia đình trồng mía đã thu nhập từ cây mía từ 50,000đ - 180,000đ/hộ.

Năm 2003 do không có thị trường tiêu thụ nên nhân dân chưa chú ý chăm sóc, bảo vệ trâu bò, thực tế nhìn cánh đồng mía ở Si Pa Phìn thân cây mía chỉ to bằng cây lau lách, cỏ voi. Nhà nước đã bỏ vào đó quá nhiều tiền nhưng không mang lại hiệu quả.

Trồng cây điền trúc nhằm cung cấp măng ăn và củ đun cho dân. Trồng thử nghiệm cỏ Voi là 11 ha phục vụ thí điểm dự án nuôi bò thịt, nhưng quản lý bảo vệ kém nên hầu hết diện tích bị trâu bò phá hoại.

Mô hình thí điểm các cây trồng điền trúc, cỏ voi được xây dựng nhằm cung cấp cho nhân dân các cây trồng thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai hy vọng mang lại lợi ích kinh tế cao, nhưng do mới thực hiện mô hình nên chưa đánh giá được kết quả. Nhưng hiện tại khả năng đó là rất khó khăn.

Chăn nuôi: Mỗi hộ gia đình TĐC, sở tại được hỗ trợ 2 triệu đồng để mua trâu cày kéo, nhưng nhiều nhà không thực hiện được. Trong năm 2003, hầu hết các gia đình TĐC đã chăn nuôi lợn, gà, vịt, do ảnh hưởng của dịch cúm gà vịt, nên các gia đình chỉ còn lại số gia cầm với số lượng không đáng kể và chưa có thu nhập từ chăn nuôi.

Tóm lại: Nhân dân cả 2 vùng chưa chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá, sản xuất vẫn mang tính tự cung tự cấp là chính.

Công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa có chương trình cụ thể, các cơ quan khuyến nông huyện, tỉnh đều trông chờ vào tỉnh và hỗ trợ của dự án.

+ *Các chính sách hỗ trợ khác*

- Đối với các hộ sở tại nằm trong khu tái định cư mẫu phải dời đi do yêu cầu quy hoạch lại đất đai, theo chính sách của tỉnh ban hành: được làm nhà

mới và công trình phụ như hộ điện tái định cư. Nhưng thực tế hộ mới nhận được 12 triệu đồng/hộ.

- *Hỗ trợ đời sống*: Các hạng mục đầu tư đáp ứng cho cuộc sống bình thường và theo nguyện vọng của dân, riêng cung cấp gạo 30kg/người/12 tháng cần điều chỉnh lại.

- *Hỗ trợ sản xuất cho dân TĐC, dân sở tại*: hỗ trợ cho mỗi hộ 2 triệu để mua sức kéo. Việc hỗ trợ bằng tiền mặt nên nhiều nhà không mua trâu, bò kéo.

+ Vốn và cơ cấu đầu tư

Tt	Nội dung đầu tư	Kế hoạch vốn (tr. đồng)	%
		100.000	100
1	Cơ sở hạ tầng	50.728	50,7
2	Xây dựng khu dân cư	28.988	29,0
3	Đền bù bồi thường	1.432	1,5
4	Chi phí quy hoạch	812	0,8
5	Kinh phí vận chuyển	994	1,0
6	Hỗ trợ đời sống	3.212	3,2
7	Đầu tư phát triển sản xuất	10.192	10,2
8	Chi phí quản lý	432	0,4
9	Các công trình khác	3.210	3,2

- Về hạng mục đầu tư:

Đầu tư cho việc san ủi mặt bằng với diện tích 17,6 ha với tổng vốn đầu tư 4.835 triệu đồng là chưa hợp lý vì chúng đã phá vỡ và cào bóc lớp đất mặt gây ra hiện tượng đất bị bạc màu rất khó khăn cho việc trồng cây quanh nhà.

Những vùng đất mượn làm nhà trên đó gây ra hiện tượng sụt lún đất, lún đất vào mùa mưa, ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình nhà ở của nhân dân.

- Về tỷ lệ đầu tư:

Tỷ lệ đầu tư cơ sở hạ tầng chiếm tỷ lệ lớn tới 79,7% trong khi đền bù và hỗ trợ đời sống chỉ có 4,7%. Nên giảm đầu tư xây dựng khu dân cư bằng cách hạn chế san ủi mặt bằng, khuyến khích dân sử dụng nhà ở gỗ cũ chất lượng còn tốt và tăng đầu tư phát triển sản xuất.

+. Công tác phối hợp điều hành, quản lý

- Các thành viên ban chỉ đạo phối hợp còn chưa chặt chẽ. Việc tham mưu cho ban chỉ đạo tỉnh triển khai nội dung dự án chất lượng còn chưa cao,

chưa thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ được giao, còn có tư tưởng né tránh một số nội dung triển khai đầu tư thẩm định, phê duyệt.

- Cấp huyện Ban quản lý dự án là cán bộ kiêm nhiệm, các thành viên thực hiện dự án di dân TĐC Si Pa Phìn còn phải thực hiện các dự án trong chương trình 135/CP tại huyện Mường Lay.

+ Sự tham gia của nhân dân và chính quyền cơ sở

- Sự tham gia của chính quyền cơ sở:

Năm 2002 - 2003 thực hiện di dân tái định cư Si Pa Phìn thí điểm, tại xã đã thành lập 2 Ban quản lý di dân, TĐC: Ban quản lý ở lại xã Chăn Nưa và Ban quản lý đi cùng nhân dân tới khu TĐC - định canh Si Pa Phìn.

**** Công việc của ban quản lý di dân ở lại xã:***

Vận động nhân dân thực hiện công tác di dân, TĐC tại nơi ở mới theo yêu cầu của Đảng và Chính Phủ, phổ biến cho nhân dân hiểu chính sách di dân, TĐC và làm theo, bằng cách tổ chức các cuộc họp dân tại bản và tại UBND xã và tổ chức dân đi. Tiếp tục chỉ đạo nhân dân sản xuất và ổn định cuộc sống khi chưa phải di chuyển đến nơi ở mới.

7.3. Đánh giá về sự thay đổi đời sống nhân dân

+ Sự thay đổi về đời sống của nhân dân diện tái định cư (kinh tế, văn hoá, xã hội)

So với nơi xuất cư ở xã Chăn Nưa, nhân dân đã có nguồn nước sinh hoạt về tận hộ gia đình, có điện lưới Quốc gia, 4 thôn Chiềng Nưa 1, 2, Tân Lập, Tân Hưng có nhà văn hóa, trẻ em học sinh tiểu học, trung học có trường học khang trang rộng rãi gần kề với khu dân cư.

100 % số hộ gia đình TĐC ở Si pa Phìn có nhà xây kiên cố phù hợp với phong tục tập quán địa phương, đặc biệt là những hộ mới tách hộ tại thời điểm điều tra để chuyển dân cũng được phân nhà xây kiên cố như những hộ dân khác.

+ Tác động ảnh hưởng tới nhân dân sở tại

Từ khi có dự án di dân TĐC thì nhân dân ở đây mới có điện bao gồm cả việc trợ cấp đường dây, công tơ, công tắc, cầu chì và công lắp đặt tận nhà. Nước sinh hoạt về tận trung tâm bản. Những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn đều được hỗ trợ tấm ngói xi măng lợp nhà.

Tuy nhiên một số nhà có diện tích nương bị quy hoạch trồng tre cho đến tháng 12 năm 2003 vẫn chưa được đền bù bồi thường đã gây lên sự xáo trộn, thiếu đất đai cục bộ và một số nhà có ruộng lúa bị vùi lấp do san ủi làm đường, làm đường ống thủy lợi cũng gây lên sự thiệt hại cho họ.

+ Dự báo xu hướng ổn định

Khi nhân dân ở nơi xuất cư có nguồn thu nhập từ ruộng lúa, nương sắn, nương ngô, từ rừng, cụ thể như sau:

Lương thực có hạt bình quân/khẩu = 156 kg/khẩu/6 tháng.

Bình quân lương thực cây có bột: 359kg/khẩu/6 tháng.

Ngoài ra họ còn nguồn thu nhập các sản phẩm trong rừng như: song, mây, lau, chít, gỗ và củi đun. Một số gia đình có nguồn thu từ các cây ăn quả: Xoài, Dừa...Đối với dân tộc Kinh, họ có nguồn thu nhập từ việc buôn bán nhỏ, chăn nuôi, trong vài năm gần đây thu nhập của mỗi gia đình từ 20 -30 triệu đồng/hộ/năm.

Theo số liệu báo cáo của dự án Si Pa Phìn thì năm 2003 nhân dân đã có thu hoạch lúa với năng suất 2,5 tấn/ha, tính bình quân một nhân khẩu thu được 125kg thóc/khẩu. Nhưng nhân dân chưa có đất nương để trồng thêm cây sắn, ngô cung cấp thêm cho nguồn lương thực bị thiếu hụt. Nếu cứ với diện tích đất canh tác để sản xuất lương thực như trên, khi hết nguồn hỗ trợ 30 kg gạo/người/tháng/12 tháng thì đời sống nhân dân sẽ khó khăn.

Như vậy ở Si Pa Phìn nhân dân có kinh tế ổn định ít nhất phải 5 năm sau khi đất ruộng bậc thang có đất màu, khi chương trình khai hoang ruộng nước tiếp tục, khi đất nương được chia và rừng vùng đầu nguồn đập nước sinh hoạt, thủy lợi Nậm Chim được bảo vệ và phát triển và chăn nuôi bò thịt thực hiện, phát triển.

7.4. Một số tồn tại và nguyên nhân

+ Một số tồn tại

- Tiến độ lập, trình duyệt quy hoạch còn chậm, chất lượng quy hoạch sử dụng đất thấp, tính khả thi chưa cao.

- Chính sách đền bù di dân TĐC còn mang tính bao cấp, chưa chú ý đầy đủ đến việc huy động sự đóng góp gắn với giải quyết việc làm và thu nhập của người dân. Chưa tạo điều kiện để nhân dân thu hoạch, khai thác triệt để tài sản nhà ở, đất đai, tài nguyên nơi cũ để góp phần ổn định đời sống nhân dân trong 5 năm đầu TĐC khi đất đai canh tác chưa được phục hồi.

- Đất đai là yếu tố quyết định nhất đến sự ổn định và tính bền vững của di dân, TĐC, nhưng việc quy hoạch và giao đất cho dân chưa kịp thời, chưa đáp ứng với đòi hỏi thiết thực của người dân về đất đai, đặc biệt là đất sản xuất lương thực.

- Về nhà ở và bố trí đất ở cũng là vấn đề cần nghiên cứu, điều chỉnh lại cách làm cho phù hợp từng đối tượng cụ thể, nguyện vọng của từng hộ gia đình.

- Giải quyết đền bù cho các gia đình dân sở tại phải chuyển nhà ở đến địa điểm khác so với chính sách đề ra còn quá thấp (12 triệu đồng/hộ).

- Việc trả tiền đền bù cho dân sỡ tại quá chậm (cho đến ngày 17/01/2004 dân chưa nhận được tiền đền bù thiệt hại nhà cửa và hoa màu ở tại bản Tân Phong, Nậm Chim 1, 2).

- Một số hạng mục công trình cho đến tháng 12/2003 chưa hoàn thành như chia đất cho dân, thủy lợi, đường xá. Công tác tư vấn còn chưa đạt cả yêu cầu về tiến độ và chất lượng lập hồ sơ dự án đầu tư...

Theo phản ánh dân sỡ tại bản Tân Phong thì từ khi có dân TĐC hàng ngày rừng đầu nguồn suối Nậm Chim đang bị phá hoại để lấy củi đun, gỗ làm công trình phụ. Nếu Hạt Kiểm lâm huyện, chính quyền xã Si Pa Phìn không có biện pháp hữu hiệu thì nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu cho cả khu vực sẽ cạn kiệt trong mùa khô.

+ Nguyên nhân sự tồn tại

Ban chỉ đạo tái định cư của tỉnh chưa có quy chế hoạt động, sự phân công nhiệm vụ đối với các thành viên chưa cụ thể; sự phối hợp giữa các ngành ở tỉnh, huyện có việc chưa thật tốt. Sự hướng dẫn của các ngành tỉnh chưa kịp thời và nhất quán.

Chủ đầu tư và ban quản lý dự án huyện Mường Lay vừa quản lý dự án TĐC thí điểm xã Si Pa Phìn vừa quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện nên khối lượng công việc quá lớn. Trong khi đó số lượng cán bộ, năng lực của Ban quản lý lại có hạn, mặt khác chủ đầu tư cũng chưa có sự năng động, hoạt động còn trông chờ, ỷ lại vào các ban, ngành của tỉnh.

7.5. Những bài học kinh nghiệm

1. Xây dựng điểm tái định cư phải thật sự coi trọng và tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch. Trong đó đặc biệt coi trọng quy hoạch sản xuất, phải xác định được phương hướng sản xuất cho nhân dân có cuộc sống ổn định.

2. Quản lý dự án di dân TĐC trong nông nghiệp nông thôn không phải hoàn chỉnh các hạng mục đầu tư và đưa dân đến nơi ở mới là hết, mà nhiệm vụ quan trọng là tiếp tục theo dõi chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện dự án cho đến khi dân có cuộc sống, sản xuất ổn định và bàn giao cho địa phương.

3. Ở những địa điểm di dân TĐC có cơ sở hạ tầng thấp kém thì hình thức di dân tập trung đến nay vẫn được coi là giải pháp tối ưu để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng: đường giao thông, điện lưới, nước sinh hoạt, thủy lợi, các công trình phúc lợi và có cơ hội xây dựng và phát triển các cây công nghiệp tập trung.

Quy mô khu TĐC chỉ nên bố trí từ 30-50 hộ/điểm, họ có cơ hội mở mang diện tích đất canh tác, hạn chế các dịch bệnh cho gia súc và gia cầm.

4. Phát huy được vai trò to lớn của nhân dân về nhân lực, vốn cùng Nhà nước xây dựng điểm TĐC. Công việc gì nhân dân làm được, thì nên tổ chức cho nhân dân thực hiện, tránh trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước.

5. Ban chỉ đạo TĐC cấp tỉnh, huyện phải xây dựng quy chế làm việc và phân công rõ nhiệm vụ cho từng thành viên.

6. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; phát huy vai trò là lá cờ tiên phong đi đầu trong mọi công việc, điều hành của các cấp chính quyền; phát huy tốt vai trò của mặt trận và các đoàn thể quần chúng để thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân trong công tác di dân TĐC.

8. Đánh giá công tác tái định cư dự án mẫu Tân Lập tỉnh Sơn La công trình thủy điện Sơn La

8.1. Kết quả thực hiện

Theo báo cáo của Ban công tác sông Đà tỉnh Sơn La ngày 02 /02 /2004. Dự án TĐC Tân Lập đã thực hiện được các công việc như sau:

+ Về xây dựng cơ bản:

- Giao thông: Đạt 100% kế hoạch
- Thủy lợi : hoàn thành 4/4 công trình, đạt 100%
- Nước sạch : hoàn thành 9/9 công trình, đạt 100%
- Hệ thống điện: Hoàn thành 8 trạm biến áp, lưới điện cho 8 điểm TĐC và 4 Điểm dân sở tại, đạt 100%
- San ủi mặt bằng 8/8 điểm TĐC, đạt 100%
- Xây dựng xong 411 nhà ở, công trình phụ cho 411 hộ TĐC, đạt 100%
- Các công trình phúc lợi như nhà trẻ, mẫu giáo, trạm y tế... đạt 100%.

+ Về sản xuất

- Trồng chè chất lượng cao được 115 ha bằng 24,2% kế hoạch.
- Trồng tre măng Mạnh Tông: mới chuẩn bị đất và giống.
- Trồng cỏ: trồng được 35/35ha, đạt 100%
- Chăn nuôi: Giao cho dân 88/200 bò sữa đạt 44%, 24/24. con bò cái hướng thịt
- Tập huấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi bò sữa và trồng chè cho 74 hộ TĐC và 60 hộ dân sở tại.

+ Về đền bù giải phóng mặt bằng

Hoàn thành đền bù và giải phóng mặt bằng 8/8 điểm TĐC.

+ Kết quả chuyển dân

Chuyển và ổn định chỗ ở được 193/411 hộ đạt 47%.

8.2. Đánh giá về công tác TĐC tại dự án màu Tân Lập

+ Đối tượng và chính sách đền bù

Quyết định số 1497/QĐ - UB ngày 05 tháng 6 năm 2002 của UBND tỉnh Sơn La đã xác định đối tượng được đền bù gồm các cá nhân, hộ gia đình, tập thể, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng trực tiếp vùng ngập của lòng hồ thủy điện Sơn La và đối tượng bị ảnh hưởng tại các khu TĐC.

+ Chính sách đền bù

Đất đai

Chính sách của tỉnh là đền bù đất bằng đất tại khu TĐC .

Đối với hoa màu:

Việc không đền bù hoa màu trồng trên đất không theo qui hoạch sử dụng đất hoặc trên đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với điều kiện Sơn La, bởi vùng ngập thủy điện Sơn La là vùng sâu, nhiều nơi chưa có QHSD đất, người dân trồng cây trên đất trống đồi trọc là tất nhiên, nay do phải di chuyển họ không được hưởng thành quả lao động chân chính của mình là điều thiệt thòi.

Đối với công trình trên đất ở.

Cũng như đất đai, các công trình trên đất được đền bù bằng hiện vật, gây nên sự lãng phí đối với các hộ có nhà ở và công trình phụ còn tốt, có thể di chuyển đến nơi TĐC để làm lại. Do vậy cũng cần phải đa dạng hơn trong việc đền bù. Những hộ có nhà ở còn tốt có thể di chuyển đến nơi ở mới thì được đền bù bằng tiền, như vậy họ vẫn giữ được ngôi nhà cũ lại có thêm nguồn vốn đầu tư cho sản xuất.

Chính sách đền bù nhà ở đối với dân TĐC và dân sở tại phải di chuyển để nhường đất cho khu TĐC có sự chênh lệch lớn. Để khắc phục tình đã quyết định cấp bổ sung thêm 5 triệu đồng/ hộ.

+ Đơn giá đền bù:

Hầu hết đơn giá đền bù theo quyết định của UBND đều được nhân dân chấp nhận vì phù hợp với giá hiện hành tại địa phương.

+ Về công tác khảo sát qui hoạch, thiết kế

Công tác qui hoạch.

- Việc xác định phương hướng sản xuất trong khu TĐC không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Xác định phát triển kinh tế là chăn nuôi bò sữa, bò thịt chất lượng cao là không phù hợp với năng lực của nhân dân xã ít Ong khi chuyển xuống Tân Lập bởi họ thiếu cả về kiến thức và vốn trong khi trên thực tế chăn nuôi bò sữa ở tại thị trấn nông trường Mộc Châu cũng không được đánh giá là có hiệu quả cao.

- Hiệu quả sản xuất cả trồng trọt và chăn nuôi đều được tính theo phương án cao (phương án sản xuất tiên tiến) vì vậy khi xác định khả năng dung nạp của điểm TĐC thường quá cao, quỹ đất bố trí cho sản xuất nông nghiệp quá thấp (điểm Bản Hoa - Phiêng Đón 1,25ha/hộ).

- Dự án qui hoạch chỉ tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng mà chưa coi trọng phần đầu tư cho sản xuất thể hiện ở cơ cấu đầu tư chưa cân đối. Chưa có chương trình khuyến nông, khuyến lâm cụ thể, điều này rất cần thiết đối với việc thay đổi tập quán sản xuất của người dân.

Công tác thiết kế

- Chất lượng công tác khảo sát thiết kế vẫn còn một số tồn tại, chẳng hạn như thiết kế công trình đập nước bản Dọi không phát huy hiệu quả như mong muốn, đường ống dẫn nước lên nghĩa địa gây lãng phí.

- Thiết kế hệ thống nước sinh hoạt thường là dùng nước ngầm, đòi hỏi phải có lực lượng, bảo dưỡng thường xuyên khi vận hành dẫn đến chi phí giá thành nước sinh hoạt cao, vượt quá khả năng chi trả của người dân. Giải pháp phù hợp nhất là tận dụng nguồn nước mặt, xây dựng hệ thống tự chảy.

Công tác phê duyệt qui hoạch thiết kế

Công tác phê duyệt qui hoạch, thiết kế còn chậm, không kịp thời, nhiều hạng mục vừa thi công vừa đợi thiết kế làm ảnh hưởng đến tiến độ của đơn vị thi công.

+ Xây dựng nhà ở khu TĐC

- Việc thiết kế mẫu nhà chung tuy đẹp nhưng làm mất đi tính văn hoá đa dạng trong việc xây dựng nhà ở của nhân dân địa phương.

- Vật liệu xây dựng nhà chủ yếu là bê tông, sắt, mái tôn không phù hợp với điều kiện khí hậu, về mùa hè thì nóng, vào mùa đông lại quá lạnh.

- Diện tích nhà ở là quá hẹp đối với những hộ có trên 8 khẩu.

- Khu chăn nuôi gần nhà gây ô nhiễm môi trường.

- Chất lượng nhà ở còn chưa tốt, phần lớn bị dột, mưa hắt vào nhà khi có gió.

- Diện tích đất ở mỗi hộ 400 m² là quá hẹp, không có đất trồng rau và chăn nuôi gia cầm.

+ Về phát triển sản xuất

- Một tồn tại là khi người dân đến, sau thời gian ổn định đời sống thì vẫn chưa nhận được đất để sản xuất do chưa làm tốt công tác thu hồi đền bù đất đối với dân sở tại nên vẫn xảy ra tình trạng tranh chấp.

- Việc giao đất đã có chèn, hoặc cỏ cho dân không nhận được sự ủng hộ vì người dân TĐC muốn được nhận đất và tự họ trồng cho chính họ như vậy vừa tạo được việc làm và chất lượng cây trồng sẽ đảm bảo hơn.

- Việc triển khai trồng tre măng Đài Loan chậm theo kế hoạch, chương trình trồng rừng kinh tế và bảo vệ rừng chưa được triển khai.

- Chương trình cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn kinh tế trồng các loại cây ăn quả ôn đới chưa thực hiện được do chưa xác định được loài cây cụ thể.

- Chăn nuôi bò sữa đang gặp phải những vấn đề khó khăn như thiếu thức ăn, nhất là vào mùa đông sắp tới.

+ Các chính sách hỗ trợ.

Quyết định số 1497 ngày 05/ 6/2002 của UBND tỉnh Sơn La đã cụ thể chính sách hỗ trợ đối với dân TĐC và dân sở tại

- Hỗ trợ tiền di chuyển tài sản, con người, tiền di chuyển mồ mả

- Hỗ trợ đời sống: Hỗ trợ lương thực 21/kg gạo/ người/ tháng, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tiền điện, tiền nước trong 6 tháng, hỗ trợ tiền thuốc một lần, hỗ trợ cho mượn sách giáo khoa cho học sinh cấp I và cấp II.

- Hỗ trợ sản xuất trồng cây công nghiệp, chăn nuôi bao gồm cả hỗ trợ vốn và dịch vụ

- Hỗ trợ trồng rừng kinh tế

Nhìn chung chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ đã được nhân dân hoan nghênh. Tuy nhiên cần có chính sách hỗ trợ cho một số hộ gia đình chuyển đổi nghề .

+ Vốn và cơ cấu đầu tư

Về vốn đầu tư

Nhìn chung vốn dự toán đầu tư cho TĐC được tính toán đầy đủ tuy nhiên việc cấp phát vốn còn chưa theo kịp tiến độ. Theo báo cáo của Ban Công tác sông Đà, đến 31/12/2003 giá trị thực hiện là 210 tỷ đồng nhưng đến 31/1/2004 mới giải ngân được 110 tỷ đồng, đạt 52,4%.

Cơ cấu vốn đầu tư

Cơ cấu vốn đầu tư chưa cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực thể hiện:

- Vốn đầu tư cho sản xuất quá ít so với tổng vốn đầu tư: 41,6 tỷ / 234,3 tỷ chiếm 17,75%, trong khi đó đầu tư xây dựng cơ sở là 101,7 tỷ, bằng 43,4% tổng vốn đầu tư.

- Trong xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa chú trọng đến các công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất như đầu tư cho thủy lợi (11,5 tỷ/ 101,7 tỷ chiếm 11,3%).

- Đối với các điểm TĐC thường ở vùng sâu, vùng xa nên vốn cho xây dựng đường từ khu TĐC đến đường trục thường rất lớn, chiếm hết đầu tư cho các hạng mục khác vì vậy đề nghị phải tách riêng vốn đầu tư cho đường trục mà không tính vào vốn đầu tư cho khu TĐC.

+ Về mô hình tổ chức khu TĐC

Mô hình TĐC tập trung có ưu điểm là tiện cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng có nhiều hạn chế đó là:

- Tái định cư tập trung cần quỹ đất lớn, nhưng trên địa bàn Sơn La hiện nay rất khó tìm được những vùng còn quỹ đất để TĐC tập trung với qui mô khoảng 50 hộ/ điểm.

- Xây dựng điểm TĐC tập trung với qui mô lớn nảy sinh vấn đề về ô nhiễm môi trường, dễ phát sinh dịch bệnh cho người và vật nuôi, cây trồng.

Để khắc phục những hạn chế trên đề nghị mở rộng hình thức TĐC, có thể có nhiều hình thức tái định cư như xen ghép qui mô từ hộ đến nhóm hộ, tạo điều kiện để các hộ có khả năng di dân đô thị hoặc tự tìm nơi đến thích hợp.

+ Công tác tổ chức, quản lý và điều hành.

- Ngày 05 tháng 6 năm 2002 UBND tỉnh Sơn La có Quyết định số 1498/QĐ- UB ban hành qui chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện dự án di dân TĐC Tân Lập với các nội dung chủ yếu sau:

UBND các cấp từ tỉnh, huyện xã chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trong phạm vi địa bàn từng cấp. thành lập Ban chỉ đạo. Ban Công tác Sông Đà vừa làm chủ đầu tư vừa là chủ dự án, ngoài ra còn có chủ nhiệm điều hành dự án chuyên ngành. Quyết định cũng đã qui định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện:

+ Cấp tỉnh

Chủ đầu tư xây dựng khu tái định cư thí điểm Tân Lập.

Xây dựng chính sách di dân TĐC thí điểm xã Tân Lập huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La.

Hợp đồng với các tổ chức tư vấn xây dựng quy hoạch sử dụng đất tổng thể và các điểm chi tiết khu tái định cư, các dự án thành phần và cùng các ban ngành trong tỉnh thẩm định các dự án trên.

Kết hợp với Ban quản lý di dân tái định cư huyện, xã vận động, tuyên truyền chính sách đền bù đất đai, hoa màu, mồ mả cho dân trong vùng quy hoạch phải chuyển hoặc nơi dân tái định cư.

Tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sữa, trồng chè cao sản cho hộ TĐC dân sở.

+ Cấp huyện

Chỉ đạo các phòng ban trong huyện, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện dự án. Xác nhận các biên bản đền bù và kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong giải phóng mặt bằng và đền bù. Khi thống kê đền bù hoa màu cho dân,

từng tổ công tác có các thành phần: cán bộ dự án huyện (hoặc tỉnh), cán bộ xã, bản và chủ hộ. Biên bản được lập tại hiện trường, có chữ ký của các thành phần tham gia và sau đó áp giá đền bù đúng quyết định 1319/QĐ-UB tỉnh Sơn La ban hành.

Thành lập nhóm công tác chia đất cho dân tái định cư và chỉ đạo các xã, tiểu khu chia lại đất cho dân sở tại bị ảnh hưởng đảm bảo kịp thời vụ gieo trồng.

+ Cấp xã

Tuyên truyền chính sách di dân tái định cư cho dân, vận động nhân dân đến nơi ở mới theo quy hoạch của tỉnh.

Tổ chức tuyển chọn lao động trong nhân dân tham gia xây dựng khu TĐC

Tham gia cùng ban quản lý huyện kê khai giải phóng mặt bằng, đền bù hoa màu cho dân, tổ chức đưa đón dân đến nơi ở mới, đồng thời lập phương án chia lại đất cho các hộ sở tại. Trực tiếp giám sát các công trình xây dựng.

+ Sự tham gia của nhân dân

Dự án Tân Lập đã làm tốt công tác tuyên truyền chính sách, vận động được sự tham gia của cả người dân TĐC và người dân sở tại trong xây dựng khu TĐC. Tuy nhiên cần chú ý một số vấn đề sau:

- Đối với dân TĐC

+ Cần có sự thăm dò nguyện vọng của nhân dân về địa điểm di chuyển, lựa chọn hình thức TĐC, để người dân lựa chọn phương thức đền bù đất đai, nhà ở bằng hiện vật hay bằng tiền.

+ Tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia, xây dựng và giám sát việc xây dựng nhà ở của chính họ ở khu TĐC.

+ Để người dân tự làm công tác khai hoang hay trồng cây trên đất phân chia cho họ. Như vậy vừa tạo được việc làm vừa nâng cao chất lượng công trình.

- Đối với dân sở tại cũng cần giải thích rõ trách nhiệm và quyền lợi của họ khi đón nhận dân TĐC và cần phải tuyên truyền động viên tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ nhân dân TĐC. Sử dụng lao động tại chỗ tham gia xây dựng khu TĐC, tạo việc làm cho dân.

8.3. Đánh giá về sự thay đổi đời sống nhân dân

- Việc đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, điện, đường giao thông, công trình thủy lợi đã có tác dụng trong việc kích thích sản xuất phát triển, đem lại lợi ích to lớn cho người dân TĐC và dân sở tại.

- Điện và giao thông làm cơ cấu sản xuất nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, dịch vụ, nhiều hộ gia đình đã đầu tư vào lĩnh vực thu mua, chế biến nông sản, góp phần thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Đời sống tinh thần, trình độ dân trí được nâng lên do được tiếp xúc với tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi thông qua những buổi tập huấn khuyến nông, khuyến lâm.

- Nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần của nhân dân, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. Tuy nhiên vấn đề bảo vệ môi trường rừng, môi trường đất, nước và không khí, vệ sinh phòng dịch cần phải đặc biệt quan tâm.

8. 4. Một số tồn tại, nguyên nhân.

+ Tồn tại

Trong công tác tư vấn về quy hoạch chưa cân đối chính xác quỹ đất cho dân sở tại bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp. Căn cứ lấy ranh giới quy hoạch sử dụng đất không theo ranh giới bản hoặc xã. Không giải quyết dứt điểm xâm canh, xen canh (bản Nậm Khao) trước khi dân tái định cư chuyển đến. Thẩm định quy hoạch tổng thể và xây dựng các điểm quy hoạch chi tiết chậm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình.

Chất lượng việc khảo sát thăm dò địa chất, thuỷ văn phục vụ quy hoạch đập thuỷ lợi, nước sinh hoạt chưa tốt, sự tham gia của dân chưa cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của một số công trình thuỷ lợi, công trình nước sinh hoạt (bản Hoa, Dọi, Nà Pháy).

Mặc dù đã ban hành chính sách và quy chế quản lý điều hành theo các quyết định số 1497/QĐ-UB và số 1498/QĐ-UB ngày 05/6/2002 của UBND tỉnh Sơn La nhưng vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục điều chỉnh:

- Về đền bù và giải quyết đất đai: theo chính sách 1497, dự án dùng tiền đền bù đất đai thay bằng giao đất theo tiêu chuẩn đã được đầu tư sản xuất chè.

Tuy nhiên, theo nguyện vọng của một số hộ dân sở tại không muốn nhận đất đã đầu tư trồng chè mà yêu cầu phải đền bù bằng tiền theo giá đất do tỉnh ban hành theo quyết định 972 (dân đội 9 tiểu khu 3/2).

Những hộ có đất bị thu hồi, diện tích đất ở ngoài khu quy hoạch không được chia lại đất trồng chè và cũng chưa đền bù hoa màu, cây ăn quả 3-4 năm tuổi (bản Ôn).

- Về dự án bò sữa: số lượng bò nhập về còn thiếu nhiều (112 con), do nguồn vốn cho các hộ vay theo chính sách 1497 chưa được ngân hàng cho vay.

Quá trình bố trí, sắp xếp giữa các bản nơi ở cũ khi đến các điểm TĐC chưa khớp, chưa đáp ứng được nguyện vọng của dân TĐC do quy mô điểm đón dân không trùng khớp với số hộ từng bản.

Tách hộ là một yêu cầu thường xuyên, căn cứ vào số liệu điều tra hộ, nhân khẩu năm 2002 áp dụng cho chuyển dân năm 2004 không còn phù hợp.

+ Nguyên nhân tồn tại

Về cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với công tác tái định cư thủy điện nói chung (Tái định cư thủy điện Sơn La nói riêng) chưa được ban hành.

Quá trình thực hiện dự án với thời gian ngắn, thời tiết mưa mùa kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, nhà ở...

Công tác quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với tái định cư là công việc quan trọng, đặc biệt đối với nhân dân sở tại bị thu hồi đất phải dồn điền đổi thửa trên cơ sở rà soát cân đối chia lại đất đai đụng chạm đến quyền lợi của dân.

Tư tưởng của đại bộ phận nhân dân khi phải di chuyển khỏi nơi quê hương đất tổ mà bao đời đã sinh sống, còn nhiều đắn đo, do dự.

Sử dụng tiền đền bù ao thả cá, ruộng nương khai hoang vào việc đầu tư phát triển sản xuất không được nhân dân chấp thuận.

Tuyến đường Quốc lộ 6, đường 106 thường xuyên ách tắc, xe di chuyển dân thường phải đi sớm nhưng lại đến muộn cũng ảnh hưởng tác động đến tinh thần của nhân dân.

Số hộ thực tế phải di chuyển lớn hơn số hộ tại thời điểm điều tra nên việc bố trí nhà chuyển dân, chưa phù hợp với thực tế, vì vậy tỉnh phải bổ sung chính sách cho phép tách hộ.

Dân chưa quen sử dụng phân chuồng để bón cho cây trồng, mặt khác đất ở hẹp, không có vườn vì vậy phân gia súc không được thu gom, xử lý, nên công tác vệ sinh môi trường đang còn tồn tại.

8.5 Khuyến nghị

1/ Sớm ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách theo quyết định 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004. Các tỉnh cụ thể hoá chính sách và hướng dẫn cho từng vùng cụ thể.

2/ Củng cố và hoàn thiện Ban quản lý thực hiện dự án ở 3 cấp: tỉnh, huyện, xã. Các ban quản lý có biên chế cho cán bộ chuyên trách và cán bộ hợp đồng tùy theo công việc.

3/ Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, quy hoạch. Bộ NN và PTNT cần ban hành qui trình quy hoạch TĐC có sự tham gia của người dân.

4/ Mở rộng, đa dạng hình thức TĐC. Ngoài hình thức nhà nước đầu tư tập trung, và xen ghép cần khuyến khích các hộ gia đình có điều kiện tự tìm nơi định cư mới.

5/ Xây dựng cơ chế đầu tư; Trung Ương có thể khoán mức vốn đầu tư cho từng chủ dự án từng tỉnh nhằm tạo ra sự chủ động ở địa phương.

6/ Bên cạnh hình thức Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở còn khuyến khích các hộ có nhà còn tốt chuyển nhà tới nơi ở mới, hoặc cho phép các hộ nhận tiền và tự xây dựng nhà trên đất khu tái định cư.

Tại địa phương tất cả các nguồn vốn chỉ cho dân (hỗ trợ sản xuất, và đời sống...) có thể thông qua sổ tiết kiệm, sổ tiết kiệm này được trao cho dân và họ nhận được tiền thành nhiều đợt khi đã hoàn thành từng phần công trình (nên có giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi sở tại hoặc có biên bản kiểm tra, nghiệm thu của ban quản lý các cấp có thẩm quyền).

9. Công tác tái định cư ở công trình dự án thủy điện Hoà Bình (tại tỉnh Hoà Bình)

Trước đây công tác tái định cư chưa đặt thành yêu cầu bức thiết khi xây dựng nhà máy thủy điện Hoà bình. Người dân khi di chuyển chỉ được đền bù một số tài sản, ruộng đất hoa màu với số lượng rất ít nên không ổn định được cuộc sống. Ngày 7/12/1994 Chính phủ đã ra Quyết định số 747/TTg ngày 7/12/1994 về dự án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà” với tổng kinh phí 464.928 triệu đồng. Dự án được thực hiện từ 1995 đến nay, với sự cố gắng nỗ lực của các cấp các ngành, sự đón nhận và thực hiện dự án của nhân dân các dân tộc trong vùng chuyển dân sông Đà, dự án đã đạt được kết quả tích cực. Tuy vậy, việc ổn định dân cư để phát triển kinh tế - xã hội của vùng hồ sông Đà còn nhiều vấn đề tiếp tục phải giải quyết trong những năm tới để đạt được các mục tiêu của dự án đã đề ra. Trong giai đoạn 2002-2005 kinh phí đầu tư cho công tác này ở 2 tỉnh Sơn La và Hoà bình là 1.100 tỷ VND.

Vùng ngập hồ thủy điện Hoà Bình và mặt bằng công trình thủy điện trực tiếp ảnh hưởng đến 23 xã (18 xã ven hồ sông Đà thuộc địa phận tỉnh Hoà bình và 5 xã trực tiếp đón nhận các hộ di chuyển vùng hồ và di chuyển khỏi mặt công trình), thuộc 5 huyện Mai Châu, Tân Lạc, Kỳ Sơn, Đà Bắc và thị xã Hoà Bình với tổng diện tích tự nhiên là 78.931ha. Sau khi hồ thủy điện sông Đà tích nước (1985), dân cư sinh sống hai bờ hồ thuộc địa phận tỉnh Hoà Bình có 146 xóm, bản với 9.214 hộ dân, 55.772 nhân khẩu. Đời sống của nhân dân rất khó khăn, đất canh tác ít, chủ yếu dựa vào rừng và nương rẫy. Mặt khác, do địa hình các xã ven hồ sông Đà có độ dốc cao, chia cắt mạnh, giao thông đi lại và cơ sở hạ tầng còn thiếu nhiều nên đời sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Bộ phận dân cư di chuyển khỏi vùng ngập và mặt bằng công trình đã

được nhà nước đền bù tài sản, hoa màu và hỗ trợ di chuyển đến vùng đất mới. Tuy nhiên, mức hỗ trợ còn rất thấp nên không đủ điều kiện để các hộ dân tái tạo lại cuộc sống mới và ổn định sản xuất.

Ngoài 23 xã chịu ảnh hưởng trực tiếp của vùng hồ còn có 20 điểm chuyển dân tập trung ở 5 huyện thị xã với gần 1.600 hộ dân, những điểm này tuy đã được các địa phương đón dân cấp đất đai, tạo điều kiện sản xuất, song đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

Để thực hiện mục tiêu trên, chính phủ đã phê duyệt dự án với mức vốn đầu tư là 188 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư cho sản xuất nông lâm nghiệp: 115,0 tỷ đồng; đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng: 66,0 tỷ đồng; chi quản lý phí: 5,4 tỷ đồng; chi phí di dân dân: 1,6 tỷ đồng

Những kết quả đạt được

Về sắp xếp ổn định dân cư

Khi triển khai dự án, các đơn vị chức năng đã phối hợp với Đảng uỷ, chính quyền các xã trong việc họp bàn với nhân dân từng xóm, bản để lập quy hoạch và ổn định dân cư. Xác định các trung tâm của các cụm dân cư phù hợp với điều kiện phát triển hiện tại cũng như lâu dài (sắp xếp 146 chòm xóm thành 78 cụm dân cư) làm cơ sở để vận động và thuyết phục di dân dân theo quy hoạch. Kết quả: đã di dân được 115 hộ dân, đạt 19% so với mục tiêu, ổn định được nhiều xóm bản có dân định cư tương đối tập trung để đầu tư sản xuất và xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Trên cơ sở các xóm, bản, cụm dân cư đã được qui hoạch ổn định, các công trình hạ tầng cơ sở cũng được xây dựng để phục vụ đời sống kinh tế, văn hoá xã hội cho nhân dân. Cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư hết các hạng mục công trình và vượt xa mức được duyệt. Trong 7 năm qua, dự án đã đầu tư làm mới và nâng cấp 76,5 km (trong đó nâng cấp 26,5 km, làm mới 50 km), đường liên xã đạt tiêu chuẩn loại A của đường giao thông nông thôn thuộc 7 tuyến đường ở các huyện Đà Bắc, Kỳ Sơn và Tân Lạc, đảm bảo cho 13 xã vùng ven hồ có đường ô tô đến trung tâm xã. Đầu tư xây dựng mới 164 km đường đi bộ liên thôn xóm.

Dự án đã xây dựng công trình điện cho 19/23 xã và 2 điểm chuyển dân ngoài vùng dự án với trên 60% số hộ dân được dùng điện. Xây dựng và đưa vào sử dụng 9.234 m² nhà cấp 3 và cấp 4 với 165 phòng học mới (trong đó 90 phòng học có trang bị bàn ghế ở 22 xã vùng dự án, chủ yếu tập trung ở các xã nằm ngay sát ven hồ (Yên Hoà, Tiên Phong, Tân Mai, Vây Nưa, Thung Mai, Ngòi Hoa, Phúc Sơn) với tổng diện tích xây dựng là 869m². Các trạm xá đã được trang bị giường, tủ thuốc để hoạt động. Đã xây dựng 11 trụ sở Uỷ ban nhân dân với tổng diện tích xây dựng là 1942 m². Xây dựng 28 công trình

nước sinh hoạt, xây bể đầu nguồn, bể chứa, ống dẫn nước tự chảy cho các xã vùng dự án. Ngoài các công trình thiết yếu nêu trên, dự án đã đầu tư xây dựng 4 hộ khu vực, 2 trạm tiếp sóng truyền hình, các công trình phai, đập, mương dẫn nước sản xuất ở các xã vùng dự án. Theo kế hoạch số vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là 66 tỷ đồng, kết quả thực hiện được 121,6 tỷ đồng, đạt 183%

Về đầu tư phát triển sản xuất. Ngay từ khi được giao nhiệm vụ, các ban các ngành có liên quan trong tỉnh đã lên kế hoạch giao đất, khoán rừng đến các hộ dân. Kết quả đã có 7.084 hộ dân đã nhận đất giao khoán rừng với tổng diện tích 53.428 ha, trong đó có 24.294 ha đất rừng đã giao đến hộ và 29.134 ha rừng đã giao đến hộ dân.

Vốn đầu tư cho sản xuất lâm – nông – ngư nghiệp được giải quyết đến từng hộ dân. Đã đầu tư vốn 55.800 triệu đồng cho 10.583 hộ dân

Đánh giá kết quả sau 7 năm thực hiện:

Thành tựu:

Qua 7 năm triển khai và thực hiện dự án đã quy hoạch được các cụm dân cư vùng hồ, vận động các chòm xóm quá phân tán vào những cụm dân cư tập trung. Những xóm bản có quy mô thích hợp đã được đầu tư về các lĩnh vực và đang dần ổn định để sản xuất. Sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp của nhân dân các xã vùng hồ đã phát triển khá. Đã có sự chuyển hướng từ sản xuất lương thực sang trồng cây kinh tế kết hợp với rừng phòng hộ và các cây ăn quả. Sự chuyển hướng đó đã góp phần làm tăng thu nhập, phát triển đàn gia súc, gia cầm, nuôi thủy sản. Quan trọng hơn, bước đầu có sự hình thành tư duy sản xuất hàng hoá trong nhân dân để từng bước loại bỏ tập quán canh tác độc canh lạc hậu, phá rừng làm rẫy, góp phần bảo vệ tốt diện tích rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng của các xã vùng hồ được nâng cấp và xây dựng mới (điện, đường, trường, trạm, nước sạch...) góp phần tạo ra sự ổn định cho đời sống và sản xuất, tăng cường sự giao lưu trao đổi hàng hoá, dịch vụ, khám chữa bệnh và hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân.

Thông qua việc thực hiện dự án và cùng với sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc đời sống nhân dân đã được cải thiện rõ rệt và đang dần ổn định. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên nhiều so với trước. Số hộ nghèo đói giảm từ 40% xuống còn 20% theo chuẩn cũ. Nhiều hộ có điều kiện về lao động, đất đai đã vươn lên thành những hộ khá. Về văn hoá đã cơ bản phổ cập xong tiểu học, số trẻ em trong độ tuổi đều được đến trường. Các xã đều có trạm y tế để khám và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Thông tin văn hoá đã góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân góp phần tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các hoạt động cộng đồng, văn hoá văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn

xã hội trong các xã vùng hồ được ổn định, không phát sinh những vấn đề phức tạp về chính trị, xã hội. Nhân dân các dân tộc toàn vùng hồ phấn khởi, đoàn kết, giúp nhau cùng sản xuất, xây dựng và bảo vệ vùng hồ ngày càng ổn định và phát triển.

Những hạn chế

Do điều kiện đất đai cho tái định cư hạn chế – khu vực vùng hồ nhìn chung có độ dốc cao, địa hình phức tạp, đa số diện tích thuộc diện phòng hộ xung yếu cho hồ thủy điện, khả năng tiếp nhận dân tái định cư hạn chế. Vì vậy, việc quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư chưa đạt tỷ lệ cao. Đời sống nhân dân vùng hồ tuy đã được cải thiện song vẫn còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ đói nghèo còn 38% (chuẩn mới) cao hơn so với tỷ lệ đói nghèo trung bình của tỉnh (27% chuẩn mới).

Ngành nghề mới đã bước đầu hình thành nhưng chưa phát triển. Cơ cấu sản xuất lâm – nông – ngư nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đã được hình thành, giá trị sản phẩm hàng hoá còn thấp, thu nhập từ nghề rừng và dịch vụ ngành nghề khác còn ít, chưa trở thành thu nhập chính của các hộ dân. Nhiều nơi giao thông và điều kiện canh tác khó khăn, người dân vẫn chủ yếu trồng ngô, lúa và cây màu để giải quyết vấn đề lương thực. Canh tác trong những điều kiện không thuận lợi nên an ninh lương thực ở nhiều nơi chưa được đảm bảo, nguy cơ rừng vẫn tiếp tục bị phá và môi trường sinh thái cũng vẫn ảnh hưởng nặng nề.

Nghề rừng vẫn chưa trở thành nghề chính của các hộ dân. Cơ chế khoán chưa thật phù hợp thiếu cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ nên chưa tăng được độ che phủ của rừng, hoặc có nơi chỉ khai thác rừng mà ít chú ý tu bổ rừng.

Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư, nhưng mới đáp ứng được trên 50% yêu cầu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân trong vùng dự án. Hệ thống đường giao thông, các công trình cấp điện, trường học còn thiếu nhiều. Hiện còn 1 xã ven hồ chưa có đường ô tô đến trung tâm xã đó là Tân Dân. 4 xã chưa có điện đến trung tâm và một số làng, bản ở quá xa trung tâm nhưng lại chưa có trạm y tế để khám và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Một số công trình xây dựng trước đây bằng nguồn vốn bồi thường sông Đà (từ 1982 – 1987) đến nay đã xuống cấp và hư hỏng. Các công trình xây dựng trong vùng hồ hầu hết có qui mô nhỏ, phân tán, đường vận chuyển khó khăn làm cho giá thành công trình cao, bảo dưỡng duy tu trong quá trình khai thác, sử dụng tốn kém trong khi nguồn lực kinh tế của địa phương có hạn.

Những nguyên nhân cơ bản.

- Do mục tiêu của dự án đặt ra lớn, khối lượng nhiều, phạm vi rộng, thực hiện ở trong vùng có nhiều khó khăn, thời gian thực hiện lại ngắn. Trong khi chuyển dân, các điểm tái định cư chưa chuẩn bị được những hạng mục cơ

sở hạ tầng cần thiết phục vụ đời sống hàng ngày cho nhân dân. Do phong tục tập quán truyền thống canh tác lâu đời ăn sâu vào tiềm thức, do công tác tuyên truyền vận động và công tác chuẩn bị có nơi chưa thật tốt nên nhiều hộ gia đình không chịu di chuyển, nhiều hộ gia đình sau khi tái định cư lần 1 bằng vốn hỗ trợ của dự án đã tự do tái định cư lần 2, thậm chí không trụ nổi lại tái định cư lần 3. Nguyên nhân chính là đời sống ở nơi ở mới gặp quá nhiều khó khăn.

- Quá trình triển khai dự án gặp rất nhiều khó khăn, nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực công việc phải giải quyết một lúc, thực tế phát sinh nhiều vấn đề bức xúc, đội ngũ cán bộ làm công tác dự án chưa có nhiều kinh nghiệm nên nhiều khi lúng túng, hiệu quả chỉ đạo chưa cao. Ví dụ:việc đầu tư vốn cho sản xuất mới đạt được 58% (55.800 triệu trong tổng số được giao là 115 tỷ đồng). Đây là vùng đặc biệt khó khăn, xuất phát điểm về kinh tế của nhân dân còn quá thấp, đất đai canh tác thuận lợi quá ít, điều kiện canh tác lạc hậu, công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa được triển khai kịp thời, từ đó dẫn đến việc đầu tư cho sản xuất ở nhiều nơi kém hiệu quả nhất là vốn cho dân vay để phát triển sản xuất.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn có sự chậm điều chỉnh và rút kinh nghiệm, chưa có sự nghiên cứu kỹ đặc thù từng nơi và công tác tư vấn chưa làm tốt nên tính hiệu quả chưa cao.

Những bài học kinh nghiệm :

- Dự án ổn định dân cư, phát triển kinh tế, xã hội vùng chuyển dân sông Đà tỉnh Hoà Bình là một vấn đề cấp thiết, xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách dân tộc và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc. Trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện ổn định dân cư, dần dần ở một số điểm có mật độ cao để đảm bảo sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân thuộc diện hưởng dự án.

- Công tác ổn định dân cư và phát triển kinh tế sản xuất cho đồng bào các dân tộc thuộc diện dân dân phải dựa trên cơ sở vận dụng phù hợp những điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán, trình độ dân trí, truyền thống và bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc để xây dựng những mô hình phù hợp, có như vậy mới vận dụng được những điều kiện mà thiên nhiên ưu đãi, phát huy và khai thác được những tiềm năng sẵn có tại địa phương.

- Bên cạnh việc ổn định nơi định cư mới cần phải định canh phát triển sản xuất. Ưu tiên chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật để thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi để sản xuất ra sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập góp phần ổn định để thực hiện an cư lập nghiệp.

Ổn định dân cư và phát triển sản xuất vùng dân dân không chỉ bằng tuyên truyền vận động mà phải có những chính sách cụ thể, có đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết, tận tâm tận lực với dân và sự hỗ trợ từ phía Nhà nước. Vốn, cán bộ và kỹ thuật kết hợp với sự cố gắng nỗ lực của đồng bào mới đem lại kết quả, mới làm thay đổi được đời sống của đồng bào các dân tộc.

Cần rút kinh nghiệm về hình thức và bước đi của quá trình thực hiện dự án giai đoạn trước để những giai đoạn tiếp theo thực hiện có hiệu quả hơn. Cần tập huấn sát thực hơn, khảo sát thực tế và khảo sát nhu cầu của nhân dân các dân tộc tham khảo ý kiến của dân, cùng nhân dân bàn bạc và quyết định thực hiện như thế nào, điều đó sẽ mang lại kết quả và những lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Một vài kiến nghị

Vùng ngập hồ thủy điện Hoà Bình và mặt bằng thủy điện đã trực tiếp ảnh hưởng đến 23 xã thuộc địa phận tỉnh Hoà Bình. Qua 7 năm thực hiện, dự án “ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà ở Hoà Bình” đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, ổn định sản xuất và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, với một thời gian ngắn, mức đầu tư và cách thức đầu tư trong thời gian qua cũng còn nhiều hạn chế, mới chỉ đáp ứng việc khắc phục những khó khăn tạm thời, chưa thể tạo ra sự phát triển bền vững. Trong vùng dự án dân dân và trong toàn tỉnh vẫn còn nhiều hộ thiếu đói, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo sự thuận lợi trong sản xuất và giao lưu và nâng cao dân trí. Vấn đề cấp bách nhất hiện nay là phải làm sao tạo ra được những cơ sở vật chất cần thiết để nhanh chóng thu hẹp những khoảng cách giữa các dân tộc, giữa các miền vùng và các tầng lớp dân cư với nhau trên cơ sở chính sách dân tộc: “Bình đẳng, đoàn kết và giúp nhau cùng phát triển”. Để thực hiện được mục tiêu trên:

- Đảng, Nhà nước và chính phủ cần tiếp tục dành những chương trình hỗ trợ đặc biệt cho đồng bào ở khu vực dân dân vùng lòng hồ sông Đà. Cần có chính sách trợ giá, trợ cước giúp cho đồng bào giảm khó khăn trong việc mua và tiêu thụ sản phẩm.

- Rà soát lại để tiếp tục đầu tư làm nhà ở ổn định cho những hộ dân chưa có nhà ở kiên cố. Ngoài việc đầu tư cho phát triển sản xuất cần tăng vốn hỗ trợ về nhà ở và phát triển cơ sở hạ tầng ở những xã đang gặp nhiều khó khăn. Tập trung mở đường giao thông vào các trung tâm xã, ưu tiên cho những xã chưa có đường ô tô, nâng cấp một số đường ô tô khu vực trung tâm cụm xã.

- Những xã có vị trí gần hồ thủy điện, cần có sự quan tâm, đầu tư vốn quy mô lớn để nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch gắn với sản xuất và dịch vụ.

- Hoạt động tiếp theo của dự án cần gắn với việc nâng cao dân trí, tạo nguồn cán bộ cho xã, bản là con em các dân tộc sống trên địa bàn. Đào tạo nghề cho con em đồng bào các xã gặp nhiều khó khăn.

- Từng bước chuyển đổi cơ sở vật chất cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với thị trường. Tập trung vào các cây hàng hoá, dược liệu, cùng cây ăn quả, thực hiện bao tiêu sản phẩm giúp người dân thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp, tạo động lực cho người dân vươn lên làm giàu.

- Thực hiện kết hợp, lồng ghép với các chương trình dự án, thực hiện dân chủ, công khai để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

1. Đánh giá chung

Hiến pháp 1992 và Luật đất đai 1993 đã đặt cơ sở pháp lý cho chính sách đền bù tái định cư, bằng việc ra đời Nghị định 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ. Tiếp sau đó là Nghị định 22//1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bao gồm cả đất thu hồi cho các dự án phát triển.

Đây là cơ sở pháp lý để xây dựng chính sách (cả tạm thời và chính thức) cho việc triển khai công tác tái định cư ở các công trình thủy điện, thủy lợi trên cả nước. Cho đến nay vẫn là văn bản pháp lý quan trọng cao nhất duy nhất về đền bù tái định cư hiện hành, mặc dù đã Quốc hội đã thông qua Luật đất đai sửa đổi (2004) .

Tuy nhiên với mỗi công trình cụ thể Chính phủ lại có những qui định chính sách riêng theo đề trình của chủ đầu tư xây dựng, cụ thể ở đây là ngành điện và chính quyền địa phương. Chẳng hạn với dự án thủy điện Nà Hang - Tuyên Quang có quyết định số 937/TTg qui định tạm thời về bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang. Với công trình cấp quốc gia dự án thủy điện Sơn La, gần đây có quyết định 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 của Thủ tướng chính phủ qui định về bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La. Điểm chung nhất của các qui định chính sách này là :

- Từng bước cụ thể hoá nội dung của Nghị định 22/CP vào trong việc đền bù, tái định cư các công trình thủy điện, một hoạt động mang tính rất đặc thù. Về ưu điểm;

- Chính sách ngày càng có những điểm phù hợp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển, ổn định đời sống nhân dân, nhất là những khoản về đền bù, khôi phục cuộc sống người dân tái định cư đã được nâng lên đáng kể.

- Công tác lập kế hoạch đã có bước cải tiến từ khâu điều tra, lên phương án, tuyên truyền vận động nhân dân, thực hiện đền bù và di dân tái định cư.

Qua nghiên cứu khảo sát, làm việc với chính quyền địa phương và các BQLDA của một số dự án thủy điện, nhận thấy tình hình thực hiện công tác đền bù, di dân và TĐC thời gian qua có những mặt ưu điểm cơ bản sau:

Đã giải quyết cơ bản vấn đề định cư, góp phần đảm bảo an ninh chính trị khu vực. Có thể đánh giá chung là: công tác đền bù, di dân và TĐC đã được các HĐDB GPMB và các BQL dự án thực hiện theo Chính sách qui định hiện hành và các phương án, văn bản phê duyệt ứng với từng thời điểm cụ thể; cơ bản thực hiện được quan điểm và mục tiêu: nơi ở mới – TĐC – phải tốt hơn nơi ở cũ. Đến nay các hộ phải di dời khỏi lòng hồ đến các khu TĐC đã cơ bản ổn định cuộc sống, đời sống nhìn chung khá hơn so với nơi ở cũ; cơ sở hạ tầng công cộng gồm các hạng mục công trình giao thông, trường học, trạm xá, điện, nước sinh hoạt... đã được xây dựng tại các khu TĐC là những điều kiện mới, làm thay đổi bộ mặt các thôn, bản trong vùng: khang trang hơn, hiện đại hơn; đã và đang phục vụ tích cực đời sống sinh hoạt và góp phần nâng cao dân trí, từng bước thúc đẩy kinh tế – xã hội khu vực chịu ảnh hưởng của các công trình thủy điện phát triển đi lên.

Có thể nói kết quả thực hiện công tác TĐC các công trình thủy điện thời gian qua đã giải quyết được các vấn đề lớn:

- Từng bước làm thay đổi tập quán sinh hoạt và sản xuất của nhân dân theo hướng mới, ổn định tốt hơn.

- Cơ sở vật chất về y tế, giáo dục được tăng cường, tạo điều kiện nâng cao dân trí.

- An ninh chính trị – xã hội được tăng cường, góp phần củng cố khối đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc anh em.

Bên cạnh đó cũng bộc lộ hạn chế:

- Mục tiêu của chính sách đền bù và tái định cư mới chỉ dừng lại ở việc đền bù đất và các tài sản bị thiệt hại. Đối tượng là người dân trực tiếp bị mất đất và tài sản. Các thiệt hại vô hình khác, thiệt hại về thu nhập, về kinh tế v.v. chưa được tính đến đầy đủ mà đây lại chính là điểm rất quan trọng trong đời sống. Điều này xuất phát từ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đất đai cũng như nền tảng tinh thần hy sinh của nhân dân với lợi ích chung của xã hội, đất nước.

- Trong sự phát triển hiện nay đã có những nhận thức thay đổi nhưng chưa có được chương trình đầy đủ về tái định cư và khôi phục mức sống cho những người bị ảnh hưởng. Yếu tố ổn định và bền vững còn hạn chế.

- Về đối tượng được đền bù mới chỉ xem xét diện bị thiệt hại trực tiếp mà chưa tính đến thiệt hại gián tiếp.

- Các qui định cụ thể về chính sách ở các điểm lại có sự khác nhau đã tạo nên sự không thống nhất trong việc quản lý và thực thi chính sách, dễ tạo nên những mâu thuẫn so sánh chính sách giữa các vùng.

- Chính sách còn mang tính kế hoạch hoá tập trung, việc tham gia của người dân tái định cư và cấp cơ sở còn nhiều hạn chế đã tạo ra những trở ngại trong quá trình thực hiện. Mặt khác quyền lợi của người dân chưa được đảm bảo một cách đúng mức như sự hy sinh của họ, đặc biệt là đồng bào vùng miền núi, dân tộc.

- Các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội theo đặc thù từng vùng, nhóm dân tộc chưa được khảo sát kỹ và tính toán đầy đủ, cân nhắc trước khi đưa ra các phương án tái định cư tạo lập môi trường sống mới để bảo đảm yếu tố phù hợp của các cộng đồng dân cư.

- Do nền sản xuất hàng hoá chưa phát triển ở miền núi nên các phương án sản xuất kinh doanh tạo việc làm và thu nhập cho người dân là rất khó khăn, nhất là những nhóm dân cư phải chuyển đổi phương thức canh tác.

2. Đánh giá việc thực hiện tái định cư trên một số nội dung

2.1. Đối tượng và chính sách đền bù tái định cư.

+ Đối tượng đền bù

Đối tượng được thực hiện chính sách ở đây chỉ là những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp đối với đất đai, tài sản, hoa màu (chưa tính đến đối tượng bị mất nguồn sống, nguồn thu nhập hay ảnh hưởng khác), có thể chia ra làm các nhóm sau:

- Đối tượng thứ nhất là những hộ dân cư trực tiếp phải di dời khỏi nơi sinh sống cũ, tức là mất cả nhà ở và đất đai sản xuất.

- Đối tượng thứ 2 là những hộ chỉ bị mất đất sản xuất. Mức độ nhiều ít tùy thuộc từng gia đình do vậy mà những ảnh hưởng có khác nhau.

- Đối tượng thứ 3 do không còn sinh sống trực tiếp trên vùng đất hiện bị thu hồi. Nhưng vẫn là vùng đất sở hữu truyền thống theo phương thức canh tác của họ. (Như trường hợp ở Lâm Đồng hoặc khu vực tái định cư huyện Chư pát, tỉnh Gia Lai). Đây là nhóm đối tượng khó xác định trên thực tế và bị bỏ qua nhiều nhất.

- Đối tượng thứ 4 là những người bị thiệt hại, ảnh hưởng như trường hợp 1 và 2 nhưng lại là thuộc diện tạm trú do chưa có hộ khẩu. Mặc dù trên

thực tế họ sinh sống ở đó có hộ đến dưới chục năm. Chính sách đền bù và hỗ trợ chỉ được một phần (như ở thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, Lâm Đồng). Nhóm này thường rơi vào các hộ người Kinh nghèo di cư, đôi khi hộ dân tộc do chuyển làng.

+ **Chính sách đền bù:** khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng được qui định tại Nghị định số 22/1998/ ND-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ hiện còn nhiều điểm bất cập, chưa cụ thể, chưa phù hợp với đặc điểm kinh tế – xã hội, phong tục, tập quán của nhân dân các dân tộc thiểu số, vùng núi và vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách đền bù được UBND các tỉnh xây dựng và ban hành theo điều kiện thực tế từng địa phương, từng thời kỳ, do vậy mà mức đền bù thiệt hại ở mỗi công trình rất khác nhau. Nhìn chung mức độ đền bù thấp, chưa tính đến thiệt hại về nguồn lợi và nguồn sống của người dân để có những chính sách bảo đảm. Chủ yếu gồm: đền bù, hoa màu, cây cối. Công tác thống kê, kiểm kê chưa sát thực đã nảy sinh những vướng mắc và phát sinh trong đền bù ở nhiều điểm di dân.

- Phần lớn không đền bù nhà cửa mà được đổi cấp nhà theo qui chuẩn định mức nhân khẩu, mặc dù trên thực tế nhiều hộ dân có nhà còn rất tốt và có giá trị.

- Đất đai cũng vậy không đền bù đất mà cũng được thực hiện dưới dạng đất đổi đất. Nhưng phần lớn đất đai được cấp lại không được màu mỡ bằng vùng đất người dân đang canh tác, nhất là vùng sản xuất ruộng nước.

- Các chính sách này thực hiện đơn giản hơn, mang tính bình quân chủ nghĩa, có thể lợi cho hộ nghèo nhưng lại thiệt hại cho hộ có đời sống khá hơn, không khuyến khích được những gia đình làm ăn có hiệu quả. Hơn nữa, việc cấp đất mới phải được tính đến chất lượng đất tức là với điều kiện và khả năng canh tác của người dân, năng suất cây trồng ít nhất phải ngang bằng mức cũ. Điều này có nghĩa là chủ đầu tư phải tính phần chi phí cải tạo đất, khuyến nông vào phần đền bù chứ không phải quan niệm là hỗ trợ như hiện nay.

- Trong thực tế do thời điểm áp dụng chính sách khi lập phương án đền bù và thời điểm thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng của các dự án luôn là một khoảng thời gian khá dài, nên tình hình kinh tế-xã hội (nhận thức xã hội, giá cả thị trường, các thay đổi về nhân khẩu, hộ gia đình...) nhìn chung đều có sự biến động. Do đó, khi thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng có những phát sinh, thậm chí có đơn thư khiếu nại, nhất là vấn đề tranh chấp đất đai giữa chủ cũ và chủ mới, kể cả vấn đề chi phí cho những tập quán của nhân dân từng khu vực như: lễ bỏ mả, lễ về làng mới.... Vấn đề này không những

buộc phải quan tâm mà cần thống nhất tìm biện pháp giải quyết dứt điểm để đảm bảo ổn định đời sống cho các hộ TĐC và an ninh chính trị khu vực.

- Mặt khác chưa có qui định, hướng dẫn cụ thể nên mỗi dự án, mỗi địa phương vận dụng có sự khác nhau, dẫn đến tình trạng có sự so bì, gây khó khăn cho công tác đền bù, di dân và TTĐC. *Nhiều địa phương có ý kiến cho rằng quyền lợi của người dân TĐC đã thực hiện trong thời gian qua còn quá thấp so với phương án thí điểm của dự án thủy điện Sơn La.*

2.2. Khảo sát qui hoạch các khu tái định cư .

Nhìn chung công tác khảo sát, điều tra, qui hoạch ở các điểm khảo sát vừa qua có nhiều cố gắng để bảo đảm yêu cầu. Nhưng có nơi ngay từ đầu làm sơ sài, không chặt chẽ, thiếu sự tham gia của cơ sở nên dẫn đến khâu giải phóng mặt bằng chưa tốt, phát sinh diện đền bù, dẫn đến tình trạng tranh chấp đất đai, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Công trình thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi tại Lâm Đồng và Ialy tại Gia Lai – Kon Tum là một ví dụ. ở các công trình sắp tới, nên chăng ngành điện sử dụng đội ngũ cán bộ tại chỗ (tỉnh hoặc khu vực) đảm nhận công tác khảo sát qui hoạch thay vì thuê một cơ quan tư vấn từ Hà Nội vào như vừa qua để tránh những sai sót không đáng có.

Do vậy, cần tính toán đầy đủ, hợp lý các phương án và gắn trách nhiệm của địa phương ngay từ khâu đầu chứ không phải đơn thuần tiếp nhận và xử lý hậu tái định cư như tình trạng hiện nay.

- Qui hoạch khu dân cư tập trung như một khu đô thị, có lợi là tiết kiệm vốn xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không phù hợp với cảnh quan và phong tục của nhân dân miền núi, vì vậy nảy sinh vấn đề ô nhiễm môi trường. Cần đưa thêm mô hình nhà đôi vào các khu TĐC.

Xây dựng điểm TĐC tập trung với qui mô lớn nảy sinh vấn đề về ô nhiễm môi trường, dễ phát sinh dịch bệnh cho người và vật nuôi, cây trồng. Điển hình là khu tái định cư Si Pa Phìn – Lai Châu.

Tư vấn, thẩm định và phê duyệt quy hoạch: còn chậm về thời gian và kém về chất lượng dẫn đến vừa làm vừa sửa quy hoạch và thiết kế cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

2.3. Xây dựng nhà ở cho nhân dân:

Nhà ở được xây dựng hầu hết theo các khu tập trung với mẫu mã, kiểu dáng giống nhau. Tuy rằng mỗi điểm có nghiên cứu để phù hợp với đặc điểm văn hoá dân tộc, mỗi vùng nhưng việc bê tông hoá văn hoá đã phần nào đánh mất bản sắc văn hoá và những tiện ích sử dụng của nó. Chất lượng xây dựng các công trình nhà ở không cao và xuống cấp nhanh chóng. Việc bao cấp nhà ở đã gây nên tình trạng lãng phí tiền của nhà nước. Trong khi đó việc giao nhà cho dân tự xây dựng lại là giải pháp hay, như ở điểm tái định cư thủy điện Sông Hình.

Việc thực hiện phương án dân tự làm nhà ở được người dân hoàn toàn ủng hộ vì những lý do sau:

- Họ có thể bố trí, thiết kế nhà ở phù hợp theo tập quán tín ngưỡng, sinh hoạt và nhu cầu của từng hộ, không bị gò ép theo các khuôn mẫu có sẵn.
- Bảo đảm tiết kiệm chi phí do người dân tận dụng được nhà ở trước đây hay vật liệu khai thác tại chỗ với giá rẻ. Giá thành xây dựng nhà không cao, họ có thể dành ra được một khoản tiền để dùng vào tái sản xuất hay nhu cầu khác hợp lý hơn.
- Có thể tiến hành tái định cư được nhanh hơn do các cộng đồng tự giúp nhau giải quyết chỗ ở so với việc nhà nước xây dựng.
- Bảo đảm cảnh quan chung, không có sự khác biệt lớn giữa qui mô chất lượng nhà ở của khu tái định cư với dân sở tại, để tạo được sự hoà nhập môi trường sống mới.

2.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng nhìn chung các công trình đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Trường học, trạm xá, chợ, trụ sở UBND xã cũng được đầu tư nâng cấp để đáp ứng cho qui mô dân cư mới của xã. Các công trình phúc lợi như nhà trẻ, mẫu giáo, nhà văn hoá tại các điểm TĐC đã cơ bản hoàn thành đáp ứng được nhu cầu văn hoá, sinh hoạt tinh thần cho nhân dân.

Tuy nhiên cần bố trí trình tự những hạng mục công trình theo thứ tự hợp lý, chẳng hạn xây dựng đường phải đi trước tránh trường hợp chưa xong đã đem vào sử dụng (vận chuyển nguyên vật liệu cho các công trình khác) gây hư hỏng phải sửa chữa nhiều lần gây lãng phí thời gian và tiền của, như điểm Tân Lập – Sơn La.

Việc giám sát thi công cũng cần được đặc biệt chú ý để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình. Phải đảm bảo hoàn chỉnh các công trình cơ sở hạ tầng và nhà ở mới di chuyển dân, đảm bảo khi người dân đến có thời gian ổn định đời sống nhanh và bắt tay ngay vào các chương trình sản xuất.

2.5. Đất đai và thuỷ lợi

Đây là vấn đề lớn nhất cho việc ổn định sản xuất, đời sống cho nhân dân ở các khu tái định cư. Hầu hết ở các điểm người dân đều được cấp đủ định mức đất theo qui định của địa phương, trừ điểm Gia Lai do còn tranh chấp, Si Pa Phìn chưa giao hết. Nhưng có thể thấy rõ những nhược điểm sau:

- Đất giao cho dân đều thấp hơn diện tích mà các hộ gia đình đã có trước đó nên không đủ diện tích để canh tác trên điều kiện và khả năng thực tế.
- Chất lượng đất thấp, độ màu mỡ kém, khó có khả năng canh tác ổn định và đạt năng suất và sản lượng theo tính toán mong đợi bảo đảm đủ lương

thực. Đất khai hoang phần lớn là đất xấu, kể cả đất chuyển nhượng như ở Tuyên Quang cũng trong điều kiện như vậy, nếu không thì không thuận lợi cho việc canh tác, như ở xã khu dân cư chẳng hạn.

- Phương án thủy lợi đều được tính đến và có đầu tư rất lớn nhưng không phát huy hiệu quả do thiết kế kỹ thuật sai (Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi), không đúng mục đích (Si Pa Phìn), có khi không được tính đến (như Sông Hình) nên đất cấp cho dân đều không chủ động được sản xuất.

2.6. Phát triển sản xuất và các hoạt động tăng thu nhập

Nhìn chung công tác khai hoang, cải tạo, giao đủ đất sản xuất và xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (*chủ yếu là thủy lợi*), công tác khuyến nông, khuyến lâm...vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, thiếu tính đồng bộ, thực hiện quá chậm, dẫn đến những khó khăn trong sản xuất của người dân. Bên cạnh đó việc xây dựng các phương án sản xuất cao, như nuôi bò sữa, trồng mía ở Lai Châu và Sơn La v.v là không thích hợp, các hoạt động tăng thu nhập khác hầu như không có nên đời sống kinh tế của nhân dân còn khó khăn, chưa được bảo đảm, còn hiện tượng đói giáp hạt. Đây là vấn đề bức xúc hàng đầu trong thực hiện đền bù, di dân và TĐC các công trình thủy điện thời gian qua.

2.7. Chính sách hỗ trợ

Bên cạnh đó chính sách về đền bù, di chuyển chỗ ở, di chuyển mồ mả còn hỗ trợ các hộ gia đình về thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế cho các trạm xá, lương thực, tiền điện thấp sáng, khuyến nông, khuyến lâm v.v. Tuy nhiên có một số vấn đề sau:

- Qui định về các chính sách hỗ trợ đời sống còn thiếu, định mức thấp và thực hiện chưa thực sự hiệu quả v.v.

- Hỗ trợ các điểm rất khác nhau, tùy thuộc vào dự toán ban đầu ngành điện lập không trên cơ sở qui định thống nhất. Ví dụ hỗ trợ di chuyển ở Thủy điện Hàm Thuận là 3 triệu đồng, nhưng người dân phải tự định cư; ở Ialy là 1tr/hộ đối với Kon Tum và 0,32 tr/hộ đối với Gia Lai. Hỗ trợ khuyến nông chỉ có ở công trình thủy điện Ialy, Đại Ninh, các công trình trước không có. v.v.

- Mức hỗ trợ lương thực 6 tháng và 12 tháng hiện nay chưa đủ để người dân bù đắp những thiệt hại và giúp ổn định cuộc sống ban đầu. Cần được tăng lên ít nhất 3 năm với định mức khoảng 20 kg /tháng người.

- Cấp tiền điện cho dân sử dụng trong 6 tháng nhưng trên thực tế nhiều nơi chỉ được 3 tháng . Việc đầu tư nhiều tỷ đồng để xây dựng lưới điện nhưng không phát huy hiệu quả sử dụng do thu nhập người dân rất thấp, không có tiền chi trả. Đối với đối tượng này cần tăng thêm số tháng sử dụng lên ít nhất 2 năm như chính sách áp dụng cho đối tượng nghèo vùng sâu .

2.8. Vốn và cơ cấu đầu tư

- Vốn đầu tư dành cho công tác tái định cư, định canh và giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu vốn đầu tư, theo tính toán chỉ khoảng 1 % giá trị đầu tư toàn bộ công trình (Sông Hình là 1,8 %). Nếu trừ chi phí quản lý và chi phí môi trường, san lấp và giải phóng mặt bằng thì chỉ còn khoảng 70%, tức là 0,7%. Trong khi đó công trình thủy điện Sơn La hiện dự kiến là 25-30 %.

- Cơ cấu đầu tư cho hạ tầng cơ sở quá lớn so với tổng đầu tư, tập trung chủ yếu vào đường giao thông, công trình cấp điện và nhà ở, chiếm tới 60- 65 % kinh phí, chi phí khác không trực tiếp tác động hưởng lợi đến dân (kể cả rà phá bom mìn) lên tới 23-26 %. Trong khi đó chi phí đền bù, chính sách hỗ trợ và đầu tư cho hỗ trợ sản xuất chiếm tỷ trọng nhỏ, chỉ chiếm khoảng 15-18 %, không tương xứng với yêu cầu thực tế địa phương và nhu cầu ổn định cuộc sống của người dân.

- Tham khảo bảng tính toán chi phí cơ cấu đầu tư dưới đây, ta thấy chi phí rà phá bom mìn cộng chi phí thu dọn lòng hồ còn lớn hơn cả chi phí đền bù, chi phí hỗ trợ đời sống nhân dân cộng với khai hoang xây dựng thủy lợi (17,6% so với 17,3%) và cũng được tính gộp vào chi phí tái định cư. Điều này dẫn đến tình trạng có thể định mức chi phí tính trên một hộ thì lớn nhưng thực tế phần đầu tư trực tiếp cho nhân dân lại thấp hơn nhiều. Do vậy cần tách chi phí tái định cư ra khỏi cơ cấu chi phí giải phóng mặt bằng và chi phí môi trường để phản ánh đúng, thực chất tính chất, mức độ và cơ cấu đầu tư (xem bảng dưới đây).

Bảng tổng hợp chi phí đền bù, tái định cư Thủy điện Ialy
(cả Kon Tum và Gia Lai)

<i>TT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Giá trị TT (đ)</i>	<i>Tỷ lệ trên tổng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chi phí đền bù tài sản trên đất	24.454.000.000	7,3%	Hoa màu, ao cá, cây trồng, chi phí tháo dỡ, vận chuyển
2	Chi phí hỗ trợ	12.795.000.000	04%	Khuyến nông, lương thực
3	Khai hoang và xây dựng công trình thủy lợi	20.000.000.000	06%	Bao gồm cả đo đạc, thiết kế, trạm bơm
4	Hỗ trợ nhà ở, công trình công cộng	66.730.000.000	20%	Cấp nhà
5	Xây dựng cơ sở hạ	55.791.000.000	17%	Điện, giao thông,

	tầng			cấp nước sinh hoạt
6	Xây dựng các công trình khác	12.700.000.000	04%	Trường học, trạm xá, trụ sở làm việc
7	Đầu tư bổ sung năm 2002 (đường, điện thủy lợi, khai hoang v.v)	50.400.000.000	15,7%	Chủ yếu cho vùng bán ngập
8	Thu dọn lòng hồ	14.580.000.000	4.3%	
9	Rà phá bom mìn	43.684.000.000	13,3%	
10	Khảo sát thiết kế	22.782.000.000	07%	
11	Chi phí quản lý	5.000.000.000	1.7%	
	Cộng	328.910.000.000	100%	

2.9. Công tác điều hành, quản lý.

Vốn cho công tác tái định cư theo Nghị định 22/CP do chủ đầu tư đảm nhiệm và điều hành quản lý. Ban quản lý các công trình thủy điện (Ban 3 tại Phú Yên, Ban 6 tại Lâm Đồng và Ban 4 tại Gia Lai – Kon Tum) trực tiếp tổ chức thực hiện và có nhiệm vụ phối hợp với các cấp chính quyền địa phương. Tuy nhiên mô hình tổ chức và cơ chế điều hành ở các tỉnh rất khác nhau, chất lượng hoạt động khác nhau, mặc dù các tỉnh đều có Ban chỉ đạo chung để phối hợp:

- Tại Phú Yên: Ban quản lý và xây dựng thủy điện 3 đã phối hợp tốt với UBND tỉnh và huyện Sông Hinh. Hai bên hoạt động có sự phối hợp và gắn kết chặt chẽ trong tất cả các khâu, các bước, làm tốt công tác dân chủ, vận động tuyên truyền trong nhân dân, kịp thời giải quyết những vướng mắc nảy sinh, nên công tác tái định cư ở đây thực hiện xem ra khá thành công so với các điểm khác, đời sống nhân dân có ổn định hơn và việc khiếu kiện cũng ít hơn. *Vai trò cấp huyện và xã được đặc biệt chú trọng là bài học kinh nghiệm quý của Phú Yên.*

- Tại Tuyên Quang, công tác tái định cư được giao cho tỉnh hoàn toàn đảm nhận nên đã chủ động được phương án, kế hoạch và có sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, huy động được nguồn lực địa phương tham gia giải quyết.

- Tại Sơn La và Lai Châu, là những điểm dự án mẫu của kế hoạch tái định cư lớn nên thu hút được sự tham gia, chỉ đạo của nhiều bộ, ngành, nhiều cấp quản lý phát huy được sức mạnh tổng hợp. Nhưng lại rơi vào tình trạng dễ bị áp đặt trong khi đó bộ máy địa phương chưa đủ sức giải quyết những vấn đề

cụ thể theo yêu cầu. Việc giao cho huyện làm chủ đầu tư như ở Lai Châu là quá sức đối với khả năng một huyện miền núi.

- Tại Kon Tum, công tác tái định cư do Ban quản lý và xây dựng thủy điện 4 đảm nhiệm. Tỉnh thành lập Ban di dân lòng hồ thủy điện Ialy do UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo để phối hợp với Ban quản lý Thủy điện. Công tác tổ chức thực hiện do Ban di dân tiến hành cùng các cấp chính quyền địa phương huyện và các xã trên cơ sở kế hoạch và kinh phí ngành điện cấp. Do vậy công tác tái định cư ở Kon Tum đạt được những yêu cầu cơ bản.

Nhìn chung, sự phối hợp của Ban quản lý dự án với địa phương chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ, nhất là ở tỉnh Gia Lai, Bình Thuận nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Việc thực hiện dự án phần lớn đều do bên đầu tư tự đảm nhận từ khâu thẩm duyệt đến tổ chức thi công mà chưa có cơ chế địa phương giám sát kiểm tra, để bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả của công tác tái định cư.

Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện đền bù, di dân và TĐC tại các công trình thủy điện thời gian qua chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ TƯ đến địa phương, dẫn đến quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, có nhiều điểm bất cập so với yêu cầu, quyền lợi của người dân tái định cư (phải di dời) không được thống nhất, mỗi nơi một khác - nhất là khoản chính sách hỗ trợ.

Quá trình triển khai thực hiện đền bù, di dân và TĐC còn nhiều điểm phải rút kinh nghiệm như: sự phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp với BQLDA ở một số nơi chưa cao, chưa được chặt chẽ, chưa xuất phát từ quan điểm lợi ích chung trong đó có lợi ích của người dân sở tại; tiến độ xây dựng, phê duyệt phương án và triển khai thực hiện phương án TĐC nhìn chung còn quá chậm, nhất là phần thực hiện tái định canh để nhân dân ổn định sản xuất; một số chi tiết kỹ thuật khác trong phương án xây dựng các khu TĐC nghiên cứu chưa kỹ, chưa phù hợp với điều kiện, tập quán sinh hoạt của đồng bào, chưa đảm bảo độ bền vững, chưa tính đến quá trình quản lý trong sử dụng (kiểu nhà ở, việc xây nhà ở, nhà vệ sinh, bơm điện để bơm nước sinh hoạt, ống nhựa cấp nước cho sản xuất...), dẫn tới tình trạng đời sống nhân dân TĐC nhìn chung còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính ổn định.

2.10. Sự tham gia của nhân dân.

Việc tham gia của nhân dân là một yêu cầu quan trọng trong quá trình thực hiện công tác đền bù, di dân, giải phóng mặt bằng và tổ chức tái định cư, định canh. Điều kiện cơ bản để bảo đảm sự thông suốt, nhất trí trong nhân dân cũng như tham khảo tiếp thu được những yếu tố hợp lý và kinh nghiệm nhằm tổ chức tái định cư thành công. Nhìn chung việc xây dựng các điểm tái định cư đều có sự tham gia của nhân dân nhưng mức độ và tính chất lại rất khác nhau. Phần lớn chỉ dừng lại ở mức độ lấy ý kiến. Chẳng hạn việc đưa ra một

số mẫu nhà xây dựng để người dân tham khảo lựa chọn, hay chọn các điểm di chuyển mô tả. Còn lại đều do cơ quan quản lý quyết định, người dân chỉ biết tiếp nhận một cách thụ động cơ sở vật chất đã được xây dựng trước mà cũng không hề biết giá trị công trình mình được tiếp nhận là bao nhiêu. Trình độ văn hoá hạn chế của người dân cũng là trở ngại cho việc tham gia của họ. Bên cạnh đó là trách nhiệm và kinh nghiệm của những người làm công tác tái định cư.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC BAN ĐẦU TIẾN HÀNH ĐỀN BÙ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

Qua thực tế triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư ở các công trình thủy điện vừa qua, có thể rút ra một số bước và qui trình sau:

1. Công tác phối hợp

- Chủ đầu tư luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm công tác điều tra trung thực, công bằng và chính xác để làm cơ sở lập hồ sơ đền bù về sau cũng như lập phương án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu tái định cư.

- Giải phóng mặt bằng là lĩnh vực nổi cộm hiện nay trong cả nước nên lãnh đạo thường xuyên theo dõi và giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phòng chức năng phối hợp với chính quyền địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Mối quan hệ giữa Ban QLDA và các cấp chính quyền địa phương luôn gắn bó và thường xuyên tổ chức họp để bàn bạc, rút kinh nghiệm, thống nhất quan điểm để cùng xử lý công việc chung.

2. Công tác khảo sát, thống kê, lập hồ sơ và đền bù:

- Sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được thông qua:

* Xin cấp đất xây dựng công trình sớm.

* Triển khai cắm mốc ranh giới các khu vực cần giải toả, đền bù.

* Tiến hành cùng với các cấp chính quyền địa phương triển khai công tác điều tra và lập đề án đền bù, di dân, tái định cư, tái định canh các công tác này phải được thống nhất ngay từ đầu về: Quan điểm, phương án đền bù, thống nhất thời điểm đền bù, mặt bằng chung về phương án đền bù, thống nhất thời điểm đền bù, mặt bằng chung về giá cả đền bù, cách thức tiến hành điều tra lập hồ sơ thiệt hại cho từng hộ, từng loại hình công việc và có những biện pháp ngăn ngừa việc pháp sinh, lợi dụng chính sách đền bù. Các công việc này cần được tiến hành đồng bộ, công khai, tỷ mỉ, kịp thời và trực tiếp tới từng hộ bị thiệt hại.

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để chính quyền địa phương và những người dân hiểu nhằm ngăn chặn các trường hợp có thể xảy ra ví dụ như:

* Các dự án khác đầu tư trùng lắp cho vùng sâu vùng xa (dự án 327, chương trình 135, Trung tâm cụm xã, xoá đói giảm nghèo...): Đường, điện, nước, trường học v.v... Xây dựng trong khu vực chuẩn bị di dời nhằm tránh thiệt hại của cải vật chất của nhà nước.

* Trong lúc chưa xây dựng công trình thông báo cho chính quyền địa phương cho phép dân cư trong vùng giải toả sửa chữa nhà ở và không được xây dựng mới hay kiên cố. Không trồng loại cây lâu năm. Không khai hoang bừa bãi quỹ đất.

3. Công tác di chuyển dân và tái định cư:

Công tác di chuyển dân tái định cư là công tác vô cùng phức tạp vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống lâu dài của bà con, ảnh hưởng đến các phong tục tập quán lâu đời của đồng bào dân tộc thiểu số.

Để triển khai công tác này các cấp chính quyền địa phương gồm: Già làng, trưởng bản (thôn), xã, các phòng ban chức năng của huyện và UBND huyện cùng với chủ đầu tư tiến hành tổ chức nhiều đợt họp dân để quán triệt một số nội dung cơ bản sau:

- Phương châm : nơi ở mới phải tốt hơn nơi ở cũ
- Quán triệt về chủ trương của Nhà nước đầu tư xây dựng công trình nhằm phục vụ lợi ích chung cho toàn xã hội.
- Triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước về chế độ đền bù và tái định cư để cho dân hiểu.
- Thống nhất về quy mô xây dựng các hạng mục cho những khu tái định cư bao gồm: Điện, đường, trường, trạm...
- Phổ biến về chính sách hỗ trợ như: vận chuyển, lương thực, y tế...
- Thoả thuận về vị trí xây dựng các khu tái định cư có sự tham gia trực tiếp của người dân.

4. Công tác tái định canh:

Song song với công tác tái định cư, công tác tái định canh cũng hết sức quan trọng vì nó liên quan đến cuộc sống hàng ngày của bà con từ thế hệ này sang thế hệ khác. Để nhân dân bị ảnh hưởng do xây dựng công trình ổn định cuộc sống tại nơi ở mới cần tiến hành khảo sát, điều tra nghiên cứu ngay cả lĩnh vực sau:

- Tập quán canh tác của các nhóm dân cư
- Quỹ đất để sản xuất lâu dài

- Điều kiện về khí hậu, về thổ nhưỡng
- Điều kiện về vật nuôi cây trồng
- Về tình hình sử dụng đất bán ngập
- Về khả năng hỗ trợ xây dựng các hệ thống thủy lợi
- Hỗ trợ về giống, về kỹ thuật thâm canh

Từ những cơ sở trên, cho tiến hành thực hiện để người dân có điều kiện ổn định cuộc sống bền vững.

5. Tổ chức thực hiện:

Sau khi được Chính phủ ra quyết định cấp đất. Chủ đầu tư với chính quyền địa phương triển khai các công việc:

- Thực hiện đầy đủ các quy trình theo Nghị định 22CP của Chính phủ về văn bản hướng dẫn có liên quan.
- Lập đơn giá đền bù trình UBND tỉnh ra quyết định ban hành
- Lập tổng mức đầu tư để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt
- Lập phương án xây dựng cơ sở hạ tầng các khu TĐC
- Hợp đồng các đơn vị chức năng để TKKT-TC và dự toán để phê duyệt dự toán chi tiết cho từng hàng mục.
- Triển khai giải toả mặt bằng vị trí XD các khu TĐC để tiến hành thi công.
- Trả tiền trực tiếp cho nhân dân, có sự tham gia đầy đủ các thành phần của các cấp chính quyền địa phương theo tiêu chí: Công bằng, công khai, chính xác và nhanh chóng để nhân dân có điều kiện chuẩn bị đến nơi tái định cư.
- Hội đồng đền bù và Ban quản lý tổ chức họp theo định kỳ để giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

6. Nâng cao vai trò của Ủy ban nhân huyện và các xã vùng TĐC:

- Tham gia công tác điều tra, thực hiện đền bù tài sản nhân dân.
- Tham gia công tác lập qui hoạch, kế hoạch và tổ chức di dân, tái định cư, định canh nhằm ổn định đời sống nhân dân.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện.
- Vận động, tuyên truyền trong nhân dân để thực hiện đúng tiến độ cũng như đúng chủ trương, chính sách của nhà nước.
- Tham mưu cho Ban chỉ đạo giải quyết tốt những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện công tác tái định cư.

Phần III.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN

1. MỘT SỐ ĐIỂM LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỀN BÙ TÁI ĐỊNH CƯ THEO NGHỊ ĐỊNH 22/CP - ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN.

Trong quá trình thực hiện công tác đền bù - tái định cư ở các dự án thủy điện có một số vấn đề trong Nghị định 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ chưa đề cập đến, cụ thể như sau:

1. Về phạm vi áp dụng:

Việc thu hồi đất để xây dựng các công trình thủy điện (và khu vực lòng hồ cũng các công trình phụ trợ) chiếm một diện tích lớn đất đai, gồm cả đất ở và đất canh tác, số lượng dân cư di dời lớn, tập trung nhưng không được tách thành một hoạt động riêng có tính đặc thù. Điểm b, mục 2 của điều 1 trong nghị định 22 gộp chung vào với các hoạt động khác như thu hồi đất xây dựng trạm biến thế, đường dây v.v. mức độ tác động ảnh hưởng ít hơn. Do vậy những chính sách xây dựng và áp dụng cho tái định cư các công trình thủy điện không tránh khỏi những hạn chế.

Hơn nữa, xây dựng các nhà máy thủy điện chủ yếu ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa, trình độ canh tác và trình độ dân trí còn lạc hậu và họ sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp. Đất đai thu hồi chủ yếu là đất bằng trong các thung lũng, nguồn sống chủ yếu của người dân. Việc thích nghi với điều kiện sống mới của họ là rất khó khăn, bởi vậy cần có những giải pháp và chính sách thoả đáng với nhóm đối tượng này.

2. Về đối tượng đền bù thiệt hại và điều kiện để được đền bù về đất:

Qui định tính hợp pháp của đất đai của chủ sở hữu. Điều này sẽ gây khó khăn cho đồng bào miền núi, dân tộc vì đất đai của họ mới trong quá trình được hợp pháp hoá, chưa đủ các thủ tục. Hơn nữa việc sở hữu đất truyền thống, tập quán du canh cũng làm khó khăn hơn việc xác định tính pháp lý của đất đai đó để thực hiện đền bù. Trên thực tế nảy sinh nhiều vướng mắc trong công tác thống kê, thống kê và đền bù không đầy đủ, dẫn đến khiếu kiện. Cùng tái định cư mẫu thủy điện Sơn La, nhưng ở điểm Chăn Nưa - Si Pa Phìn, thì áp dụng chế độ đền bù trên thực tế trong khi tại điểm ít ơng - Tân Lập, người dân lại không được hưởng qui định này.

3. Giá đất để tính đền bù thiệt hại:

Trong Nghị định chỉ qui định mục đích sử dụng, qui định về số lượng chứ không qui định về tính ngang hàng chất lượng đất đền bù cho dân. Thực

tế hầu hết người dân phải tiếp nhận đất xấu hơn so với đất họ đã có trước đó. Hệ số K được qui định đã lỗi thời nên các địa phương rất khó khăn trong quá trình áp dụng trên điều kiện thực tế.

4. Đối với trường hợp đất đổi đất:

Khi có dự án đất khu vực này sẽ tăng giá lại thời điểm đó; Nghị định 22/1998/CP-ND không thể thực hiện được cách tính đầy đủ chi tiết giá đền bù mà chỉ xử lý bằng hệ số K nên một số hộ dân không đồng tình, người bị ảnh hưởng bị thiệt so với người không bị ảnh hưởng gấp nhiều lần, dễ dẫn đến tiêu cực, gây khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng.

Trường hợp khi có dự án phần lớn các diện tích đất bị thu hồi: Một số hộ có diện tích còn lại ít không đủ điều kiện canh tác tại đó. Nhà nước cần thu hồi diện tích này và tính gộp vào phương án đền bù.

5. Đối với trường hợp được đền bù bằng tiền

Trong Nghị định 22/1998/CP-CP chưa nêu được việc người dân khu thu hồi đất sẽ không xác định được nơi ở mới chính quyền địa phương không quản lý được, dẫn đến một số tiêu cực như phá rừng, lợi dụng mặt nước sông hồ để sống, cần có những quy định cụ thể để quản lý các hộ thuộc diện này.

6. Đền bù thiệt hại về mồ mả:

Điều 20 qui định các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp – cần được cụ thể rõ là chi phí làm lễ bỏ mả, cúng di chuyển.

7. Về chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống.

Điều 25 qui định 2 mức cho đối tượng phải di chuyển chỗ ở: 6 tháng cho di chuyển nội tỉnh và 12 tháng với ngoại tỉnh tính bằng 30 kg gạo/tháng /nhân khẩu. Mức qui định này thấp và chưa đủ để người dân ổn định được cuộc sống ở nơi ở mới. Điều kiện tối thiểu là 3 năm, thời gian đủ để chủ đầu tư hoàn thành hệ thống sản xuất cũng như người dân thích nghi được với môi trường canh tác mới. Nghị định 22/CP không qui định cụ thể về chính sách hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm cũng như y tế và giáo dục.

8. Lập khu tái định cư:

Nghị định 22/1998/CP-ND không có những hướng dẫn cụ thể về mặt tiêu chí quy mô cũng như các tiêu chuẩn đối với việc quy hoạch thiết kế xây dựng khu tái định cư dẫn đến tùy tiện và không thống nhất giữa các dự án. Hầu hết các điểm tái định cư đều áp dụng tiêu chuẩn qui hoạch nhà ở nông thôn nhưng mặt bằng lại rất chật hẹp. Việc bố trí dân cư quá tập trung làm lợi cho các nhà đầu tư nhưng gây bất lợi cho đời sống nhân dân, không phù hợp với tập quán, môi trường sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc.

9. Lập kế hoạch tái định cư :

Hiện chưa có qui định về qui trình lập và thẩm định kế hoạch tái định cư một cách khoa học. Do đó công tác đền bù và tái định cư không được

chuẩn bị kỹ càng từ khâu khảo sát, đánh giá kinh tế xã hội điểm đi và điểm đến, công tác thống kê đền bù xác định tài sản thiệt hại và những thiệt hại kinh tế khác, những ảnh hưởng của môi trường sống, môi trường văn hoá thay đổi. Mặt khác thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan và tham gia tư vấn của các cá nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng và cộng đồng tiếp nhận dân cư.

10. Quyền tham gia của các hộ bị ảnh hưởng:

Nghị định 22/CP có qui định về việc phải có đại diện của những người bị ảnh hưởng trong các hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên các bước cho việc tham gia trên chưa được qui trình hoá, do vậy đôi khi nó chỉ mang tính chất thông báo chứ chưa mang tính chất tư vấn và thảo luận, sự tham gia rộng rãi của người bị ảnh hưởng còn rất hạn chế. Phần nhiều các cộng đồng dân cư được thông báo về lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại và nhiệm vụ là tổ chức thực hiện cho tốt.

11. Về công tác giám sát:

Không có qui định về giám sát nói chung và giám sát độc lập nói riêng trong công tác đền bù tái định cư.

II. NHỮNG KHUYẾN NGHỊ TỪ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TÁI ĐỊNH CƯ.

1. Hình thức di dân và qui mô tái định cư:

Hình thức di dân tập trung theo cộng đồng đến nay vẫn được coi là giải pháp tối ưu để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng: đường giao thông, điện lưới, nước sinh hoạt, thuỷ lợi, các công trình phúc lợi và có cơ hội xây dựng và phát triển các cây công nghiệp tập trung.

Vì vậy, quy mô khu TĐC chỉ nên bố trí khoảng 50 hộ/điểm, hộ có cơ hội mở mang diện tích đất canh tác, hạn chế các dịch bệnh cho gia súc và gia cầm, đồng thời việc thu hồi đất không ảnh hưởng nhiều đến người dân sở tại.

Hình thức di dân xen ghép, về nơi ở gần đô thị sẽ không phù hợp với dân tộc ít người có tập quán sinh hoạt sống quần cư theo dòng họ, quen sản xuất lúa nước và không biết buôn bán. Trong khi đó di dân tự nguyện và di dân đô thị thích hợp với dân tộc Kinh, đặc biệt là các hộ dân buôn bán hoặc những hộ gia đình có nghề phụ, phi nông nghiệp...

2. Công tác qui hoạch bố trí dân cư và chuẩn bị đầu tư:

+ Những công trình trọng điểm quốc gia, nhất là công trình tại miền núi có liên quan đồng bào DTTS, công tác TĐC cần phải được tính toán, xem xét, lập dự án ngay từ đầu để thực hiện đồng bộ các hạng mục công trình phục vụ đời sống và sinh hoạt của nhân dân. Phương án cần tính cụ thể và hợp lý về chính sách đền bù, chính sách hỗ trợ, cũng như các giải pháp tạo nguồn thu

nhập cho người dân, kể cả ảnh hưởng tác động môi trường ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của đồng bào DTTS.

+ Công tác chuẩn bị đầu tư cần được làm tốt và để công tác TĐC đạt được hiệu quả mong muốn phải thật sự coi trọng công tác quy hoạch, cơ sở hạ tầng, giao thông, thuỷ lợi, đặc biệt là quy hoạch sản xuất và xác định phương hướng, cơ cấu sản xuất. Phải lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và trình độ sản xuất của người dân địa phương từ đó xác định được bước đi phù hợp.

+ Xây dựng xong các khu TĐC thì mới tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng, đảm bảo cho người dân chuyển đến nơi ở mới có đủ điều kiện cần thiết bắt tay vào sản xuất, ổn định đời sống.

+ Giải quyết dứt điểm chế độ đền bù trước khi thực hiện xây dựng và trước khi di dời. Triển khai lập hồ sơ kiểm kê ngay khi có chủ trương, không nên kéo dài thời gian để cho để cho một số lợi dụng gây khó khăn cho quá trình xử lý.

+ Tính toán hiệu quả sử dụng đất chỉ nên tính ở mức trung bình phù hợp với trình độ canh tác của người dân. Đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất: Đối với các ngành nghề mang lại lợi ích cao nhưng tính rủi ro cũng cao cần phải cân nhắc thận trọng, cần thiết phải đưa phương án dự phòng.

3. Quy hoạch, thiết kế các khu tái định cư

+ Việc thiết kế quy hoạch xây dựng các khu tái định cư, kể cả xác định địa điểm phải phù hợp với đặc điểm phong tục tập quán sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng dân cư sẽ đến cũng như môi trường sống khu vực tái định cư. Cán bộ trí hợp lý không gian định cư tới mức có thể sao cho gần gũi nhất với điều kiện sống của họ trước đây. Nên có sự tham khảo ý kiến của người dân trước khi tiến hành.

+ Về nhà ở, nên đền bù và giao cho dân tự thiết kế xây dựng để giảm các chi phí, đồng thời đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, tập quán của người dân. Tuy nhiên cần qui định về cấp độ nhà và diện tích sử dụng tối thiểu nhằm đạt mục tiêu cải thiện nhà ở cho nhân dân.

4. Về chính sách đền bù và hỗ trợ

+ Chính phủ cần chỉ đạo việc ban hành đơn giá đền bù sao cho phù hợp để người thiệt hại không bị thiệt thòi cũng như để tránh tình trạng trì trệ, kéo dài, khiếu kiện, không chấp nhận phải cưỡng chế v.v...

+ Chính sách hỗ trợ: cần được ban hành thống nhất, rõ ràng, phù hợp và có chế độ kiểm tra đôn đốc thường xuyên. Cụ thể hoá hơn về hỗ trợ y tế, giáo dục, điện, khuyến nông, khuyến lâm v.v.

+ Cần có chính sách huy động sự tham gia đóng góp của người dân vào những công việc: xây dựng nhà ở, đất ruộng bậc thang... tạo việc làm và nguồn thu cho nhân dân và đồng thời cũng tăng khả năng sử dụng hực tế.

5. Đất sản xuất

+ Đất sản xuất của nhân dân tái định cư lòng hồ thủy điện tuy đảm bảo cho dân nhưng chủ yếu là đất rẫy khả năng bậc màu nhanh. Diện tích đất có khả năng để khai hoang ruộng nước rất ít, manh mún, suất đầu tư cao. Các địa phương chú ý công tác khuyến nông, song khả năng áp dụng của nhân dân về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo đất hạn chế, về cơ bản lâu dài cần phải bảo đảm diện tích sản xuất lúa nước vừa đủ để các hộ tái định cư có diện tích sản xuất ổn định. Có thể đa dạng hơn về hình thức đền bù chẳng hạn ngoài việc đền bù bằng hiện vật tại nơi TĐC có thể đền bù bằng tiền để những hộ có điều kiện tự mua đất ở nơi thuận tiện cho họ. Điều này giảm được sức ép về nhu cầu đất ở nơi TĐC, lại vừa tạo điều kiện cho của một số hộ muốn thay đổi loại hình sản xuất.

6. Vốn và cơ chế điều hành nguồn vốn

+ Nhà nước nên có một cơ chế về điều hành nguồn vốn tái định cư một cách hợp lý; có thể giao vốn để xây dựng một số hạng mục công trình thiết yếu phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân cho địa phương quản lý, điều hành để đảm bảo việc thi công nhanh chóng, công trình được thi công hợp với lòng dân, phát huy hiệu quả sử dụng. Hoặc giao cho địa phương (tỉnh hoặc huyện) thực hiện triển khai công tác đền bù và tái định cư để đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Chủ dự án công trình của quốc gia đóng vai trò giám sát, đôn đốc, tạo điều kiện địa phương thực hiện.

+ Thay đổi cơ cấu đầu tư bằng việc tăng vốn cho các chi phí đền bù, hoạt động hỗ trợ sản xuất để ổn định và cải thiện đời sống nhân dân thông qua hỗ trợ trực tiếp. Tổng kinh phí đầu tư cho tái định cư phải đảm bảo tỷ lệ thích ứng từ 10- 20% giá trị công trình (tùy thuộc tính chất công trình) và chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nhân dân phải đảm bảo 30% chi phí tái định cư.

+ Bổ sung ngân sách Nhà nước thông qua các chính sách hiện hành phối hợp với nguồn vốn đền bù tái định cư của chủ đầu tư để phối hợp cải thiện đời sống xã hội, nâng cao dân trí và đảm bảo ổn định cuộc sống bền vững cho nhân dân.

7. Công tác quản lý, điều hành thực hiện dự án:

+ Công tác di dân tái định cư tại các công trình thủy điện thời gian qua chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ TƯ đến địa phương, dẫn đến quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, có nhiều điểm bất cập so với yêu cầu, quyền lợi của người dân tái định cư (phải di dời) không được thống nhất. Nhà nước cần nghiên cứu, xem xét tổng thể để điều chỉnh chính sách đền bù di dân tái định

cư kíp thời điều chỉnh và giải quyết một số vướng mắc trong nhân dân về chính sách đất đai, đền bù, chính sách hỗ trợ.

+ Cần làm rõ chức năng nhiệm vụ của ban chỉ đạo và quản lý ở các cấp: tỉnh, huyện, xã và phân rõ nhiệm vụ cho từng thành viên. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong quản lý, điều hành cùng các cấp chính quyền và đổi mới phương pháp công tác vận động tuyên truyền, phổ biến chính sách trong nhân dân, động viên giúp đỡ nhân dân di dời tái định cư.

+ Có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho bộ máy thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại các cơ sở, có như vậy cán bộ làm công tác đền bù mới nắm vững các chế độ chính sách, trình độ chuyên môn kỹ thuật, đền bù và làm tốt công tác dân vận.

+ Trang bị đủ phương tiện đi lại, làm việc và có chế độ chính sách hợp lý cho cán bộ làm công tác đền bù giải phóng mặt bằng, vì phải thường xuyên đi công tác vùng sâu, vùng xa. Thể chế hoá mức phụ cấp hàng tháng cho Hội đồng đền bù và tổ chuyên trách giúp việc cho Hội đồng để gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm trong công việc.

III. ĐỀ XUẤT VỀ MỘT SỐ ĐIỂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỚI CHÍNH PHỦ

Kết quả tổ chức thực hiện công tác đền bù, di dân và TĐC thuộc các dự án thủy điện mặc dù đã được giải quyết cơ bản về yêu cầu, mục đích, quan điểm và đối tượng TĐC, nhưng hiện vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần được quan tâm chỉ đạo, giải quyết. Dưới góc độ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, cần tiến hành một số công việc sau:

1. Tổng kết công tác đền bù, di dân và TĐC các dự án thủy điện trên phạm vi toàn quốc, rút ra những mặt được và chưa được, những bài học kinh nghiệm để thống nhất chỉ đạo cho các dự án tiếp theo.

2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Chính sách đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng ban hành tại Nghị định số 22/1998/ NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ cho phù hợp với tình hình thực tế để áp dụng thống nhất cho các dự án thủy điện trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở nghiên cứu, xem xét tổng thể (có cân đối chung giữa các dự án), ban hành khung chính sách đền bù, di dân và TĐC các công trình thủy điện, đảm bảo mục tiêu ổn định đời sống cho nhân dân tái định cư và vùng bị ảnh hưởng xung quanh (kể cả khung về cơ cấu đầu tư, về qui mô, cấp công trình trong các khu TĐC...).

3. Quy định thống nhất việc lập dự án, trình tự, các bước thực hiện tái định cư tại các công trình thủy điện...

4. Nghiên cứu lại việc phân bổ và điều tiết sử dụng lại thuế tài nguyên (nhất là phân bổ ở cấp huyện) theo hướng khuyến khích các địa phương (đến cả cấp huyện, xã) trực tiếp đóng góp (hoặc bị ảnh hưởng) tham gia vào quá trình xây dựng và bảo vệ công trình. Các địa phương có điều kiện đầu tư hỗ trợ và đầu tư phát triển (đào tạo nghề, xây dựng cơ sở vật chất để phát triển sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp...) cho nhân dân các khu TĐC và các khu vực chịu ảnh hưởng liên quan.

5. Phân giao nhiệm vụ, trách nhiệm, cơ chế phối hợp thực hiện cụ thể, rõ ràng cho các Bộ, ngành liên quan, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, các địa phương, các BQLDA thủy điện trong việc triển khai thực hiện công tác TĐC các công trình thủy điện.

6. Đề nghị Chính phủ qui định việc tiến hành các thủ tục bàn giao mặt bằng lại cho địa phương quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích các khu phụ trợ sau khi đã xây dựng xong dự án thủy điện để thuận tiện cho công tác qui hoạch phát triển của địa phương.

7. Chính phủ cần có qui định nhằm tăng cường vai trò của cơ quan Ủy ban Dân tộc vào trong công tác nghiên cứu đề xuất chính sách tái định cư cũng như tham gia quản lý kiểm tra giám sát thực hiện công tác tái định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các công trình thủy điện để bảo đảm nâng cao hiệu quả của công tác trên.

KẾT LUẬN

Công tác đền bù di dân tái định cư và định canh là một việc làm rất quan trọng trong việc xây dựng các công trình thủy điện, góp phần phát triển kinh tế của đất nước. Để giải quyết tốt vấn đề di dân - tái định cư, đòi hỏi phải xem xét tác động dưới nhiều góc độ kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng... Mặt khác, đa phần người dân nằm trong diện di dân - tái định cư các công trình thủy điện đều là người dân tộc thiểu số, người dân bản địa đã có lịch sử cư trú lâu dài tại khu vực xây dựng. Đây là đối tượng chính sách của nhà nước và luôn cần có sự quan tâm đặc biệt trong việc thực hiện chính sách và các biện pháp đền bù, giải tỏa và di dân - tái định cư nhằm bảo đảm ổn định cuộc sống cho đồng bào.

Chính sách tái định cư là khuôn khổ pháp lý quan trọng để thực hiện triển khai công tác tái định cư. Để giải quyết vấn đề bất bình đẳng trong xã hội và phát triển, Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện chính sách, đền bù tài sản thiệt hại cho người dân và từng bước hỗ trợ các hộ bị ảnh hưởng khôi phục cuộc sống sau khi tái định cư. Đồng thời đây cũng thể hiện quá trình nhận thức về sự phát triển, tính công bằng và nền dân chủ xã hội trong xây dựng và thực hiện chính sách. Đặc biệt cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số. Việc triển khai công tác tái định cư ở công trình thủy điện Tuyên Quang, 2 điểm dự án mẫu của thủy điện Sơn La vừa qua đã chứng minh cho những nhận định trên.

Nhìn lại hơn 15 năm thực hiện công tác tái định cư ở các công trình thủy điện, có thể thấy mặt được là cơ bản. Đó là sự ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân, sự ổn định an ninh chính trị và đoàn kết các cộng đồng dân cư, các dân tộc. Mặt khác nó cũng biểu lộ những hạn chế nhất định do sự thiếu hụt về vốn đầu tư, về điều hành quản lý và cả về chính sách vĩ mô lẫn vi mô. Những vấn đề này được nhanh chóng khắc phục và cải tiến trong thời gian tới để bảo đảm đầu tư của nhà nước ngày một hiệu quả hơn, đời sống đồng bào dân tộc ngày một tốt hơn đóng góp vào quá trình thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh./.

PHỤ LỤC

Danh mục các nguồn thủy điện giai đoạn 2006-2010

(Quyết định 40/2003/QĐ -TTg ngày 21.3.2003)

Phụ lục 1

TT	Tên công trình	Công suất TK (MW)	Năm hoàn thành
I	Công trình do TCT Điện lực VN đầu tư	4.148	
1	Tuyên Quang	342	2006-07
2	Đại Ninh	300	2007-08
3	A Vương 1	170	2007
4	Thác Mơ (mở rộng)	75	2008
5	Quảng Trị	70	2007
6	Đakring	100	2007
7	Pleikrông	110	2008
8	Bản Lả	300	2008
9	Đồng Nai 3-4	510	2009-10
10	Sông Tranh 2	120	2009
11	Sông Côn 2	70	2010
12	Sông Ba Hạ	250	2010-11
13	Thượng Kon Tum	220	2010-11
14	Buôn Kuốp	280	2008-09
15	Bản Chát	200	2010
16	An Khê KaNak	163	2009
17	Buôn Tua Suah	85	2009
18	Srê Pốc 3	180	2009-10
19	Sê San 4	330	2010
20	Sê San 3	273	2005-2006
II	CT đầu tư ngoài ngành điện	929	
1	Cửa Đạt	97	2008
2	Sê San 3 A	100	2006
3	Bắc Bình	35	2006
4	Sook Phu Miêng	54	2006
5	Ngòi Bô	20	2006
6	Ngòi Phát	35	2006
7	Nhạc hạc - Bản Cốc	32	2006
8	La Ngáu	38	2006
9	Bình Điện	20	2006

10	Trà Sơn	24	2006
11	Eakrông rua	34	2006
12	Bảo Lộc	23	2006
13	Đại Nga	20	2006
14	Đak Rtih	72	2006
15	Thác Muối	53	2007
16	Na Le	90	2007
17	Cốc San - Chu Linh	70	2007
18	Đan Sách	6	2007
19	Đan Dâng	16	2007
20	Nậm Mu	11	2008
21	Sông Hiếu	5	2008
22	Eak Ron hang	65	2008
23	Iagrai	9	2008
III	Thủy điện Sơn La	2.400	
	Tổng cộng	7.477	

BẢNG QUI MÔ CÁC CÔNG TRÌNH TĐ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TĐC

Phụ lục 2.

Tên công trình	Công suất (MW)	Sản lượng điện	Giá trị công trình(đ)	Thời gian xây dựng	Số dân bị ảnh hưởng (ng)	Kinh phí TĐC	Tỷ lệ trên VĐT
TĐ Sông Hinh	70	380 triệu kw	1.843 tỷ VNĐ	11/95-3/01	1.930(diện di chuyển khỏi lòng hồ)	34 tỷ VNĐ	1,8%
TĐ Hàm Thuận - Đa Mi (Bình Thuận)	475	1.555 triệu kw	670 triệu USD	5/97 -03	4.673	Khoản g 64 tỷ VNĐ	1%
TĐ Ialy (Kon Tum - Gia Lai)	720	3.680 triệu kw	-	89 - 01	33.299	329 tỷ VNĐ	
TĐ Tuyên Quang	342	1.200 triệu kw	7.522 tỷ VNĐ	12/02 - 07	22.615	1.200 tỷ VNĐ	15%
TĐ Sơn La	2.400		40.000 tỷ VNĐ	05 -12	98.000	10.000 tỷ VNĐ	25%

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỘ GIA ĐÌNH TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục 3.

Tên công trình	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở	Hỗ trợ di chuyển mô mã	Hỗ trợ lương thực (kg/khẩu)	Hỗ trợ khác	Khuyến nông
TĐ Sông Hình	Không rõ	0,334trđ/mộ	15kg x 6 th	-	Không rõ
TĐ Hàm Thuận(Bình Thuận)	Không	Không	Không	Không	Không rõ
TĐ Hàm thuận -Đa Mi (Lâm đồng)	3 trđ/hộ	Không rõ	30kg x 12 th	1trđ/hộ cho hộ chính sách	Không rõ
TĐ Ialy (Gia Lai)	0,32trđ/hộ	0,3-0,6 trđ/mộ	13kg x 6 th	3 tháng tiền điện, y tế	2,47 trđ/ha năm
TĐ Ialy (Kon Tum)	1trđ/hộ	0,3-0,6 trđ/mộ	13kg x 6 th	Không rõ	1,65 trđ/ha năm
TĐ Đại Ninh (Lâm Đồng)	2 trđ/hộ	Không rõ	30 kg x 6 th (thu hồi đất ở, nhà ở 30kg x 12 th (thu hồi đất, nhà, đất SX)	Không	Không rõ
TĐ Tuyên Quang	2 tr đ/hộ	0,75 -0,95	30kg x12 th	0,1 tr y tế, 3tháng tiền điện	1 tr chăn nuôi
TĐ Sơn La (Lai Châu)	4 tr đ/hộ	1tr- 1,5	30kg x12 th	0,1 tr y tế/hộ, 0,12tr tiền điện, nước/ng	2 tr chăn nuôi, phân bón, giống

Ghi chú: Điểm TĐC La Dạ của Nhà máy thủy điện Hàm thuận - Đa Mi tỉnh Bình Thuận cho nhóm đối tượng đồng bào dân tộc K ho bị thiệt hại nguồn sống do mất nguồn nước 40 km của sông La Ngà

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ NHÀ Ở TĐC MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TĐ

Phụ lục 4.

<i>Tên công trình</i>	<i>Định mức hỗ trợ</i>	<i>Số hộ</i>	<i>Thành tiền (đ)</i>	<i>Hình thức</i>
TĐ Sông Hinh	15.000.000đ/hộ	423	2.922.775.808	Trực tiếp, dân tự làm, không đền bù
TĐ Hàm Thuận(Bình Thuận)	40m2 nhà + 6.5m2 công trình phụ - 30.000.000đ/nhà	150	4.500.000.000	Xây nhà giao cho dân, không đền bù
TĐ Hàm thuận - Đa Mi (Lâm Đồng)	12.000.000đ/hộ	470	5.640.000.000	Dân nhận tiền tự làm nhà, không đền bù
TĐ Ialy (Gia Lai)	40m2 và 60m2 + 6,5m2 công trình phụ	148	?	Xây nhà giao cho dân, không đền bù
TĐ Ialy (Kon Tum)	40m2+ 3m2 công trình phụ	636	?	Xây nhà giao cho dân, không đền bù
	60m2+ 3m2 công trình phụ	874		
TĐ Tuyên Quang	Theo định mức nhân khẩu hỗ trợ	4.374		Trực tiếp dân tự làm,
TĐ Sơn La – DA mẫu	Theo định mức nhân khẩu	400	40.000.000	Xây nhà giao cho dân, không đền bù

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐỀN BÙ TÁI ĐỊNH CƯ
THUỖ ĐIỆN SÔNG HINH**

Tổng số hộ di dời: 473

Số khẩu 1.930

Diện tích đất bị thu hồi 6.194 ha

Phụ lục 5

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Giá trị TT (đ)</i>	<i>Tỷ lệ trên tổng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chi phí đền bù tài sản trên đất, hỗ trợ vận chuyển, lương thực	6.378.305.554	19%	
2	Đền bù đất trong lòng hồ	1.825.962.070	05%	Trả cho dân tự khai hoang và mua lại
3	Hỗ trợ nhà ở	2.922.775.808	9%	Dân tự xây dựng
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng	8.667.874.000	25%	Không có đầu tư khai hoang, thủy lợi do đã trả kinh phí
5	Xây dựng đường tránh ngập	6.606.691.000	19%	Tính vào xây dựng cơ sở hạ tầng
6	Thu dọn lòng hồ	1.181.003.000	3%	
7	Rà phá bom mìn	5.985.289.000	18%	Khu vực lòng hồ
8	Trồng rừng và san gạt mặt bằng bổ sung	444.362.000	1,2%	Khu vực ven hồ
	<i>Cộng</i>	<i>34.007.262.432</i>	<i>100%</i>	

- Tỷ lệ hỗ trợ trực tiếp cho hộ : 33%

- Tỷ lệ đầu tư cơ sở hạ tầng: 44%

- Tỷ lệ chi phí giải phóng mặt bằng: 23%

Bình quân đền bù và hỗ trợ trực tiếp:

(1+2) /

-Cho mỗi hộ: 23.524.404 đ

- Cho mỗi khẩu: 5.765.307đ

Bình quân xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư

(3)/

-Cho mỗi hộ: 32.292.949 đ

-Cho mỗi khẩu: 7.914.282đ

Bình quân cho cả đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư

(1+2+3)/

-Cho mỗi hộ: 55.817.353 đ

- Cho mỗi khẩu: 13.679.589đ

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐỀN BÙ, TÁI ĐỊNH CƯ THUỖ ĐIỆN IALY
(Kon Tum và Gia Lai)

Tổng số hộ di dời : 1658 hộ Số khẩu 8.475
 Tổng số hộ bị ngập đất không phải di dời : 4.610 hộ Số khẩu 24.424
 Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị ngập 3.389,66 ha

Phụ lục 6.1

<i>stt</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Giá trị TT (đ)</i>	<i>Tỷ lệ trên tổng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chi phí đền bù tài sản trên đất	24.454.000.000	7,3%	Hoa màu, ao cá, cây trồng, chi phí tháo dỡ, vận chuyển
2	Chi phí hỗ trợ	12.795.000.000	04%	Khuyến nông, lương thực
3	Khai hoang và xây dựng công trình thuỷ lợi	20.000.000.000	06%	Bao gồm cả đo đạc, thiết kế, trạm bơm
4	Hỗ trợ nhà ở, công trình công cộng	66.730.000.000	20%	Cấp nhà
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng	55.791.000.000	17%	Điện, giao thông, cấp nước sinh hoạt
6	Xây dựng các công trình khác	12.700.000.000	04%	Trường học, trạm xá, trụ sở làm việc
7	Đầu tư bổ sung năm 2002 (đường, điện thuỷ lợi, khai hoang v.v)	50.400.000.000	15,7%	Chủ yếu cho vùng bán ngập
8	Thu dọn lòng hồ	14.580.000.000	4.3%	
9	Rà phá bom mìn	43.684.000.000	13,3%	
10	Khảo sát thiết kế	22.782.000.000	07%	
11	Chi phí quản lý	5.000.000.000	1.7%	
	<i>Cộng</i>	<i>328.910.000.000</i>	<i>100%</i>	

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐỀN BÙ TÁI ĐỊNH CƯ THUYỀN ĐIỆN IALY
(Kon Tum và Gia Lai)

Phụ lục 6.2

<i>stt</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Giá trị TT (đ)</i>	<i>Tỷ lệ trên tổng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chi phí đền bù tài sản trên đất và chi phí hỗ trợ phục vụ trực tiếp đời sống, khuyến nông	37.249.000.000	11,3%	Phần bù đắp thiệt hại do phải di dời và hỗ trợ sản xuất (1+2)
2	Hỗ trợ nhà ở, làng tái định cư	66.730.000.000	20,0%	Cải thiện điều kiện nhà ở (4)
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng	68.491.000.000	21,0%	Phần hỗ trợ hạ tầng sản xuất, hỗ trợ điều kiện sống và một phần cho sản xuất, lưu thông (5+6)
4	Khai hoang và xây dựng công trình thủy lợi	70.400.000.000	21,7%	(3+7)
5	Các chi phí khác	86.050.000.000	26%	Chi phí không trực tiếp (8+9+10+11)
	<i>Cộng</i>	<i>328.910.000.000</i>	<i>100%</i>	

- Tỷ lệ hỗ trợ trực tiếp cho hộ : 31,7%
- Tỷ lệ đầu tư cơ sở hạ tầng: 42,3%
- Tỷ lệ chi phí khác không trực tiếp cho hộ: 26%

Bình quân đền bù và hỗ trợ trực tiếp:
(1+2) /

- Cho mỗi hộ: 62.710.000 đ
- Cho mỗi khẩu: 12.270.000đ

Bình quân xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư
(3)/

- Cho mỗi hộ: 83.769.600 đ
- Cho mỗi khẩu: 16.388.200đ

Bình quân cho cả đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư
(1+2+3)/

- Cho mỗi hộ: 146.479.000 đ
- Cho mỗi khẩu: 28.658.200đ

Ghi chú: Mức bình quân trên tính cho hộ phải di dời và chỉ tính với những chi phí trực tiếp.

**BẢNG SO SÁNH CƠ CẤU TỶ LỆ CHI PHÍ TÁI ĐỊNH CƯ
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN
Sông Hình và Ialy**

Phụ lục 7.

<i>stt</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>TĐ Sông Hình (%)</i>	<i>TĐ Ialy (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chi phí đền bù tài sản trên đất và chi phí hỗ trợ phục vụ trực tiếp đời sống, khuyến nông	19%	11,3%	ở Sông Hình chưa có hỗ trợ khuyến nông trong kế hoạch TĐC
	Chi phí đền bù cho người dân tự mua đất	5%	-	
2	Hỗ trợ nhà ở, làng tái định cư	9%	20,4%	ở Sông Hình dân được cấp tiền tự làm nhà
	Khai hoang và xây dựng công trình thủy lợi	-	21%	TĐ Ialy, bao gồm cả đầu tư bổ sung 2002
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, phúc lợi công cộng)	44%	21,3%	TĐ Sông Hình, riêng đường tránh ngập chiếm 19%
4	Các chi phí khác	23%	26%	Chi phí không trực tiếp
	<i>Cộng</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI ĐỊNH CƯ VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG MỘT SỐ DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục 8

1. Dự án thuỷ điện Sông Hình.

a) Thuộc xã Đức Bình Đông:

- Khu tái định cư Buôn Thung tại thôn Tân Lập gồm: Buôn Thung 1: 92 hộ; Buôn Thung 2: 22 hộ.

- Xây dựng khu tái định cư thôn kinh tế II và một phần Buôn suối Dứa, quy mô cho 38 hộ.

Xây dựng trường học bằng nhà cấp 4, diện tích mỗi phòng $40m^2$.

Trạm phát thuốc bằng nhà cấp 4 với diện tích $39,6m^2$.

Bể nước $5m^3$ và nhà vệ sinh cấp 4 diện tích $21m^2$.

Cấp nước sinh hoạt bằng giếng nước 20 cái (Φ 1,5m- sâu 20 đến 25).

Điện sinh hoạt 0,4 Kv tổng chiều dài 4,08km.

Đường nội buôn tổng chiều dài 1,2km.

b) Thuộc xã Ea Trol:

Xây dựng Khu tái định cư Buôn Đức + Buôn Mùi, quy mô cho 146 hộ gồm:

Xây dựng trường học (4 phòng và 1 phòng thư viện) nhà cấp 4, diện tích mỗi phòng $40m^2$.

Trạm phát thuốc bằng nhà cấp 4 với diện tích $40m^2$, bể nước $5m^3$ và nhà vệ sinh cấp 4 diện tích $21m^2$.

Cấp nước sinh hoạt bằng giếng nước: 20 cái (Φ 1,5m- sâu 10 đến 20).

Điện sinh hoạt 0,4Kv tổng chiều dài 3,931km.

Đường nội buôn 4, 345 km.

c) Thuộc xã Sông Hình:

- Xây dựng khu tái định cư Thôn I, Thôn II, Thôn III, một phần thôn Suối Dứa, Buôn Kít cho 123 hộ gồm:

Xây dựng trường học (6 phòng) bằng nhà cấp 4, diện tích mỗi phòng $40m^2$, bể nước $5m^3$, nhà vệ sinh cấp 4 diện tích $21m^2$.

Cấp nước sinh hoạt bằng giếng nước: 14 cái.

Điện sinh hoạt 0,4kv tổng chiều dài 6,212km.

Đường nội buôn 2,273km.

Đường nội vùng từ tỉnh lộ 9B đến Thôn 1.

Tổng chiều dài 5,53 km đường cấp 5 miền núi đường rộng 5m, mặt đường rộng 3m, mặt đường rải cấp phối đôi dày 25cm.

2. Dự án thuỷ điện Hàm Thuận - Đa Mi tại tỉnh Lâm Đồng:

- Xây dựng mới và nâng cấp tuyến đường giao thông đường cấp IV và V miền núi: 23,255 km.

- Cầu giao thông 4 chiếc; Cống tiêu 20 chiếc; Hệ thống điện trung và hạ thế: 11km; Hồ trợ lắp điện 443 hộ dân; Giếng đào nước sinh hoạt 74 cái

Công trình thuỷ lợi 02, tổng công suất tưới 140 ha ; Trường học 14 phòng, 952 m²

Trụ sở làm việc 02, 100m²; Đầu tư đất sản xuất 265 ha.

3. Dự án TĐC thuỷ điện Ialy tại tỉnh Kon Tum

Các công trình công cộng như : *giao thông, trường học, trạm xá, lưới điện, trụ sở uỷ ban, nhà văn hoá* được đầu tư xây dựng khá đồng bộ bảo đảm cơ sở hạ tầng tốt cho nhân dân ở những nơi định cư mới . Cụ thể như sau:

- Đào 611 giếng nước sinh hoạt, bình quân từ 3 - 4 hộ/giếng, xây dựng 3 hệ thống nước tự chảy ở các thôn Bình Long xã Sa Bình, làng Cháp, Chứ, xã IaLy cơ bản giải quyết vấn đề nước sinh hoạt cho nhân dân. Xây dựng 9 bến đò thuộc các xã IaLy, Ia Xiêr, Ngọc Bay, Vinh Quang phục vụ giao lưu, đi lại cho nhân dân vùng dự án.

- Đã xây dựng các công trình phúc lợi công cộng gồm:

+ Trường học (loại 3, 1 lớp học và trường mẫu giáo) 29 trường.

+ Trạm y tế (160 m²/trạm): 2 trạm

+ Trụ sở UBND xã (212 m²): 2 trụ sở

+ Nhà rộng văn hoá: 12 nhà

- Xây dựng hệ thống đường giao thông: 26 km đường đi từ thị xã Kon Tum đến huyện Sa Thầy, mặt đường rải thảm nhựa 3,5m do Sở Giao thông Kon Tum làm chủ đầu tư, Ban QLDA góp 1/2 kinh phí (27 tỷ).

+ Đường cấp 4 miền núi: 32,4 km

+ Đường giao thông nội bộ khu TĐC: 37,32km

+ Xây dựng 3 cầu: (cầu Rỏ Rẻ dài 52m, rộng 7,5m tải trọng H13-BX60; cầu IaXiêr dài 60 m, rộng 4,0 m, tải trọng H8 và cầu tràn làng Lung dài 25 m, rộng 6,0m, tải trọng 1110.

- Hệ thống điện:

+ Xây lắp xong 26 trạm biến áp từ 20 - 180 KVA

+ Đường dây 22 KV dài 45,785 km, đường dây 0,23 - 0,4 KV dài 42,18 Km đến các làng TĐC.

4. Dự án TĐC thuỷ điện Ialy tại tỉnh Gia Lai

Giai đoạn 1:

1. *Đối với 3 làng tái định cư Kêh, Jút, Tum2:* Tổ chức di dân tái định cư cho 148 hộ - 670 khẩu từ vùng ngập lòng hồ về nơi ở mới, công tác này đã

hoàn thành trước ngày ngăn sông Sê san tháng 12/1995. Các công trình đã đầu tư xây dựng cho 3 làng gồm:

- Đường giao thông Ia Phí - Yút: 9,8km cấp miễn núi, kinh phí đầu tư 3,3 tỷ đồng.

- Đường điện 3,5 kw Đoàn Kết - Yút: 14km + 2 trạm biến áp, kinh phí đầu tư 1,45 tỷ đồng.

- Đập thủy lợi Ia ChaNa tưới 10,3 ha lúa nước và 15 ha cây công nghiệp. kinh phí: 0,94 tỷ đồng.

- Xây dựng 3 nhà rông văn hoá, 1 trường học 200m², trạm xá 100 m², giếng nước 20 cái (..... giếng có bơm điện, bể nước và hệ thống đường ống nội bộ).

Giai đoạn 2:

Do đời sống người dân vùng tái định cư và ảnh hưởng chưa được ổn định. UBND 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum đã đề nghị đầu tư bổ sung cho các làng, xã bị ảnh hưởng. Từ tháng 1 năm 2002 đến nay các hạng mục công trình bổ sung được thực hiện:

- Trường học 2 lớp học làng Mun xã Ia Mnông: 0,13 tỷ đồng (đây là hạng mục xã đề nghị và được bổ sung sau) đã hoàn thành bàn giao ngày 21/5/2002).

- Xây dựng hệ thống cấp điện sinh hoạt 5 làng (Phung, Mun, A Mông, Kép I, Kép II) xã Ia Mnông: 2,7 tỷ đồng đã đưa vào sử dụng tháng 12/2002.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống cấp điện sinh hoạt 4 làng (Bloi, Vàn, Yah, Al) xã Ia Mnông: 3,8 tỷ đồng, đưa vào sử dụng tháng 12/2002.

- Xây dựng cải tạo hệ thống cấp điện sinh hoạt 5 làng (Roih, Prép, Rôi, Yăng II, Yăng III) xã Ia Phí: 3,2 tỷ đồng, tháng 12/2002 đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Xây dựng giếng nước sinh hoạt cho 3 làng (Kênh, Yút, Tum 2): 40 cái kinh phí 0,6 tỷ đồng, cuối tháng 5/2002 bàn giao đưa vào sử dụng toàn bộ.

5. Dự án mẫu Si Pa Phên thủy điện Sơn La

+ Về công trình xây dựng cơ bản

- Công trình giao thông: Đã đầu tư được 22,3 km đường. Trong đó: làm mới 18,8 km gồm: 5,8 km đường nông thôn loại A. Làm mới 1 cầu treo và một cầu bê tông vào khu tái định cư.

- Công trình thủy lợi Nậm Chim: Đập nước Nậm Chim đã hoàn thành. với dung tích tưới theo thiết kế là 500 ha ruộng nước cho các bản sở tại trong xã. Chưa hoàn thành mương dẫn nước và chưa đưa vào sử dụng.

- Hệ thống thủy lợi nhỏ: Theo công suất thiết kế khả năng cấp nước tưới cho số diện tích 49 ha lúa vụ mùa đã hoàn thành và nghiệm thu.

- Nước sinh hoạt và Lưới điện hạ thế: đã hoàn thành và đưa vào sử dụng theo thiết kế

+ *Các công trình phúc lợi và dân dụng.*

- *Trường phổ thông cơ sở + nhà trẻ*

- *Nhà y tế:* Quy mô nhà y tế cấp 4 diện tích xây dựng = 102 m² và tranh, thiết bị kèm theo. Công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- *Kè bảo vệ cụm dân cư đối Trẩu khu TĐC:* Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, giá trị công trình đầu tư 250 triệu đồng.

- *Công trình cải tạo mặt bằng xây dựng nhà ở khu tái định cư:* San ủi, tạo mặt bằng với tổng diện tích: 17,6 ha và kè bảo vệ cụm dân cư.

- *Đầu tư xây dựng khu dân cư 200 nhà:* Trong đó: 175 nhà sàn (nhà 3 gian, nhà 4 gian), 25 nhà trệt hiên tây, mái chày và 3 nhà sàn mẫu (nhà 3 gian, nhà 4 gian).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Báo cáo công tác di dân tái định cư các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng – UBND tỉnh Lâm Đồng /T8/2003.
2. Báo cáo tình hình tái định cư vùng lòng hồ nhà máy thủy điện Ialy và đền bù giải phóng mặt bằng thủy điện Sê San 3 A – Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai- /T8/2003.
3. Báo cáo tình hình thực hiện dự án tái định cư xã Đông Giang, La Dạ tỉnh Bình Thuận – Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Bình Thuận - /T8/2003.
4. Báo cáo tình hình thực hiện công tác đền bù, di dân, tái định cư thủy điện Ialy và khu tái định cư thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi – Tổng công ty điện lực Việt Nam.
5. Báo cáo tổng kết công tác đền bù, giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Sông Hình - Tổng công ty điện lực Việt Nam – T8/2002
6. Báo cáo tình hình tái định cư vùng lòng hồ nhà máy thủy điện Ialy trên địa bàn tỉnh Kon Tum – UBND tỉnh Kon Tum.
7. Báo cáo công tác đền bù, di dân tái định cư công trình thủy điện Tuyên Quang -- UBND tỉnh Tuyên Quang, 8/2004
8. Báo cáo về chính sách tái định cư ở Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu Tư, 1997.
9. Đánh giá công tác tái định cư dự án mẫu Si pa Phìn tỉnh Lai Châu, công trình dự án thủy điện Sơn La, Nguyễn Văn Đủ, Bộ NN&PTNT
10. Quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết tái định cư, Nguyễn Lâm Thành, Ủy Ban Dân tộc.
11. Một số vấn đề về Chính sách tái định cư và bài học kinh nghiệm các quốc gia trong khu vực Châu á, Nguyễn Lâm Thành, Ủy Ban Dân tộc
12. Nghị định 22/CP về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, 4/1998.
13. Văn kiện Nghị quyết TW lần 5 khoá IX.

ỦY BAN DÂN TỘC

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI KHOA HỌC

TÊN ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ MÔ HÌNH TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Cơ quan quản lý: ỦY BAN DÂN TỘC

Đơn vị chủ trì: VIỆN DÂN TỘC

Chủ nhiệm đề tài: THẠC SĨ NGUYỄN LÂM THÀNH

Hà nội, tháng 12/ 2004

5669 II
19/11/06

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc xây dựng các công trình thủy điện, đặc biệt là các công trình lớn luôn gắn với công tác *Tái định cư* và nó trở thành một vấn đề luôn được quan tâm hiện nay, dù ở quốc gia phát triển hay các quốc gia đang phát triển. Nghiên cứu, đánh giá mô hình tái định cư là một yêu cầu không thể thiếu bởi nó giúp cho việc xây dựng và điều chỉnh những định hướng, chính sách của Chính phủ cũng như đề ra các qui trình kỹ thuật tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm các yếu tố về ổn định dân sinh và hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối với nước ta hiện nay vấn đề này càng trở nên cấp thiết hiện nay khi đất nước ta bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhận thức tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề này, góp phần làm sáng tỏ một số khía cạnh có liên quan trong công tác đền bù di dân tái định cư ở các công trình thủy điện, chúng tôi chọn đề tài *Nghiên cứu một số mô hình tái định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số liên quan đến các công trình thủy điện* để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

- Ngoài nước

Trong khu vực đã có một số nghiên cứu xung quanh vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện như: ở Trung Quốc (NM thủy điện Tam Hiệp), Đông Ma lai xi a, Lào (NM thủy điện Nậm Ngừm) và Cam Pu Chia, Thái Lan v.v. Tuy rằng chính sách và vấn đề thực hiện ở từng nước có khác nhau, do không đồng nhất về đặc điểm địa lý dân cư, dân tộc, điều kiện kinh tế và thể chế chính trị. Nhưng đây là những thông tin tham khảo cho những nghiên cứu mô hình tái định cư ở nước ta

- Trong nước.

Trong thời gian vừa qua việc nghiên cứu nội dung liên quan tái định cư ở các công trình thủy điện thực hiện được chưa nhiều. Một số cơ quan tiến hành như Trung Tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Ngân hàng Thế giới thông qua các hoạt động dự án tài trợ của quốc tế đối với thủy điện Ialy, Hoà Bình v.v. Nội dung mới chỉ dừng lại ở một số các khía cạnh chính sách chung, hay khảo sát, đánh giá vấn đề kinh tế- xã hội, chưa mang tính hệ thống và có sự khái quát, so sánh.

3. Phạm vi nghiên cứu.

Trong khuôn khổ thời gian và điều kiện kinh phí có hạn, nhóm nghiên cứu lựa chọn một số điểm tái định cư để tiến hành khảo sát đánh giá. Bao gồm: Thủy điện Sông Hinh (Phú Yên), thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi (Bình Thuận - Lâm Đồng), thủy điện Ialy (Gia lai - Kon Tum), thủy điện Na Hang (Tuyên Quang), thủy điện Sơn La (2 điểm dự án mẫu Lai Châu và Sơn La), Thủy điện Hoà Bình.

Tuy nhiên trong đợt này chỉ khảo sát điểm tái định cư của dự án thủy điện Na Hang, các điểm còn lại sử dụng kết quả đã được thực hiện trước đó vào năm 2003. Những nội dung liên quan đến kết quả thực hiện, đầu tư, chính sách tái định cư, cách thức tổ chức quản lý là những vấn đề chính sẽ được xem xét, nghiên cứu.

4. Mục đích, nội dung nghiên cứu

- **Mục đích:** Nhằm đánh giá kết quả thực hiện một số dự án, mô hình tái định cư, đúc rút những bài học kinh nghiệm và đưa ra những khuyến nghị về công tác tái định vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư nhằm đóng góp cho việc xây dựng chính sách cũng như tổ chức triển khai thực hiện tái định cư thủy điện Sơn la cũng như các công trình thủy điện trong tương lai.

- *Nội dung nghiên cứu của đề tài, tập trung giải quyết các vấn đề sau:*

+ Một số cơ sở lý luận, và thực tiễn bài học kinh nghiệm của quốc tế và các quốc gia châu á về vấn đề tái định cư các công trình thủy điện.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư, định canh, mô hình tái định cư ở các công trình thủy điện lựa chọn.

+ Phân tích các chính sách liên quan về đền bù, tái định cư, trọng tâm là Nghị định 22/CP và đề xuất khung một số cơ chế chính sách tái định cư đối với đối tượng bị ảnh hưởng các công trình thủy điện, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu,

- Phương pháp thu thập và phân tích thông tin:
- Phương pháp chuyên gia:
- Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA)
- Phương pháp phân tích và tổng hợp,

6. Đóng góp của nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm cung cấp thêm thông tin cho người đọc cái nhìn đầy đủ hơn, tổng quan hơn về những mặt được, chưa được, những khuyến nghị từ việc triển khai công tác tái định cư liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số ở các công trình thủy điện cùng những chính sách tái định cư có liên quan

7. Kết cấu: gồm 3 phần ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục

- *Phần I.* Vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện và chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

- *Phần II.* Công tác tái định cư ở một số công trình thủy điện

- *Phần III.* Một số khuyến nghị chính sách và giải pháp trong việc triển khai công tác tái định cư ở các công trình thủy điện

Phần I.

VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA .

I. MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN.

1. Tái định cư là sự phát triển.

Vấn đề tái định cư ngày nay trở nên càng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới do nhu cầu xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật của quốc gia tạo nền tảng cho sự phát triển của đất nước. Đặc biệt với các công trình thủy điện, thủy lợi gắn với việc xây dựng các hồ đập ngày càng có qui mô lớn kéo theo yêu cầu tái định cư số lượng dân cư không nhỏ. Mặt khác qua thực tiễn sự nhận thức về vấn đề tái định cư cũng có những thay đổi đáng kể hướng theo mục tiêu ngày càng bảo đảm cuộc sống ổn định và tốt hơn như là quyền lợi chính đáng của những người buộc phải tái định cư. Các quốc gia, kể cả trong khu vực đã tiếp cận và giải quyết các chính sách này từ những năm đầu 60 của thế kỷ 20. Quan điểm rõ ràng từ nhận thức được rằng việc mất nơi ở có thể gây ra việc làm mất quyền sở hữu và kéo theo quá trình bán cùng hoá. Do vậy, việc tái định cư phải là một phần trong chính sách và kế hoạch phát triển cũng như dự án phát triển. Hơn nữa việc tái định cư là nhằm

đưa ra các cơ hội nhằm cải thiện mức sống của người dân, ngăn ngừa việc tạo ra sự nghèo khổ ở những vùng phụ cận mới.

+ Các yếu tố kinh tế- xã hội cần bảo đảm các nguyên tắc sau trong việc thực hiện di dân tái định cư:

- Cần giảm thiểu tới mức có thể yêu cầu di dân tái định cư bắt buộc.
- Những nơi phải tái định cư bắt buộc, người dân phải được giúp đỡ để cải thiện, ít nhất là phục hồi mức sống và khả năng kiếm sống, thu nhập như trước đó. Phương thức để đạt được mục tiêu này bao gồm từ việc chuẩn bị đến việc điều hành quản lý và tổ chức thực hiện các kế hoạch tái định cư như là một kế hoạch phát triển.
- Thúc đẩy việc tham gia của người dân tái định cư và người dân sở tại và đưa vào các tổ chức văn hoá- xã hội hiện có để tiến hành việc chuyển đổi và tái thiết lập môi trường văn hoá- kinh tế xã hội mới.

- Các cộng đồng tái định cư cần được tổ chức và đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ để họ có thể sinh sống được và hoà nhập được vào bối cảnh kinh tế xã hội khu vực nơi ở mới.

- Các cộng đồng nơi đến được tiếp nhận sự giúp đỡ để khắc phục hậu quả xã hội và môi trường do việc gia tăng dân số.

- Đối với những người dân tộc thiểu số được thừa nhận các quyền theo cách thức quản lý truyền thống đối với đất đai, tài nguyên và được cung cấp đất đai, cơ sở hạ tầng và các đền bù thích hợp khác cho những phần bị thu hồi sử dụng. Chú ý đặc biệt đến hộ đứng đầu là phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn hại khác như người dân tộc thiểu số và cung cấp sự trợ giúp thích hợp để cải thiện tình trạng của họ.

- Trong quản lý, tái định cư không tự nguyện và đền bù cần được quan niệm và điều hành như là một bộ phận của dự án. Chi phí của đền bù và tái định cư cần bao gồm trong chi phí dự án.

2. Các mức độ ảnh hưởng trong tái định cư, cơ sở để xem xét và lập các dự án tái định cư. (Biểu tiêu chí để xem xét)

3. Các chính sách áp dụng cho công tác tái định cư

- Đền bù đất dựa trên thị trường hiện tại hoặc giá trị thay thế
- Đền bù cho đất vườn, công trình, cơ sở kinh doanh thương mại và các tài sản có thể di chuyển khác.
- Đền bù cho tác động, ảnh hưởng tiêu cực về việc làm và thu nhập, bao gồm cả khôi phục thu nhập
- Cung cấp đất và các nguồn tạo ra thu nhập
- Đất ở tại khu tái định cư và trợ giúp xây dựng nhà ở
- Xây dựng các cơ sở hạ tầng, dân sinh tại khu tái định cư
- Chi phí di chuyển và trợ cấp sinh hoạt cho thời gian đủ để người dân tái lập cuộc sống mới
- Kế hoạch khôi phục thu nhập cho các nhóm đặc biệt khi thích hợp, nhất là các nhóm nghèo, người dân tộc thiểu số.

4. Các giai đoạn của chương trình tái định cư.

- Xác định đất, tài sản bị thu hồi và đánh giá giá trị chuyển đổi của đất hay các tài sản.
- Xác định đất phù hợp để có thể so sánh độ màu mỡ và giao đất đó cho người bị ảnh hưởng giúp họ duy trì mức thu nhập

- Thỏa thuận mức đền bù cho đất, tài sản bị ảnh hưởng, có thể bằng tiền nếu việc đền bù đất mới không được chấp nhận hoặc không tìm thấy đất phù hợp.

- Thảo luận với những người bị ảnh hưởng về qui hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng của cộng đồng như đường xá, hệ thống cấp nước, điện, thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, chùa chiền v.v.

- Tiến hành nhanh chóng việc đền bù và chương trình tái định cư. Trong đó, đưa ra và thực hiện các biện pháp ổn định đời sống, giữ vững thu nhập, đào tạo kỹ năng và những hỗ trợ khác cho nghề nghiệp trên cơ sở khảo sát, điều tra đánh giá xã hội các nhóm cư dân. Đặc biệt chú trọng các nhóm nghèo, dễ tổn thương, người dân tộc thiểu số.

- Giúp đỡ việc bố trí nơi định cư mới thông qua cung cấp phương tiện vận chuyển hoặc bằng tiền. Trợ cấp xây dựng lại nhà ở, các hệ thống sản xuất, các chi phí giao dịch hành chính, pháp luật.

- Việc đền bù thiệt hại đối với nhà ở hoặc công trình xây dựng khác được thanh toán toàn bộ bằng giá chuyển đổi.

- Thiệt hại về phương diện kinh doanh được đền bù theo qui định về qui mô tương ứng và tính chất kinh tế của vị trí giao dịch.

5. Bài học kinh nghiệm một số quốc gia Châu á

5.1. Trung Quốc

+ *Chính sách nhà nước qui định theo những nguyên tắc sau:*

- Tối thiểu hoá tái định cư, nghĩa là giảm thiểu đến mức đối đa số lượng người dân bắt buộc phải di chuyển chỗ ở mới đến mức có thể trong khi ở nơi cũ vẫn bảo đảm được cuộc sống.

- Duy trì thu nhập thực tế của những người tái định cư trong điều kiện nơi ở mới.

- Đền bù tài sản bị mất tại mức giá trị thay thế

- Quan tâm đến nhu cầu đặc biệt của người dân tộc thiểu số

- Thiết kế nhà ở thay thế phù hợp với các kiểu dáng địa phương.

- Các cơ quan thiết kế và chính quyền địa phương cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc thiết kế, lập kế hoạch và xây dựng ngân sách tái định cư của các địa phương.

+ *Những bài học kinh nghiệm cơ bản của Trung Quốc trong việc triển khai công tác tái định cư là:*

(1) Trong hoạt động tái định cư khu vực xây dựng thủy điện, thủy lợi, các chính sách và thủ tục được qui định chi tiết, rõ ràng, ràng buộc chặt chẽ với các hoạt động khác trong xây dựng, nông nghiệp, giao thông, thương mại v.v. Các kế hoạch tái định cư chi tiết và các biện pháp phục hồi kinh tế cho từng làng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình bị ảnh hưởng được chuẩn bị, lên phương án trước khi thông qua dự án. *Việc triển khai công tác tái định cư và hỗ trợ nó thông qua thiết lập một quỹ phát triển hồ chứa duy trì trong 10 năm, tính từ một phần thu nhập của dự án.*

(2) Trung quốc có hệ thống chính quyền địa phương và thể chế của nó đồng bộ, có năng lực, hoạt động hiệu quả, ăn khớp. Cụ thể, chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc thực hiện chương trình tái định cư. Chính quyền cấp quận, huyện chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch cụ thể ở địa phương, người tái định cư và dân sở tại nắm được trách nhiệm của chính quyền từng cấp. Bằng cách này, chính quyền địa phương có thể chủ động, phối hợp và tạo ra các hỗ trợ kỹ thuật

và tài chính khác nhau từ các dự án phát triển từ nguồn chính phủ cũng như các tổ chức hỗ trợ khác. Chính sách trợ cấp tài chính, các chính sách ưu đãi, giảm thuế là những chính sách được áp dụng thí điểm trước khi áp dụng tái định cư.

(3) Hình thức sở hữu tập thể về đất đai là một điều kiện rất thuận lợi cho việc thực hiện tái định cư do không phải tiến hành đền bù cho từng hộ cá thể. Tiền đền bù đất được sử dụng để tìm kiếm và phát triển các khu vực định cư mới, có thể mua lại của cộng đồng sở tại. Chính vì vậy nhiều cộng đồng sở tại đã bố trí, sắp xếp lại đất đai chuyển nhượng cho chính quyền địa phương để đổi lấy khoản đền bù dưới hình thức tiền mặt và cải thiện cơ sở hạ tầng. Một số trường hợp, các cộng đồng sở tại đầu thầu để nhận dân tái định cư.

5. 2. Chính sách tái định cư vùng hồ chứa thủy điện của Thái Lan.

Trong vòng 20 năm từ 1964-1984, tại Thái Lan đã xây dựng nhiều công trình thủy lợi, thủy điện với tổng công suất phát điện khoảng 2,3 triệu kw, tập trung ở 8 công trình chính. Số hộ tái định cư là 19.000 hộ với gần 100.000 nhân khẩu. Việc giải quyết vấn đề tái định cư ở Thái Lan được thực hiện khá tốt. Chính sách cho vấn đề này đã được đề cập và xây dựng từ những năm đầu thập kỷ 60 thế kỷ 20.

Năm 1963 Thái Lan ban hành chính sách quốc gia về tái định cư để xác định việc đền bù và chính sách tái định cư cho các dự án thủy lợi và phát triển điện năng

Năm 1978, 1990 chính phủ đã thể chế hoá chính sách : Hướng dẫn chính sách môi trường đối với việc xây dựng các dự án đập và hồ chứa và xây dựng chính sách riêng về tái định cư và đền bù.

Năm 1997, đưa ra chính sách mới để bảo đảm cải thiện mức sống và khả năng tạo thu nhập cho tất cả những người bị ảnh hưởng.

- Đền bù dựa trên nguyên tắc các tài sản bị mất phải được định giá ở mức giá trị thay thế đầy đủ.
- Chi phí đất thay thế được xây dựng có tham khảo giá đất thị trường. Thay vì đền bù tiền mặt, người dân có quyền yêu cầu đổi đất ở một địa điểm chấp nhận được và chất lượng đất chấp nhận được.
- Chi phí đền bù nhà ở và các công trình được tính trên tổng: chi phí dỡ bỏ, hư hỏng gắn với việc di chuyển; chi phí vận chuyển đến: chi phí xây dựng nhà với vật liệu mới và lao động di thuê.
- Việc phục hồi cuộc sống bao gồm các chi phí đào tạo hướng nghiệp, tạo việc làm, mở rộng dịch vụ, tín dụng và trợ cấp tạm thời cho đến khi hộ gia đình tự ổn định được cuộc sống.

Trên thực tế chính sách của cơ quan năng lượng chính phủ (EGTA) đã vượt lên các qui định về khuôn khổ chính sách chung hiện hành, mang tính tiến bộ hướng tới mục tiêu nâng cao mức sống những người bị ảnh hưởng. Và đây cũng là điểm mạnh trong chính sách của Thái Lan đưa đến những thành công trong công tác tái định cư, được đánh giá là một trong 4 quốc gia thực hiện tốt nhất trên thế giới hiện nay.

5.3. Chính sách tái định cư của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Vấn đề tái định cư ở các công trình thủy điện nảy sinh ở Lào từ năm 1970 khi xây dựng công trình thủy điện Nậm Ngừm, với 3200 cư dân bị ảnh hưởng hồ chứa. Do nhu cầu của sự phát triển quốc gia, Chính phủ Lào đã ban hành chính sách tái định cư vào năm 1998. Trong đó nổi bật các điểm chủ yếu sau:

- Coi việc giải quyết tái định cư không tự nguyện là *kết quả của dự án phát triển*. Nó là một quá trình từ đền bù, tái bố trí và khôi phục cho những người bị ảnh

hưởng của dự án nhằm đảm bảo rằng người dân có một cuộc sống tốt hơn, ổn định và bền vững.

- Các dự án phát triển có các dự án đầu tư nhằm tạo ra cơ sở hạ tầng và tài sản sản xuất hoặc dự án bảo vệ các tài nguyên quốc gia. Tư nhân cũng có thể tham gia vào các dự án phát triển như khách sạn, khu du lịch hoặc là dự án công cộng.

- Đền bù là việc trả bằng tiền hoặc hiện vật cho các tài sản bị thiệt hại trong trường hợp những nơi không phải tái bố trí. Trong trường hợp phải tái bố trí thì thực hiện cả việc đền bù và khôi phục.

- Khôi phục là các hoạt động nhằm bảo đảm đem lại một mức sống cao hơn trước đó thông qua việc tạo ra các hoạt động kinh tế lâu bền cho hộ gia đình.

- Tiêu chí dự án: dự án có từ 100 hộ gia đình bị ảnh hưởng trực tiếp trở lên được xếp vào loại dự án quan trọng và phải có dự án tái định cư hoàn chỉnh theo yêu cầu qui trình. Điểm qui định này rất phù hợp với điều kiện của Lào nơi có nhiều nhóm dân tộc, bộ tộc sinh sống mang tính đặc thù.

- Đền bù đất bằng giá trị thay thế dựa vào giá thị trường địa phương tại thời điểm thu hồi đất. Người bị ảnh hưởng có thể yêu cầu bồi thường đất thay thế (cả về số lượng và chất lượng đất), trường hợp đặc biệt có thể đền bù bằng tiền mặt.

- Đối với nhà ở là thay thế nhà ở cũ bằng nhà mới. Dự án chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu và xây dựng. Chủ nhà tham gia làm nhà thì sẽ được thanh toán tiền công lao động.

Chính sách tái định cư của Lào thể hiện nhiều điểm tiến bộ. Chính sách đó đã bảo đảm quyền lợi cho những người phải tái định cư không tự nguyện, đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng của các dự án phát triển vì lợi ích quốc gia.

II. THÔNG TIN CƠ SỞ VỀ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN VÀ VẤN ĐỀ TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN Ở NƯỚC TA.

Việc xây dựng các công trình thủy điện nhằm tạo nguồn năng lượng để phát triển kinh tế xã hội là một nhu cầu đặc biệt quan trọng. Nước ta đã có một số các công trình thủy điện đã được hoàn thành như Thác Bà, Hoà Bình, Trị An, Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi, Thác Mơ, Sông Hinh và Vĩnh Sơn, v.v. tổng cộng suất thiết kế 3.902 MW cung cấp lượng điện năng đáng kể. Với tiềm năng thủy điện sẵn có, chiến lược phát triển ngành điện 2010 sắp tới sẽ xây dựng khoảng 50 công trình thủy điện lớn và vừa với tổng công suất 5.077 MW, nếu kể cả thủy điện Sơn La là 7.477 MW.

Hình thức đầu tư cũng đa dạng, Chính phủ đã cho phép các doanh nghiệp ngoài ngành điện, cả doanh nghiệp tư nhân tham gia vào xây dựng các công trình. Trong số này có 21 công trình do ngành điện đầu tư với công suất 6.548 MW, ngoài Tổng Công ty điện lực đầu tư 23 công trình với công suất 929 MW dưới hình thức BOT hoặc BT. Điều này chứng tỏ khả năng sinh lời từ việc sản xuất và kinh doanh điện năng là khá lớn, hấp dẫn các nhà đầu tư.

Nếu như trước đây chúng ta xây dựng thủy điện Hoà Bình, Ialy, Hàm Thuận v.v. số lượng dân cần phải di chuyển và ảnh hưởng khoảng trên 100.000 người thì đến giai đoạn này số lượng lớn hơn nhiều. Ngoài thủy điện Sơn La cần phải tái định cư cho khoảng 100.000 người, các công trình khác có tới gần 300.000 người bị ảnh hưởng. Tổng cộng là khoảng 400.000 người, cao gấp 4 lần con số trước đây. Trong số này hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số, các nhóm ít người và rất ít người, chủ yếu là các tộc người thiểu số Thái, Khơ Mú, Mông, Dao Tày, Ba Na, Xơ Đăng, Gia Lai, v.v. Riêng công trình Pleikrông có một số lượng đáng kể hơn đồng bào Kinh.

Đời sống chủ yếu sản xuất nông nghiệp, làm rẫy và khai thác lâm sản phụ. Trình độ sản xuất còn rất thô sơ, quảng canh, sống phụ thuộc vào thiên nhiên là chính. Bên cạnh đó trình độ học vấn và khả năng tiếp thu các yếu tố kỹ thuật, văn hoá bên ngoài rất hạn chế. Nhiều tập quán, hủ tục vẫn còn tồn tại và duy trì trong đời sống cư dân và các buôn làng.

Do vậy, các công trình thủy điện có tác động ảnh hưởng nhiều mặt đến môi trường sinh thái và đời sống kinh tế-xã hội của nhân dân vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là đối với nơi số dân phải di dời để giải phóng mặt bằng cho công trình và lòng hồ.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN Ở NƯỚC TA QUA CÁC GIAI ĐOẠN.

1. Giai đoạn trước 1993.

- Đây là giai đoạn nước ta còn trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung bao cấp và bắt đầu mới có sự chuyển đổi sau Đổi mới 1986. Việc đền bù, tái định cư cho nhân dân khi nhà nước thu hồi đất xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi cũng như các công trình an ninh, quốc phòng khác còn hết giản đơn. Việc này dựa trên quan niệm đất đai chủ yếu thuộc sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể nên trong trường hợp khi cần thiết, Nhà nước chỉ thu hồi lại mà không nhất thiết đền bù cho nhân dân. Nếu có chăng chỉ đền bù cho chính quyền địa phương hay tập thể đang sử dụng đất có các tài sản bị thiệt hại, không qui định mức đền bù mà chủ yếu đền theo thỏa thuận. Xây dựng các công trình thủy điện Thác Bà những năm 1960, Thủy điện Sông Đà những năm 1970 -1980 là minh chứng cụ thể cho nhận định trên.

2. Giai đoạn 1993 -2001

Đây là giai đoạn nước ta bước vào công cuộc phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế chuyển dần từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được những thành tựu to lớn. Về quan điểm chung, thay vì nhấn mạnh lợi ích quốc gia, lợi ích tập thể như trước đây, Nhà nước đã chú trọng một cách hài hoà đến lợi ích các nhân và ngày càng được khuyến khích, bảo vệ và coi đó là động lực của sự phát triển. Chính sách của nhà nước đã có sự thay đổi căn bản về cách giải quyết trong vấn đề thực hiện đền bù, di dân tái định cư.

Hiến pháp 1992 và Luật đất đai 1993 ra đời và có hiệu lực, đã đặt cơ sở pháp lý cho chính sách đền bù và tái định cư. Cụ thể hoá bằng Nghị định 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ và Nghị định 22 CP/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Nghị định 22 CP đã tăng thêm mức đền bù về đất đai, nhà cửa, hoa màu, các tài sản khác cũng như một số biện pháp hỗ trợ để ổn định đời sống và sản xuất của người bị ảnh hưởng theo hướng bù đắp từng phần các thiệt hại trực tiếp của người dân.

3. Giai đoạn 2001 đến nay.

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương khoá IX về “Tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, phân chính sách bồi thường, tổ chức tái định cư và hỗ trợ tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất có ghi:

“... Khi xây dựng các dự án đầu tư dẫn đến phải thu hồi đất đang sử dụng, phải lập dự án tái định cư cho người có đất bị thu hồi và phải xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất; đồng thời chú trọng đào tạo để chuyển đổi nghề cho lao

động tái định cư. Người đang sử dụng đất hợp pháp khi bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ tái định cư và tạo việc làm theo nguyên tắc “bảo đảm cho người bị thu hồi đất đến chỗ ở mới có điều kiện phát triển bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ...”

Trong vấn đề thực hiện di dân, tái định cư

Về nguyên tắc chung

- Bảo đảm quyền lợi cho người dân về những thiệt hại, ảnh hưởng do việc thu hồi đất đai và di dân tái định cư. Cả nơi đi và nơi đến

- Bảo đảm các điều kiện để phát triển kinh tế xã hội. Bao gồm cơ sở hạ tầng, điều kiện sản xuất, nhất là đất đai, yếu tố môi trường sống.

- Bảo đảm tính phù hợp trong bối cảnh văn hoá, đặc điểm vùng và dân tộc. Tránh những tác động ảnh hưởng lớn về tâm lý xã hội cộng đồng trong việc xây dựng các điểm tái định cư mới, tổ chức quản lý cộng đồng dân cư v.v.

Về cơ chế, chính sách:

- Bảo đảm tính phù hợp của các điều khoản qui định của chính sách áp dụng, bảo đảm quyền lợi cao nhất cho người dân

- Bảo đảm yếu tố phát triển trong chính sách, tức là tiếp cận dần cách thức giải quyết của quốc tế nhằm thực hiện các công bằng xã hội

- Bảo đảm tính hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện. Chính sách đi vào cuộc sống, được nhân dân chấp nhận và giải quyết được cơ bản yêu cầu ổn định đời sống và phát triển sản xuất của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.

Với những nhận thức và chính sách mới vấn đề tái định cư ở các công trình thuỷ điện ngày càng được giải quyết tốt hơn, mang tính đồng bộ và đầu tư ngân sách tương xứng. Khi chuẩn bị tiến hành chuẩn bị tái định cư thuỷ điện Sơn La, công tác nghiên cứu đã được tiến hành tỷ mỉ, chi tiết đồng bộ giữa công tác qui hoạch và thiết kế, đồng thời chính sách thực hiện cũng được nâng lên rõ rệt nhằm giải quyết ổn định cuộc sống cho người dân.

Phần II

CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN

I. THÔNG TIN CƠ SỞ VỀ CÁC CÔNG TRÌNH VÀ QUI MÔ TÁI ĐỊNH CƯ

1. Dự án thuỷ điện Sông Hình thuộc tỉnh Phú Yên :

Dự án Thuỷ điện Sông Hình được xây dựng trên địa bàn huyện Sông Hình-tỉnh Phú Yên với công suất 70 MW, điện lượng trung bình 380 triệu KWh. Đồng thời cung cấp nước tưới cho 5.500 ha ở khu vực xã Sơn Giang-Sông Hình và xã Sơn Thành-Tuy Hoà.... đồng thời bổ sung nước tưới cho hệ thống thuỷ nông Đồng Cam, bảo đảm nước tưới cho 25.000 ha ruộng lúa cho cánh đồng Tuy Hoà vào những tháng kiệt Tổng số dân phải di chuyển 473 hộ (1.930 khẩu). Tổng giá trị công trình: 1.843 tỷ VNĐ

Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 38,5 tỷ VNĐ

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thuỷ điện 3 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

2. Dự án thuỷ điện Hàm Thuận - Đam thuộc tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng

Địa điểm xây dựng: Tại huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Tân Kỳ, tỉnh Bình Thuận và huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhiệm vụ công trình là tăng nguồn điện để cung cấp điện cho các tỉnh phía Nam. Công suất: 475MW (Hàm thuận 150x2MW + Đam 87,5x2 MW)

Điện lượng trung bình năm: 1.555,3 triệu KWh

Hồ chứa gồm hai hồ:	Hồ Hàm Thuận	Hồ Đam
---------------------	--------------	--------

Mức nước dâng bình thường:	605m	325m
----------------------------	------	------

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	35,16km ²	6,30km ²
--------------------------------	----------------------	---------------------

Dung tích toàn bộ	694,73 triệu km ³	104,78triệu km ³
-------------------	------------------------------	-----------------------------

Khởi công xây dựng công trình chính: ngày 16/5/1997.

Phát điện tổ máy một vào năm 2001, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2003.

Tổng số dân bị ảnh hưởng: 4.673 khẩu, số dân phải di chuyển 470 hộ (2.356 khẩu)

Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 64 tỷ VNĐ

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thủy điện 6 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

3. Dự án thủy điện Ialy thuộc tỉnh Kon Tum và Gia Lai

Công trình thủy điện IaLy được xây dựng trên sông Sê san thuộc địa phận 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Theo thiết kế kỹ thuật Nhà máy thủy điện IaLy có công suất 720 MW, hàng năm cung cấp một lượng điện trung bình 3,68 tỷ Kwh.

Hồ chứa có diện tích 64,5 km², với mức nước dâng bình thường 515m.

Diện tích đất bị ngập trong lòng hồ dưới cao trình 515m: 2.678 ha

Tổng số dân bị ảnh hưởng: 4.862 hộ, 33.299 khẩu, số dân phải di chuyển 1.658 hộ, 9.375 khẩu. Kinh phí cho công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng: 372 tỷ VNĐ

Khởi công xây dựng công trình chính: 1989. Phát điện tổ máy I vào năm 1999, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2001.

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý thủy điện 4 – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

4. Dự án thủy điện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang:

Tên công trình: Công trình thủy điện Na Hang Tuyên Quang. Cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia với công suất 342MW, điện lượng trung bình 1.200 triệu Kwh, đồng thời cất lũ sông Hồng với dung tích 1 tỷ m³, điều tiết lũ và điều hoà thủy lợi cho đồng bằng Bắc Bộ.

Khởi công xây dựng công trình chính: ngày 22/12/2002. Ngăn dòng 4/2006

Phát điện tổ máy một vào cuối năm 2006, hoàn thành toàn bộ công trình năm 2007.

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Mức nước dâng bình thường 120m

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT 79,78km²

Dung tích toàn bộ 2.244,9 triệu m³

Tổng mức đầu tư: 7.522 tỷ VNĐ. Vốn di dân tái định cư: 1.200 tỷ VNĐ

Tổng số xã phải di chuyển : 13 (trong đó 5 xã di chuyển hoàn toàn, 8 xã di chuyển một phần). Tổng số dân bị ảnh hưởng: 4.622 hộ, 22.615 khẩu

5. Dự án thủy điện Hoà Bình.

Địa điểm xây dựng: Thị xã Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, khu vực lòng hồ thuộc tỉnh Sơn La và Hoà Bình.

Công suất : 1.920 MW. Điện lượng trung bình năm: 7,8 tỷ KWh

Mức nước dâng bình thường: 115m. Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT: 280 km²

Tổng số dân bị ảnh hưởng : 14.414 hộ, 89.720 khẩu ; riêng tỉnh Hoà Bình 9.214 hộ, 55.772 khẩu trên địa bàn 23 xã.; Sơn La 5.200 hộ, 32.000 khẩu.

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: TCT Sông Đà

6. Dự án thủy điện Sơn La

Địa điểm xây dựng : xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, khu vực lòng hồ thuộc tỉnh Sơn La và Lai Châu.

Công suất : 2.400 MW.

Mức nước dâng bình thường: 215 m. Dung tích hồ chứa: 5,99 tỷ m³

Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT 224,2 km²

Tổng số dân bị ảnh hưởng đến 2010: 24.670 hộ, 123.362 khẩu, số hộ phải di chuyển 18.240 hộ. Trong đó Sơn La 11.400 hộ, Lai Châu 6.840, trên địa bàn 9 huyện, 40 xã, 322 bản. Vốn tái định cư dự kiến 10.000 tỷ VNĐ

Đơn vị quản lý xây dựng và thực hiện công tác tái định cư: Ban quản lý xây dựng thủy điện Sơn La.

7. Điểm dự án mẫu Si Pa Phìn, huyện Mường Lay tỉnh Lai Châu, dự án thủy điện Sơn La

+ *Mục tiêu:* Xây dựng mô hình mẫu tái định cư nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp để tiến hành các dự án di dân, tái định cư khác của dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn la trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ *Địa điểm:* Dự án di dân tái định cư mẫu, được thực hiện tại khu vực suối Nậm Chim xã Si pa Phìn, huyện Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Dân tái định cư đến từ xã Chăn Nua huyện Mường Lay (cũ).

+ *Qui mô của công trình:* Theo qui hoạch dự án tái định cư mẫu Si Pa Phìn tập trung tại một điểm, khả năng tiếp nhận 200 hộ, tổng vốn đầu tư 100 tỷ đồng.

+ *Chủ đầu tư:* Ban Quản lý dự án huyện Mường Lay.

+ *Thời gian thực hiện:* 2 năm từ năm 2002 đến 2003.

8. Điểm dự án mẫu Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, dự án thủy điện Sơn La

+ *Mục tiêu:* Xây dựng mô hình mẫu tái định cư nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp để tiến hành các dự án di dân tái định cư khác của dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn la trên địa bàn tỉnh Sơn La..

+ *Địa điểm:* Dự án di dân tái định cư mẫu, được thực hiện tại xã Tân Lập, Nông trường Sao Đỏ, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Dân tái định cư đến từ xã Ít Ong huyện Mường La, xã Liệp Tè huyện Thuận Châu.

+ *Qui mô của công trình:* Theo qui hoạch dự án tái định cư mẫu Tân Lập chia thành 8 điểm, khả năng tiếp nhận 411 hộ, tổng vốn đầu tư 234.300 triệu đồng.

+ *Chủ đầu tư:* Ban công tác Sông Đà tỉnh Sơn La.

+ *Thời gian thực hiện:* từ năm 2002 đến 2004.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ MẪU

1. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Sông Hinh (tại tỉnh Phú Yên)

+ *Đánh giá chung về công tác tái định cư*

- So với các dự án thủy điện khác, vùng tái định cư công trình thủy điện Sông Hinh có một số thuận lợi do quỹ đất còn, tập trung ven vùng hồ nên cự ly di chuyển không xa. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng tốt như hệ thống điện, đường, trường, trạm đã góp phần cải thiện điều kiện sống đáng kể, giúp người dân tiếp cận với thị trường, với văn minh của xã hội. Nhìn chung đây là những điểm tái định cư được xem là thành công nhất trong các điểm được khảo sát.

- Nhà ở do người dân tự xây dựng nên phù hợp với phong tục tập quán sinh sống, tiện lợi trong sinh hoạt. Làng được bố trí một cách tự nhiên nên tạo được cảm giác hài hoà. Chi phí đầu tư xây dựng nhà ở thấp hơn nhiều so với các công trình khác, tiết kiệm được nguồn kinh phí đáng kể cho nhà nước .

+ *Những tồn tại và hạn chế:*

- Về đền bù đất sản xuất: Việc thống kê thiếu đầy đủ do đó làm cho một số diện tích của người dân không được đền bù.

- Trong quá trình quy hoạch khu tái định cư không đầu tư thủy lợi vì vậy tình trạng thiếu đất sản xuất đã xảy ra phổ biến.

- Các chính sách khuyến nông khuyến lâm không được đầu tư thích đáng cho vùng tái định cư ngay từ ban đầu.

- Đời sống đồng bào chưa thực sự ổn định vì sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên và người dân chưa chuyển đổi được cách thức canh tác truyền thống. Theo báo cáo của UBND Huyện tỷ lệ hộ nghèo ở vùng tái định cư (theo tiêu chí mới) còn cao tới 54%.

2. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Hàm Thuận - Đa mi (phần tái định cư tại tỉnh Lâm Đồng).

+ *Đánh giá chung về công tác tái định cư, định canh ở tỉnh Lâm Đồng.*

- Công tác tái định cư đã có bước khảo sát, nghiên cứu chuẩn bị trước khi tiến hành thực hiện, bảo đảm quyền lợi của người dân trên các mặt kinh tế, văn hoá xã hội. Cơ sở hạ tầng được xây dựng và cải thiện đáng kể tạo điều kiện nâng cao đời sống mọi mặt của người dân vùng dự án.

Bên cạnh những mặt được trên, còn những điểm tồn tại cần khắc phục là:

- Quá trình khảo sát ban đầu chưa được kỹ càng, nhất là việc điều tra hộ đồng bào trong vùng dự án được hưởng chế độ đền bù, giải toả nên phải làm đi làm lại nhiều lần mà vẫn thiếu sót. Hiện vẫn còn tới 234 hộ với 1.273 khẩu trong diện trên chưa được giải quyết do trước đây họ đã sống trong vùng lòng hồ nhưng vào thời điểm kiểm kê họ lại ở nơi khác theo tập quán du canh.

- Chưa giải quyết đồng bộ vấn đề nhà ở, đất ở, đất sản xuất, các biện pháp hỗ trợ ổn định đời sống cho người dân trong khi tiến hành qui hoạch các khu định cư. Chủ đầu tư chủ yếu còn nặng về tính hiệu quả kinh tế trước mắt của dự án mà chưa thật chú trọng đến hiệu quả lâu dài về mặt xã hội mang tính đặc thù đồng bào dân tộc.

- Đơn giá đền bù thấp trong thời điểm hiện nay trong khi khung pháp lý chậm được điều chỉnh và sửa đổi đã hạn chế kết quả thực hiện của chủ đầu tư cũng như bảo đảm quyền lợi của người dân.

- Sự phối kết hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương chưa thật tốt. Chủ yếu do bên chủ đầu tư tự tiến hành từ khâu khảo sát, qui hoạch đến tổ chức thực hiện nên đã phát sinh nhiều vấn đề vướng mắc.

3. Công tác tái định cư, định canh của dự án Thủy điện Hàm Thuận-Đa Mi (tại tỉnh Bình Thuận)

Năm 1998 theo đề nghị của địa phương, Tổng công ty Điện lực Việt nam mới phê duyệt đề cương và khối lượng khảo sát thiết kế kỹ thuật- thi công khu tái định cư La Dạ và 2 hồ chứa nước Đatrian + Saluon thuộc phần Dự án đền bù 2m³/s để bù lại những mất mát ảnh hưởng của việc chặn dòng sông La Ngà đến sinh hoạt, sản xuất, môi trường sinh thái và đời sống của nhân dân 2 xã Đông Giang và La Dạ.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư tại điểm La Dạ tỉnh Bình Thuận.

Ưu điểm

- Các công trình được thi công hoàn thiện và bàn giao cho hộ gia đình địa phương, quản lý sử dụng. Đến nay một số công trình đã phát huy hiệu quả tạo điều kiện phát triển toàn diện dân sinh kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

- Cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện được xây dựng góp phần phục vụ tốt hơn về đời sống, sản xuất của nhân dân, tạo điều kiện thu hút các dự án, các chương trình đầu tư toàn diện cho địa bàn phát huy hiệu quả.

Những tồn tại và nguyên nhân:

- Công trình chính (Hồ và Nhà máy) đã hoàn thành đưa vào sử dụng, tuy nhiên chương trình tái định cư đã chuẩn bị từ lâu nhưng triển khai thi công chậm, đến nay chỉ đạt giá trị 12,5/25 tỷ đồng. Một số công trình thi công kéo dài và còn lại nhiều công trình cấp thiết chưa được thi công: Hồ Salon, tuyến kênh Đatrian và khai hoang xây dựng đồng ruộng.

- Chất lượng thi công một số công trình trong từng khâu, từng việc chưa đạt yêu cầu phải sửa đi làm lại như: Nhà ở, đường giao thông... Riêng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay một số nhà mưa vẫn dột, cần sửa chữa.

- Công tác khảo sát thiết kế kỹ thuật nhiều sai sót, không phù hợp với tập quán sinh hoạt của đồng bào, yêu cầu của cơ quan chuyên môn sử dụng công trình và điều kiện thực tế hiện trường.

- Công tác đền bù cho công trình xây dựng không được đặt ra nên khi triển khai gặp nhiều lúng túng

- Những tồn tại trong tổ chức thực hiện dự án nói trên, mặc dù kinh phí đầu tư lớn nhưng đời sống nhân dân thuộc dân tộc K'Ho 2 xã Đông Giang và La Dạ, vẫn còn khó khăn về lương thực, nước uống còn thiếu thốn, ruộng đất sản xuất thiếu và không ổn định, nước phục vụ cây trồng nói chung chưa giải quyết được, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn trên 50%.

Nguyên nhân:

- Trong dự án xây dựng thủy lợi Hàm Thuận - Đa Mi chưa đánh giá đầy đủ tác động của môi trường khi thi công công trình, nên chương trình đền bù chưa được tính toán đặt ra từ đầu để đưa vào trong dự án.

- Dự án mang tính chất chính sách hỗ trợ, phục vụ đời sống dẫn đến tính toán không đồng bộ, không đồng đều, không sát thực tế.

- Quá trình triển khai dự án, sự phối hợp giữa chủ dự án (chủ đầu tư) với địa phương (tỉnh và huyện) chưa thật chặt chẽ và những công việc triển khai cụ thể (trừ hạng mục nhà ở) địa phương không tham gia xuyên suốt.

- Công tác công khai ban bạc chưa được quan tâm (như đánh giá công trình, hồ sơ thi công, đơn vị thi công, tiến độ thi công) nên khi có vấn đề phát sinh, làm thời gian giải quyết kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ chung công trình.

4. Công tác tái định cư, định canh của dự án thủy điện Ialy (tại tỉnh Kon Tum).

Đối với công trình thủy điện Ialy, tại tỉnh Kon Tum có 41 làng thuộc 14 xã, phường nằm trên địa phận huyện Sa Thầy và thị xã Kon Tum bị ảnh hưởng với số dân là 4.070 hộ, 20.279 nhân khẩu. Trong đó số làng phải di chuyển là 29, số dân là 1.510 hộ, 8.705 khẩu, diện tích đất bị ngập toàn bộ là 2.678 ha. Để đảm bảo an toàn cho cư dân sống ven hồ, phải di dời dân ra khỏi vùng ngập đến cao trình 517m ở khu vực Sa Thầy và 518m ở thị xã Kon Tum.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư tại tỉnh Kon Tum.

- Do công tác khảo sát qui hoạch ban đầu không kỹ nên hiện nay tại một số điểm tái định cư không đủ đất cho dân sản xuất và họ phải đi sản xuất ở nơi xa. Phương án khai hoang mở rộng diện tích đền bù chưa đủ.

- Một số địa bàn tổ chức di vớt nên hiện nay mật độ dân số quá cao gây nên tình trạng thiếu đất.

- Phương án sử dụng đất bán ngập: hạn chế về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, không thể trồng cây dài ngày vì không chủ động được việc thay đổi mực nước, người dân không yên tâm sản xuất.

- Việc tổ chức khuyến nông cho đồng bào dân tộc tại chỗ chưa phù hợp. Tập trung nhiều cho đầu tư vườn cây trong lúc nhân dân chưa am hiểu nhiều về cây trồng. Mặt khác việc cung cấp giống, phân bón không đúng thời vụ gieo trồng và lịch điều tiết nước nên người dân không tổ chức được sản xuất ở vùng bán ngập.

5. Công tác tái định cư, định canh của dự án thủy điện Ialy (tại tỉnh Gia Lai)

Do nhà máy nằm trên địa bàn tỉnh Gia Lai nên diện tích lòng hồ và diện tích đất thu hồi thuộc tỉnh cũng ít hơn. Tổng số có 9 làng thuộc 3 xã Ialy, IaM Nông và Ia Phí bị ảnh hưởng với 792 hộ, 3.323 khẩu, trong đó có 148 hộ phải di dời với 670 khẩu: diện tích đất bị ngập 711 ha và 900 ha sử dụng cho nhà máy.

+ Đánh giá chung về công tác tái định cư công trình thủy điện Ialy tại 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Đất đai và hỗ trợ sản xuất ổn định đời sống nhân dân vẫn là vấn đề chính, trên thực tế vẫn còn một số vấn đề sau:

- Do công tác khảo sát không kỹ nên hiện nay một số điểm tái định cư không giải quyết đủ đất cho nhân dân sản xuất, nhân dân phải đi sản xuất xa.

- Một số địa bàn chỉ có một số hộ dân bị ngập nhà cửa và đất sản xuất không tổ chức tái định cư mà thực hiện di vớt các hộ ngập, nên hiện nay mật độ dân số ở những nơi này quá cao, gây ra tình trạng thiếu đất sản xuất.

- Tình trạng mất đất sản xuất đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do phương án khai hoang mở rộng diện tích để đền bù chưa đủ.

- Phương án sử dụng đất bán ngập: Hạn chế về mặt thay đổi cơ cấu cây trồng, vì đối với những diện tích này không thể trồng cây dài ngày, mặt khác bị phụ thuộc nhiều vào hồ nước nên người sản xuất không chủ động và không an tâm sản xuất (nếu không được hỗ trợ).

- Việc tổ chức khuyến nông cho đồng bào dân tộc tại chỗ chưa phù hợp: tập trung nhiều cho đầu tư vườn cây trong lúc nhân dân chưa am hiểu nhiều về cây

trồng. Nhu cầu của nhân dân thích chăn nuôi hơn, vì vậy nên đầu tư, hướng dẫn những gì phù hợp với hiểu biết và trình độ của nhân dân.

- Kinh phí đầu tư tập trung chủ yếu vào cơ sở hạ tầng, mất cân đối với kinh phí ổn định sản xuất, hỗ trợ đời sống. Bên cạnh đó suất đầu tư rất cao, chỉ riêng hạng mục giếng nước (tại Gia Lai tới 15 triệu đồng/chiếc).

6. Công tác đền bù tái định cư, dự án thủy điện Tuyên Quang

Đánh giá chung về công tác tái định cư thủy điện Tuyên Quang

- Mô hình tái định cư thủy điện Tuyên Quang là một mô hình tốt, triển khai có kết quả. Những nội dung dưới đây là những thành tích và cũng là những bài học kinh nghiệm quý.

- + Quy trình lập dự án được nghiên cứu cụ thể, có sự tham gia của người dân và chính quyền địa phương, cả nơi đi và nơi đến. Tiến hành tổ chức học tập, tuyên truyền và thảo luận trong người dân.

- + Vấn đề đất sản xuất được ưu tiên hàng đầu và coi là tiêu chí điều kiện để bố trí phân bổ dân cư.

- + Thực hiện phương án đền bù để dân tự giải quyết vấn đề nhà ở là kinh nghiệm tốt cần được phát huy.

- + Tập trung và huy động các ngành, các cấp, chính quyền địa phương và nhân dân giúp đỡ người dân tái định cư, cả trách nhiệm của chính quyền địa phương và người dân nơi đến để gắn kết cộng đồng trách nhiệm, chia sẻ quyền lợi và nghĩa vụ.

- + Thực hiện di dân nội tỉnh để chủ động, phương án xen ghép dân cư không quá tập trung, qui mô các điểm dưới 50-60 hộ/điểm.

- + Nghiên cứu vận dụng những đặc điểm tập quán văn hoá, lối sống của người dân để tiến hành công tác vận động và tổ chức thực hiện.

- + Thành lập ban chỉ đạo và ban công tác chuyên trách ở tất cả các cấp. Xã tham gia xây dựng dự án do chủ tịch xã đứng đầu. Tổ công tác thôn do các trưởng thôn phụ trách.

- + Phân cấp quản lý mạnh đến cấp huyện, xã. Huyện là chủ đầu tư, tổ chức lực lượng triển khai, gắn kết trách nhiệm địa phương.

Một số tồn tại

- + Về điểm mô hình tái định cư và triển khai công tác tái định cư.

- Do yêu cầu về qui trình thủ tục Qui hoạch về tổng thể tái định cư trên toàn tỉnh chưa được phê duyệt gây trở ngại cho triển khai ở các huyện.

- Một số điểm tái định cư đã làm trên mặt bằng quá tập trung, chật chội không thuận lợi cho đời sống sinh hoạt của nhân dân và cảnh quan môi trường.

- Phương án chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa rõ ràng và có tính khả thi.

- Đất chuyển nhượng là đất chất lượng không cao, canh tác khó khăn cần có qui hoạch hợp lý và đẩy mạnh công tác hỗ trợ cải tạo đất, khuyến nông, khuyến lâm.

- Một số chế độ chính sách chưa được chi trả (như tiền điện, tiền đất v.v) gây thắc mắc trong nhân dân.

- + Những vấn đề liên quan chính sách

- Việc áp dụng 2 văn bản chế độ chính sách khác nhau (QĐ 910 và QĐ 937 của UBND tỉnh Tuyên Quang) cho cùng một đối tượng dân cư có sự chênh lệch về quyền lợi gây sự thắc mắc và đòi hỏi trong nhân dân về sự công bằng.

Theo qui định nhưng người nhượng nhượng đất cho dân phải nộp thuế sẽ dẫn đến việc khó huy động nhân dân. Trên thực tế địa phương không thu khoản này là trái với luật, cần có nghiên cứu điều chỉnh riêng.

- Qui định thời hạn thông báo trước 45 ngày tiến hành công tác di chuyển (bao gồm cả việc áp giá, đền bù, di chuyển) là quá ngắn đối với sự chuẩn bị của người dân.

7. Công tác đền bù tái định cư dự án mẫu Si Pa Phìn, huyện Mường Lay tỉnh Lai Châu, dự án thủy điện Sơn La

+ Một số thành tựu

Công tác di dân được thực hiện qua 5 đợt bắt đầu từ cuối năm 2002 và kết thúc vào tháng 5/2003, với 200 hộ 1099 khẩu. Với cách đầu tư đồng bộ, cách tổ chức đồng loạt các hạng mục công trình cùng một thời gian, dự án đã tạo sự thay đổi đáng kể bộ mặt xã Si Pa Phìn về giao thông, điện lưới, nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, trạm xá, các công trình phúc lợi và điều kiện sản xuất của nhân dân.

Từ việc tăng cường cơ bản hệ thống cơ sở hạ tầng đã cải thiện cơ bản điều kiện sống cho nhân dân, là dịp để đổi mới tư duy kinh tế cho đồng bào, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, tạo tiền đề để chuyển từ nền sản xuất tự cung tự cấp sang nền sản xuất hàng hoá theo hướng kinh tế thị trường. Nhân dân nơi đi và nơi đến đều tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

+ Một số tồn tại

- Tiến độ lập, trình duyệt quy hoạch còn chậm, chất lượng quy hoạch sử dụng đất thấp, tính khả thi chưa cao.

- Chính sách đền bù di dân TĐC còn mang tính bao cấp, chưa chú ý đầy đủ đến việc huy động sự đóng góp gắn với giải quyết việc làm và thu nhập của người dân. Chưa tạo điều kiện để nhân dân thu hoạch, khai thác triệt để tài sản nhà ở, đất đai, tài nguyên nơi cũ để góp phần ổn định đời sống nhân dân trong 5 năm đầu TĐC khi đất đai canh tác chưa được phục hồi.

- Việc quy hoạch và giao đất cho dân chưa kịp thời, chưa đáp ứng với đòi hỏi thiết thực của người dân về đất đai, đặc biệt là đất sản xuất lương thực.

- Dùng máy để gạt ruộng bậc thang nên lớp đất tầng mặt bị vùi lấp hoặc trôi xuống khe suối, với nguồn vốn lớn 33 triệu đồng/ha trong khi đó chính sách khai hoang ruộng bậc thang ở các chương trình khác chỉ có 5 -7 triệu đồng/ha.

- Về nhà ở và bố trí đất ở cũng là vấn đề cần nghiên cứu, điều chỉnh lại cách làm cho phù hợp từng đối tượng cụ thể, nguyện vọng của từng hộ gia đình.

- Giải quyết đền bù cho các gia đình dân sở tại phải chuyển nhà ở đến địa điểm khác so với chính sách đề ra còn quá thấp (12 triệu đồng/hộ).

- Việc trả tiền đền bù cho dân sở tại quá chậm (cho đến ngày 17/01/2004 dân chưa nhận được tiền đền bù thiệt hại nhà cửa và hoa màu ở tại bản Tân Phong, Nậm Chim 1, 2).

- Một số hạng mục công trình cho đến tháng 12/2003 chưa hoàn thành như chia đất cho dân, thủy lợi, đường xá. Công tác tư vấn còn chưa đạt cả yêu cầu về tiến độ và chất lượng lập hồ sơ dự án đầu tư...

8. Đánh giá công tác tái định cư dự án mẫu Tân Lập tỉnh Sơn La- công trình thủy điện Sơn La

+ Một số thành tựu

Thời gian thực hiện dự án 2 năm, nhưng với sự quyết tâm rất cao của các cấp các ngành, các đoàn thể, được nhân dân đồng tình ủng hộ, Chính Phủ và các Bộ,

ngành Trung ương quan tâm chỉ đạo nên dự án tái định cư thí điểm Tân Lập đã cơ bản đã hoàn thành. Bước đầu dự án tái định cư đã đạt được kết quả như:

Chuyển được một phần dân xã Ít Ong, giải phóng mặt bằng nhà máy thủy điện Sơn La đúng tiến độ. Với cách đầu tư đồng bộ, cách tổ chức đồng loạt các hạng mục công trình cùng một thời gian, dự án đã tạo sự thay đổi đáng kể bộ mặt xã Tân Lập về giao thông, điện lưới, nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, trạm xá, các công trình phúc lợi và điều kiện sản xuất của nhân dân.

Dự án di dân tái định cư góp phần phân bổ, sắp xếp lại dân cư và lao động trên địa bàn huyện, qua đó quy hoạch, tổ chức lại sản xuất, chuyển dịch kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá chất lượng cao. Nâng cao trình độ dân trí, đời sống tinh thần cho nhân dân TĐC và dân sở tại.

Một số tồn tại, nguyên nhân.

+ Tồn tại

Trong công tác tư vấn về quy hoạch chưa cân đối chính xác quỹ đất cho dân sở tại bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp. Chất lượng việc khảo sát thăm dò địa chất, thủy văn phục vụ quy hoạch đập thủy lợi, nước sinh hoạt chưa tốt, sự tham gia của dân chưa cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của một số công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt. Về dự án bò sữa: số lượng bò nhập về còn thiếu nhiều (112 con), do nguồn vốn cho các hộ vay theo chính sách 1497 chưa được ngân hàng cho vay.

Quá trình bố trí, sắp xếp giữa các bản nơi ở cũ khi đến các điểm TĐC chưa khớp, chưa đáp ứng được nguyện vọng của dân TĐC do quy mô điểm đón dân không trùng khớp với số hộ từng bản.

+ Nguyên nhân

Về cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với công tác tái định cư thủy điện nói chung (Tái định cư thủy điện Sơn La nói riêng) chưa được ban hành.

Quá trình thực hiện dự án với thời gian ngắn, thời tiết mưa mùa kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, nhà ở...

Công tác quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với tái định cư là công việc quan trọng, đặc biệt đối với nhân dân sở tại bị thu hồi đất phải dồn điền đổi thửa trên cơ sở rà soát cân đối chia lại đất đai đúng chạm đến quyền lợi của dân.

Tư tưởng của đại bộ phận nhân dân khi phải di chuyển khỏi nơi quê hương đất tổ mà bao đời đã sinh sống, còn nhiều đắn đo, do dự.

9. Công tác tái định cư ở công trình dự án thủy điện Hoà Bình (tại tỉnh Hoà Bình)

Thành tựu:

Qua 7 năm triển khai và thực hiện dự án đã quy hoạch được các cụm dân cư vùng hồ, vận động các chòm xóm quá phân tán vào những cụm dân cư tập trung. Sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp đã có sự chuyển hướng từ sản xuất lương thực sang trồng cây kinh tế kết hợp với rừng phòng hộ và các cây ăn quả, phát triển đàn gia súc, gia cầm, nuôi thủy sản. Quan trọng hơn, bước đầu có sự hình thành tư duy sản xuất hàng hoá trong nhân dân để từng bước loại bỏ tập quán canh tác độc canh lạc hậu, phá rừng làm rẫy, góp phần bảo vệ tốt diện tích rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng của các xã vùng hồ được nâng cấp và xây dựng mới (điện, đường, trường, trạm, nước sạch...) góp phần tạo ra sự ổn định cho đời sống và sản xuất, tăng cường sự giao lưu trao đổi hàng hoá, dịch vụ, khám chữa bệnh và hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân.

Những hạn chế

Do điều kiện đất đai cho tái định cư hạn chế – khu vực vùng hồ nhìn chung có độ dốc cao, địa hình phức tạp, đa số diện tích thuộc diện phòng hộ xung yếu cho hồ thủy điện, khả năng tiếp nhận dân tái định cư hạn chế. Vì vậy, việc quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư chưa đạt tỷ lệ cao.

Ngành nghề mới đã bước đầu hình thành nhưng chưa phát triển. Cơ cấu sản xuất lâm – nông – ngư nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đã được hình thành, giá trị sản phẩm hàng hoá còn thấp, thu nhập từ nghề rừng và dịch vụ ngành nghề khác còn ít, chưa trở thành thu nhập chính của các hộ dân. Nhiều nơi giao thông và điều kiện canh tác khó khăn, người dân vẫn chủ yếu trồng ngô, lúa và cây màu để giải quyết vấn đề lương thực. Canh tác trong những điều kiện không thuận lợi nên an ninh lương thực ở nhiều nơi chưa được đảm bảo, nguy cơ rừng vẫn tiếp tục bị phá và môi trường sinh thái cũng vẫn ảnh hưởng nặng nề.

Nghề rừng vẫn chưa trở thành nghề chính của các hộ dân. Cơ chế khoán chưa thật phù hợp thiếu cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ nên chưa tăng được độ che phủ của rừng, hoặc có nơi chỉ khai thác rừng mà ít chú ý tu bổ rừng.

Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư, nhưng mới đáp ứng được trên 50% yêu cầu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân trong vùng dự án. Hệ thống đường giao thông, các công trình cấp điện, trường học còn thiếu nhiều. Một số công trình xây dựng trước đây bằng nguồn vốn bồi thường sông Đà (từ 1982 – 1987) đến nay đã xuống cấp và hư hỏng. Các công trình xây dựng trong vùng hồ hầu hết có qui mô nhỏ, phân tán, đường vận chuyển khó khăn làm cho giá thành công trình cao, bảo dưỡng duy tu trong quá trình khai thác, sử dụng tốn kém trong khi nguồn lực kinh tế của địa phương có hạn.

Những nguyên nhân cơ bản.

- Do mục tiêu của dự án đặt ra lớn, khối lượng nhiều, phạm vi rộng, thực hiện ở trong vùng có nhiều khó khăn, thời gian thực hiện lại ngắn. Trong khi chuyển dân, các điểm tái định cư chưa chuẩn bị được những hạng mục cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ đời sống hàng ngày cho nhân dân.

- Do phong tục tập quán truyền thống canh tác lâu đời ăn sâu vào tiềm thức, do công tác tuyên truyền vận động và công tác chuẩn bị có nơi chưa thật tốt nên nhiều hộ gia đình không chịu di chuyển, nhiều hộ gia đình sau khi tái định cư lần 1 bằng vốn hỗ trợ của dự án đã tự do tái định cư lần 2, thậm chí không trụ nổi lại tái định cư lần 3. Nguyên nhân chính là đời sống ở nơi ở mới gặp quá nhiều khó khăn.

- Quá trình triển khai dự án gặp rất nhiều khó khăn, nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực công việc phải giải quyết một lúc, thực tế phát sinh nhiều vấn đề bức xúc, đội ngũ cán bộ làm công tác dự án chưa có nhiều kinh nghiệm nên nhiều khi lúng túng, hiệu quả chỉ đạo chưa cao.

Đây là vùng đặc biệt khó khăn, xuất phát điểm về kinh tế của nhân dân còn quá thấp, đất đai canh tác thuận lợi quá ít, điều kiện canh tác lạc hậu, công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa được triển khai kịp thời, từ đó dẫn đến việc đầu tư cho sản xuất ở nhiều nơi kém hiệu quả nhất là vốn cho dân vay để phát triển sản xuất.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn có sự chậm điều chỉnh và rút kinh nghiệm, chưa có sự nghiên cứu kỹ đặc thù từng nơi và công tác tư vấn chưa làm tốt nên tính hiệu quả chưa cao.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ ĐIỆN

1. Đánh giá chung

Hiến pháp 1992 và Luật đất đai 1993 đã đặt cơ sở pháp lý cho chính sách đền bù tái định cư, bằng việc ra đời Nghị định 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ. Tiếp sau đó là Nghị định 22//1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bao gồm cả đất thu hồi cho các dự án phát triển. Những nhận định đánh giá chung là:

- Chính sách ngày càng có những điểm phù hợp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển, ổn định đời sống nhân dân, nhất là những khoản về đền bù, khôi phục cuộc sống người dân tái định cư đã được nâng lên đáng kể.

- Công tác lập kế hoạch đã có bước cải tiến từ khâu điều tra, lên phương án, tuyên truyền vận động nhân dân, thực hiện đền bù và di dân tái định cư.

Qua nghiên cứu khảo sát, nhận thấy tình hình thực hiện công tác đền bù, di dân và TĐC thời gian qua có những mặt ưu điểm cơ bản sau:

- Công tác đền bù, di dân và TĐC đã được các BQL dự án thực hiện theo chính sách qui định hiện hành và các phương án, văn bản phê duyệt ứng với từng thời điểm cụ thể; cơ bản thực hiện được quan điểm và mục tiêu: *nơi ở mới – TĐC – phải tốt hơn nơi ở cũ*. Cơ sở hạ tầng công cộng gồm các hạng mục công trình giao thông, trường học, trạm xá, điện, nước sinh hoạt... đã được xây dựng làm thay đổi bộ mặt các thôn, bản trong vùng đã và đang phục vụ tích cực đời sống sinh hoạt và góp phần nâng cao dân trí, từng bước thúc đẩy kinh tế – xã hội khu vực chịu ảnh hưởng của các công trình thủy điện phát triển đi lên.

Có thể nói kết quả thực hiện công tác TĐC các công trình thủy điện thời gian qua đã giải quyết được các vấn đề lớn:

- Từng bước làm thay đổi tập quán sinh hoạt và sản xuất của nhân dân theo hướng mới, ổn định tốt hơn.

- Cơ sở vật chất về y tế, giáo dục được tăng cường, tạo điều kiện nâng cao dân trí.

- An ninh chính trị – xã hội được tăng cường, góp phần củng cố khối đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc anh em.

Bên cạnh đó cũng bộc lộ hạn chế:

- Mục tiêu của chính sách đền bù và tái định cư mới chỉ dừng lại ở việc đền bù đất và các tài sản bị thiệt hại. Đối tượng là người dân trực tiếp bị mất đất và tài sản. Các thiệt hại vô hình khác, thiệt hại về thu nhập, về kinh tế v.v. chưa được tính đến đầy đủ mà đây lại chính là điểm rất quan trọng trong đời sống.

- Trong sự phát triển hiện nay đã có những nhận thức thay đổi nhưng chưa có được chương trình đầy đủ về tái định cư và khôi phục mức sống cho những người bị ảnh hưởng.

- Các qui định cụ thể về chính sách ở các điểm lại có sự khác nhau đã tạo nên sự không thống nhất trong việc quản lý và thực thi chính sách, dễ tạo nên những mâu thuẫn so sánh chính sách giữa các vùng.

- Chính sách còn mang tính kế hoạch hoá tập trung, việc tham gia của người dân tái định cư và cấp cơ sở còn nhiều hạn chế đã tạo ra những trở ngại trong quá trình thực hiện. Mặt khác quyền lợi của người dân chưa được đảm bảo một cách đúng mức như sự hy sinh của họ, đặc biệt là đồng bào vùng miền núi, dân tộc.

- Các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội theo đặc thù từng vùng, nhóm dân tộc chưa được khảo sát kỹ và tính toán đầy đủ, cân nhắc trước khi đưa ra các phương án tái định cư tạo lập môi trường sống mới để bảo đảm yếu tố phù hợp của các cộng đồng dân cư.

- Do nền sản xuất hàng hoá chưa phát triển ở miền núi nên các phương án sản xuất kinh doanh tạo việc làm và thu nhập cho người dân là rất khó khăn, nhất là những nhóm dân cư phải chuyển đổi phương thức canh tác.

2. Đánh giá việc thực hiện tái định cư trên một số nội dung

2.1. Đối tượng và chính sách đền bù tái định cư.

+ Đối tượng đền bù

Đối tượng được thực hiện chính sách ở đây chỉ là những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp đối với đất đai, tài sản, hoa màu (chưa tính đến đối tượng bị mất nguồn sống, nguồn thu nhập hay ảnh hưởng khác).

+ **Chính sách đền bù:** khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng được quy định tại Nghị định số 22/1998/ ND-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ hiện còn nhiều điểm bất cập, chưa cụ thể, phù hợp với đặc điểm kinh tế – xã hội, phong tục, tập quán của nhân dân các dân tộc thiểu số, vùng núi và vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách đền bù được UBND các tỉnh xây dựng và ban hành theo điều kiện thực tế từng địa phương, từng thời kỳ, do vậy mà mức đền bù thiệt hại ở mỗi công trình rất khác nhau. Nhìn chung mức độ đền bù thấp, chưa tính đến thiệt hại về nguồn lợi và nguồn sống của người dân để có những chính sách bảo đảm. Công tác thống kê, kiểm kê chưa sát thực đã nảy sinh những vướng mắc và phát sinh trong đền bù ở nhiều điểm di dân.

- Mặt khác chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể nên mỗi dự án, mỗi địa phương vận dụng có sự khác nhau, dẫn đến tình trạng có sự so bì, gây khó khăn cho công tác đền bù, di dân và TTĐC.

2.2. Khảo sát qui hoạch các khu tái định cư.

Nhìn chung công tác khảo sát, điều tra, qui hoạch ở các điểm khảo sát vừa qua có nhiều cố gắng để bảo đảm yêu cầu. Nhưng có nơi ngay từ đầu làm sơ sài, không chặt chẽ, thiếu sự tham gia của cơ sở nên dẫn đến khâu giải phóng mặt bằng chưa tốt, phát sinh diện đền bù, dẫn đến tình trạng tranh chấp đất đai, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân.

- Qui hoạch khu dân cư tập trung như một khu đô thị, có lợi là tiết kiệm vốn xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không phù hợp với cảnh quan và phong tục của nhân dân miền núi, vì vậy nảy sinh vấn đề ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng điểm TTĐC tập trung với qui mô lớn nảy sinh vấn đề về ô nhiễm môi trường, dễ phát sinh dịch bệnh cho người và vật nuôi, cây trồng. Điển hình là khu tái định cư Si Pa Phìn – Lai Châu.

Tư vấn, thẩm định và phê duyệt quy hoạch: còn chậm về thời gian và kém về chất lượng dẫn đến vừa làm vừa sửa quy hoạch và thiết kế cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

2.3. Xây dựng nhà ở cho nhân dân:

Nhà ở được xây dựng hầu hết theo các khu tập trung với mẫu mã, kiểu dáng giống nhau. Tuy rằng mỗi điểm có nghiên cứu để phù hợp với đặc điểm văn hoá dân tộc, mỗi vùng nhưng việc bê tông hoá văn hoá đã phần nào đánh mất bản sắc văn hoá và những tiện ích sử dụng của nó. Chất lượng xây dựng các công trình nhà ở không cao và xuống cấp nhanh chóng. Việc bao cấp nhà ở đã gây nên tình trạng

lãng phí tiền của nhà nước. Trong khi đó việc giao nhà cho dân tự xây dựng lại là giải pháp hay, như ở điểm tái định cư thủy điện Sông Hinh hay Tuyên Quang.

2.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng nhìn chung các công trình đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Trường học, trạm xá, chợ, trụ sở UBND xã cũng được đầu tư nâng cấp để đáp ứng cho qui mô dân cư mới của xã. Các công trình phúc lợi như nhà trẻ, mẫu giáo, nhà văn hoá tại các điểm TĐC đã cơ bản hoàn thành đáp ứng được nhu cầu văn hoá, sinh hoạt tinh thần cho nhân dân. Việc giám sát thi công cũng cần được đặc biệt chú ý để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình.

2.5. Đất đai và thủy lợi

Đây là vấn đề lớn nhất cho việc ổn định sản xuất, đời sống cho nhân dân ở các khu tái định cư. Hầu hết ở các điểm người dân đều được cấp đủ định mức đất theo qui định của địa phương. Nhưng có thể thấy rõ những nhược điểm sau:

- Đất giao cho dân đều thấp hơn diện tích mà các hộ gia đình đã có trước đó nên không đủ diện tích để canh tác trên điều kiện và khả năng thực tế.
- Chất lượng đất thấp, độ màu mỡ kém, khó có khả năng canh tác ổn định và đạt năng suất và sản lượng theo tính toán mong đợi bảo đảm đủ lương thực.
- Phương án thủy lợi đều được tính đến và có đầu tư rất lớn nhưng không phát huy hiệu quả do thiết kế kỹ thuật sai (Ialy, Hàm Thuận - Đa Mi), không đúng mục đích (Si Pa Phìn), có khi không được tính đến (như Sông Hinh) nên đất cấp cho dân đều không chủ động được sản xuất.

2.6. Phát triển sản xuất và các hoạt động tăng thu nhập

Nhìn chung công tác khai hoang, cải tạo, giao đủ đất sản xuất và xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (*chủ yếu là thủy lợi*), công tác khuyến nông, khuyến lâm...vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, thiếu tính đồng bộ, thực hiện quá chậm, dẫn đến những khó khăn trong sản xuất của người dân. Bên cạnh đó việc xây dựng các phương án sản xuất cao, như nuôi bò sữa, trồng mía ở Lai Châu và Sơn La v.v là chưa thích hợp, các hoạt động tăng thu nhập khác hầu như không có nên đời sống kinh tế của nhân dân còn khó khăn, chưa được bảo đảm, còn hiện tượng đói giáp hạt. Đây là vấn đề bức xúc hàng đầu trong thực hiện đền bù, di dân và TĐC các công trình thủy điện thời gian qua.

2.7. Chính sách hỗ trợ

Bên cạnh đó chính sách về đền bù, di chuyển chỗ ở, di chuyển mồ mả còn hỗ trợ các hộ gia đình về thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế cho các trạm xá, lương thực, tiền điện thấp sáng, khuyến nông, khuyến lâm v.v. Tuy nhiên có một số vấn đề sau:

- Qui định về các chính sách hỗ trợ đời sống còn thiếu, định mức thấp và thực hiệu chưa thực sự hiệu quả v.v.
- Hỗ trợ các điểm rất khác nhau, tùy thuộc vào dự toán ban đầu ngành điện lập không trên cơ sở qui định thống nhất.
- Mức hỗ trợ lương thực 6 tháng và 12 tháng hiện nay chưa đủ để người dân bù đắp những thiệt hại và giúp ổn định cuộc sống ban đầu. Cần được tăng lên ít nhất 3 năm với định mức khoảng 20 kg /tháng người.
- Cấp tiền điện cho dân sử dụng trong 6 tháng nhưng trên thực tế nhiều nơi chỉ được 3 tháng. Việc đầu tư nhiều tỷ đồng để xây dựng lưới điện nhưng không phát huy hiệu quả sử dụng do thu nhập người dân rất thấp, không có tiền chi trả.

2.8. Vốn và cơ cấu đầu tư

- Vốn đầu tư dành cho công tác tái định cư, định canh và giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu vốn đầu tư, theo tính toán chỉ khoảng 1% giá trị

dầu tư toàn bộ công trình (Sông Hinh là 1,8 %). Nếu trừ chi phí quản lý và chi phí môi trường, san lấp và giải phóng mặt bằng thì chỉ còn khoảng 70%, tức là 0,7%.

- Cơ cấu đầu tư cho hạ tầng cơ sở quá lớn so với tổng đầu tư, tập trung chủ yếu vào đường giao thông, công trình cấp điện và nhà ở, chiếm tới 60- 65 % kinh phí, chi phí khác không trực tiếp tác động hưởng lợi đến dân (kể cả rà phá bom mìn) lên tới 23-26 %. Trong khi đó chi phí đền bù, chính sách hỗ trợ và đầu tư cho hỗ trợ sản xuất chiếm tỷ trọng nhỏ, chỉ chiếm khoảng 15-18 %, không tương xứng với yêu cầu thực tế địa phương và nhu cầu ổn định cuộc sống của người dân.

Do vậy cần tách chi phí tái định cư ra khỏi cơ cấu chi phí giải phóng mặt bằng và chi phí môi trường để phản ánh đúng, thực chất tính chất, mức độ và cơ cấu đầu tư.

2.9. Công tác điều hành , quản lý.

Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện đền bù, di dân và TĐC tại các công trình thủy điện thời gian qua chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ TƯ đến địa phương, dẫn đến quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, có nhiều điểm bất cập so với yêu cầu, quyền lợi của người dân tái định cư (phải di dời) không được thống nhất, *mỗi nơi một khác- nhất là khoản chính sách hỗ trợ.*

Quá trình triển khai thực hiện đền bù, di dân và TĐC còn nhiều điểm phải rút kinh nghiệm như: sự phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp với BQLDA ở một số nơi chưa cao, chưa được chặt chẽ, chưa xuất phát từ quan điểm lợi ích chung trong đó có lợi ích của người dân sở tại; tiến độ xây dựng, phê duyệt phương án và triển khai thực hiện phương án TĐC nhìn chung còn quá chậm, nhất là phần thực hiện tái định canh để nhân dân ổn định sản xuất

2.10. Sự tham gia của nhân dân.

Việc tham gia của nhân dân là một yêu cầu quan trọng trong quá trình thực hiện công tác đền bù, di dân, giải phóng mặt bằng và tổ chức tái định cư, định canh. Điều kiện cơ bản để bảo đảm sự thông suốt, nhất trí trong nhân dân cũng như tham khảo tiếp thu được những yếu tố hợp lý và kinh nghiệm nhằm tổ chức tái định cư thành công. Nhìn chung việc xây dựng các điểm tái định cư đều có sự tham gia của nhân dân nhưng mức độ và tính chất lại rất khác nhau, phần lớn chỉ dừng lại ở mức độ lấy ý kiến, còn lại đều do cơ quan quản lý quyết định, người dân chỉ biết tiếp nhận một cách thụ động cơ sở vật chất đã được xây dựng trước mà cũng không hề biết giá trị công trình mình được tiếp nhận là bao nhiêu. Trình độ văn hoá hạn chế của người dân cũng là trở ngại cho việc tham gia của họ. Bên cạnh đó là trách nhiệm và kinh nghiệm của những người làm công tác tái định cư.

Phần III

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ Ở CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

I. MỘT SỐ ĐIỂM LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỀN BÙ TÁI ĐỊNH CƯ THEO NGHỊ ĐỊNH 22/CP - ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN.

1. Về phạm vi áp dụng:

Việc thu hồi đất để xây dựng các công trình thủy điện (và khu vực lòng hồ cũng các công trình phụ trợ) chiếm một diện tích lớn đất đai, gồm cả đất ở và đất

canh tác, số lượng dân cư di rời lớn, tập trung nhưng không được tách thành một hoạt động riêng có tính đặc thù. *Điểm b, mục 2 của điều 1* trong Nghị định 22/CP gộp chung vào với các hoạt động khác như thu hồi đất xây dựng trạm biến thế, đường dây v.v. mức độ tác động ảnh hưởng ít hơn. Do vậy những chính sách xây dựng và áp dụng cho tái định cư các công trình thủy điện không tránh khỏi những hạn chế.

Hơn nữa, xây dựng các nhà máy thủy điện chủ yếu ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa, trình độ canh tác và trình độ dân trí còn lạc hậu và họ sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp. Đất đai thu hồi chủ yếu là đất bằng trong các thung lũng, nguồn sống chủ yếu của người dân. Việc thích nghi với điều kiện sống mới của họ là rất khó khăn, bởi vậy cần có những giải pháp và chính sách thoả đáng với nhóm đối tượng này.

2. Về đối tượng đền bù thiệt hại và điều kiện để được đền bù về đất:

Qui định tính hợp pháp của đất đai của chủ sở hữu. Điều này sẽ gây khó khăn cho đồng bào miền núi, dân tộc vì đất đai của họ mới trong quá trình được hợp pháp hoá, chưa đủ các thủ tục. Hơn nữa việc sở hữu đất truyền thống, tập quán du canh cũng làm khó khăn hơn việc xác định tính pháp lý của đất đai đó để thực hiện đền bù.

3. Giá đất để tính đền bù thiệt hại:

Trong Nghị định 22/CP chỉ qui định mục đích sử dụng, về số lượng chứ không qui định về tính ngang bằng chất lượng đất đền bù cho dân. Thực tế hầu hết người dân phải tiếp nhận đất xấu hơn so với đất họ đã có trước đó. Hệ số K được qui định đã lỗi thời nên các địa phương rất khó khăn trong quá trình áp dụng trên điều kiện thực tế.

4. Đối với trường hợp đất đổi đất:

Khi có dự án đất khu vực này sẽ tăng giá lại thời điểm đó; Nghị định 22/1998/CP-NĐ không thể thực hiện được cách tính đầy đủ chi tiết giá đền bù mà chỉ xử lý bằng hệ số K nên một số hộ dân không đồng tình, người bị ảnh hưởng bị thiệt so với người không bị ảnh hưởng gấp nhiều lần, dễ dẫn đến tiêu cực, gây khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng.

Trường hợp khi có dự án phần lớn các diện tích đất bị thu hồi: Một số hộ có diện tích còn lại ít không đủ điều kiện canh tác tại đó. Nhà nước cần thu hồi diện tích này và tính gộp vào phương án đền bù.

5. Đối với trường hợp được đền bù bằng tiền

Trong Nghị định 22/1998/CP-CP chưa nêu được việc người dân khu thu hồi đất sẽ không xác định được nơi ở mới chính quyền địa phương không quản lý được, dẫn đến một số tiêu cực như phá rừng, lợi dụng mặt nước sông hồ để sống, cần có những quy định cụ thể để quản lý các hộ thuộc diện này.

6. Đền bù thiệt hại về mồ mả:

Điều 20 qui định các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp – cần được cụ thể rõ là chi phí làm lễ bỏ mả, cúng di chuyển.

7. Về chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống.

Điều 25 qui định 2 mức cho đối tượng phải di chuyển chỗ ở: 6 tháng cho di chuyển nội tỉnh và 12 tháng với ngoại tỉnh tính bằng 30 kg gạo/tháng /nhân khẩu. Mức qui định này thấp và chưa đủ để người dân ổn định được cuộc sống ở nơi ở mới. Điều kiện tối thiểu là 3 năm, thời gian đủ để chủ đầu tư hoàn thành hệ thống sản xuất cũng như người dân thích nghi được với môi trường canh tác mới. Nghị

định 22/CP không qui định cụ thể về chính sách hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm cũng như y tế và giáo dục.

8. Lập khu tái định cư:

Nghị định 22/1998/CP-ND không có những hướng dẫn cụ thể về mặt tiêu chí quy mô cũng như các tiêu chuẩn đối với việc quy hoạch thiết kế xây dựng khu tái định cư dẫn đến tùy tiện và không thống nhất giữa các dự án. Hầu hết các điểm tái định cư đều áp dụng tiêu chuẩn qui hoạch nhà ở nông thôn nhưng mặt bằng lại rất chật hẹp. Việc bố trí dân cư quá tập trung làm lợi cho các nhà đầu tư nhưng gây bất lợi cho đời sống nhân dân, không phù hợp với tập quán, môi trường sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc.

9. Lập kế hoạch tái định cư :

Hiện chưa có qui định về qui trình lập và thẩm định kế hoạch tái định cư một cách khoa học. Do đó công tác đền bù và tái định cư không được chuẩn bị kỹ càng từ khâu khảo sát, đánh giá kinh tế xã hội điểm đi và điểm đến, công tác thống kê đền bù xác định tài sản thiệt hại và những thiệt hại kinh tế khác, những ảnh hưởng của môi trường sống, môi trường văn hoá thay đổi.

10. Quyền tham gia của các hộ bị ảnh hưởng:

Nghị định 22/CP có qui định về việc phải có đại diện của những người bị ảnh hưởng trong các hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên các bước cho việc tham gia trên chưa được qui trình hoá, do vậy đôi khi nó chỉ mang tính chất thông báo chứ chưa mang tính chất tư vấn và thảo luận, sự tham gia rộng rãi của người bị ảnh hưởng còn rất hạn chế. Phần nhiều các cộng đồng dân cư được thông báo về lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại và nhiệm vụ là tổ chức thực hiện cho tốt.

11. Về công tác giám sát:

Không có qui định về giám sát nói chung và giám sát độc lập nói riêng trong công tác đền bù tái định cư.

II. NHỮNG KHUYẾN NGHỊ TỪ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TÁI ĐỊNH CƯ

1. Hình thức di dân và qui mô tái định cư:

Hình thức di dân tập trung theo cộng đồng đến nay vẫn được coi là giải pháp tối ưu để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng: đường giao thông, điện lưới, nước sinh hoạt, thuỷ lợi, các công trình phúc lợi và có cơ hội xây dựng và phát triển các cây công nghiệp tập trung.

Vì vậy, quy mô khu TĐC chỉ nên bố trí khoảng 50 hộ/điểm, họ có cơ hội mở mang diện tích đất canh tác, hạn chế các dịch bệnh cho gia súc và gia cầm, đồng thời việc thu hồi đất không ảnh hưởng nhiều đến người dân sở tại.

Hình thức di dân xen ghép, về nơi ở gần đô thị sẽ không phù hợp với dân tộc ít người có tập quán sinh hoạt sống quần cư theo dòng họ, quen sản xuất lúa nước và không biết buôn bán. Trong khi đó di dân tự nguyện và di dân đô thị thích hợp với dân tộc Kinh, đặc biệt là các hộ dân buôn bán hoặc những hộ gia đình có nghề phụ, phi nông nghiệp...

2. Công tác qui hoạch bố trí dân cư và chuẩn bị đầu tư:

+ Những công trình trọng điểm quốc gia, nhất là công trình tại miền núi có liên quan đồng bào DTTS, công tác TĐC cần phải được tính toán, xem xét, lập dự án ngay từ đầu để thực hiện đồng bộ các hạng mục công trình phục vụ đời sống và

sinh hoạt của nhân dân. Phương án cần tính cụ thể và hợp lý về chính sách đền bù, chính sách hỗ trợ, cũng như các giải pháp tạo nguồn thu nhập cho người dân, kể cả ảnh hưởng tác động môi trường ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của đồng bào DTTS.

- + Công tác chuẩn bị đầu tư cần được làm tốt và để công tác TĐC đạt được hiệu quả mong muốn phải thật sự coi trọng công tác quy hoạch, cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đặc biệt là quy hoạch sản xuất và xác định phương hướng, cơ cấu sản xuất. Phải lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và trình độ sản xuất của người dân địa phương từ đó xác định được bước đi phù hợp.

- + Xây dựng xong các khu TĐC thì mới tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng, đảm bảo cho người dân chuyển đến nơi ở mới có đủ điều kiện cần thiết bắt tay vào sản xuất, ổn định đời sống.

- + Giải quyết dứt điểm chế độ đền bù trước khi thực hiện xây dựng và trước khi di dời. Triển khai lập hồ sơ kiểm kê ngay khi có chủ trương, không nên kéo dài thời gian để cho để cho một số lợi dụng gây khó khăn cho quá trình xử lý.

- + Tính toán hiệu quả sử dụng đất chỉ nên tính ở mức trung bình phù hợp với trình độ canh tác của người dân. Đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất: Đối với các ngành nghề mang lại lợi ích cao nhưng tính rủi ro cũng cao cần phải cân nhắc thận trọng, cần thiết phải đưa phương án dự phòng.

3. Quy hoạch, thiết kế các khu tái định cư

- + Việc thiết kế quy hoạch xây dựng các khu tái định cư, kể cả xác định địa điểm phải phù hợp với đặc điểm phong tục tập quán sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng dân cư sẽ đến cũng như môi trường sống khu vực tái định cư. Cần bố trí hợp lý không gian định cư tới mức có thể sao cho gần gũi nhất với điều kiện sống của họ trước đây. Nên có sự tham khảo ý kiến của người dân trước khi tiến hành.

- + Về nhà ở, nên đền bù và giao cho dân tự thiết kế xây dựng để giảm các chi phí, đồng thời đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, tập quán của người dân. Tuy nhiên cần qui định về cấp độ nhà và diện tích sử dụng tối thiểu nhằm đạt mục tiêu cải thiện nhà ở cho nhân dân.

4. Về chính sách đền bù và hỗ trợ

- + Chính phủ cần chỉ đạo việc ban hành đơn giá đền bù sao cho phù hợp để người thiệt hại không bị thiệt thòi cũng như để tránh tình trạng trì trệ, kéo dài, khiếu kiện. không chấp nhận phải cưỡng chế v.v...

- + Chính sách hỗ trợ: cần được ban hành thống nhất, rõ ràng, phù hợp và có chế độ kiểm tra đôn đốc thường xuyên. Cụ thể hoá hơn về hỗ trợ y tế, giáo dục, điện, khuyến nông, khuyến lâm v.v.

- + Cần có chính sách huy động sự tham gia đóng góp của người dân vào những công việc: xây dựng nhà ở, đất ruộng bậc thang... tạo việc làm và nguồn thu cho nhân dân và đồng thời cũng tăng khả năng sử dụng hực tế.

5. Đất sản xuất

- + Đất sản xuất của nhân dân tái định cư lòng hồ thủy điện tuy đảm bảo cho dân nhưng chủ yếu là đất rẫy khả năng bạc màu nhanh. Diện tích đất có khả năng để khai hoang ruộng nước rất ít, manh mún, suất đầu tư cao. Các địa phương chú ý công tác khuyến nông, song khả năng áp dụng của nhân dân về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo đất hạn chế, về cơ bản lâu dài cần phải bảo đảm diện tích sản xuất lúa nước vừa đủ để các hộ tái định cư có diện tích sản xuất ổn định. Có thể đa dạng hơn về hình thức đền bù chẳng hạn ngoài việc đền bù bằng hiện vật tại nơi TĐC có

thể đền bù bằng tiền để những hộ có điều kiện tự mua đất ở nơi thuận tiện cho họ. Điều này giảm được sức ép về nhu cầu đất ở nơi TĐC, lại vừa tạo điều kiện cho của một số hộ muốn thay đổi loại hình sản xuất.

6. Vốn và cơ chế điều hành nguồn vốn

+ Nhà nước nên có một cơ chế về điều hành nguồn vốn tái định cư một cách hợp lý; có thể giao vốn để xây dựng một số hạng mục công trình thiết yếu phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân cho địa phương quản lý, điều hành để đảm bảo việc thi công nhanh chóng, công trình được thi công hợp với lòng dân, phát huy hiệu quả sử dụng. Hoặc giao cho địa phương (tỉnh hoặc huyện) thực hiện triển khai công tác đền bù và tái định cư để đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Chủ dự án công trình của quốc gia đóng vai trò giám sát, đôn đốc, tạo điều kiện địa phương thực hiện.

+ Thay đổi cơ cấu đầu tư bằng việc tăng vốn cho các chi phí đền bù, hoạt động hỗ trợ sản xuất để ổn định và cải thiện đời sống nhân dân thông qua hỗ trợ trực tiếp. Tổng kinh phí đầu tư cho tái định cư phải đảm bảo tỷ lệ thích ứng từ 10- 20% giá trị công trình (tùy thuộc tính chất công trình) và chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nhân dân phải đảm bảo 30% chi phí tái định cư.

+ Bổ sung ngân sách Nhà nước thông qua các chính sách hiện hành phối hợp với nguồn vốn đền bù tái định cư của chủ đầu tư để phối hợp cải thiện đời sống xã hội, nâng cao dân trí và đảm bảo ổn định cuộc sống bền vững cho nhân dân.

7. Công tác quản lý, điều hành thực hiện dự án:

+ Công tác di dân tái định cư tại các công trình thủy điện thời gian qua chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ TƯ đến địa phương, dẫn đến quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, có nhiều điểm bất cập so với yêu cầu, quyền lợi của người dân tái định cư (phải di dời) không được thống nhất. Nhà nước cần nghiên cứu, xem xét tổng thể để điều chỉnh chính sách đền bù di dân tái định cư kịp thời điều chỉnh và giải quyết một số vướng mắc trong nhân dân về chính sách đất đai, đền bù, chính sách hỗ trợ.

+ Cần làm rõ chức năng nhiệm vụ của ban chỉ đạo và quản lý ở các cấp: tỉnh, huyện, xã và phân rõ nhiệm vụ cho từng thành viên. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong quản lý, điều hành cùng các cấp chính quyền và đổi mới phương pháp công tác vận động tuyên truyền, phổ biến chính sách trong nhân dân, động viên giúp đỡ nhân dân di dân tái định cư.

+ Có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho bộ máy thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại các cơ sở, có như vậy cán bộ làm công tác đền bù mới nắm vững các chế độ chính sách, trình độ chuyên môn kỹ thuật, đền bù và làm tốt công tác dân vận.

+ Trang bị đủ phương tiện đi lại, làm việc và có chế độ chính sách hợp lý cho cán bộ làm công tác đền bù giải phóng mặt bằng, vì phải thường xuyên đi công tác vùng sâu, vùng xa. Thể chế hoá mức phụ cấp hàng tháng cho Hội đồng đền bù và tổ chuyên trách giúp việc cho Hội đồng để gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm trong công việc.

III. ĐỀ XUẤT VỀ MỘT SỐ ĐIỂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỚI CHÍNH PHỦ

Kết quả tổ chức thực hiện công tác đền bù, di dân và TĐC thuộc các dự án thủy điện mặc dù đã được giải quyết cơ bản về yêu cầu, mục đích, quan điểm và đời

tượng TĐC, nhưng hiện vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần được quan tâm chỉ đạo, giải quyết. Dưới góc độ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, cần tiến hành một số công việc sau:

1. Tổng kết công tác đền bù, di dân và TĐC các dự án thủy điện trên phạm vi toàn quốc, rút ra những mặt được và chưa được, những bài học kinh nghiệm để thống nhất chỉ đạo cho các dự án tiếp sau.

2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Chính sách đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng ban hành tại Nghị định số 22/1998/ NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ cho phù hợp với tình hình thực tế để áp dụng thống nhất cho các dự án thủy điện trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở nghiên cứu, xem xét tổng thể (có cân đối chung giữa các dự án), ban hành khung chính sách đền bù, di dân và TĐC các công trình thủy điện, đảm bảo mục tiêu ổn định đời sống cho nhân dân tái định cư và vùng bị ảnh hưởng xung quanh (kể cả khung về cơ cấu đầu tư, về qui mô, cấp công trình trong các khu TĐC...).

3. Quy định thống nhất việc lập dự án, trình tự, các bước thực hiện tái định cư tại các công trình thủy điện...

4. Nghiên cứu lại việc phân bổ và điều tiết sử dụng lại thuế tài nguyên (nhất là phân bổ ở cấp huyện) theo hướng khuyến khích các địa phương (đến cả cấp huyện, xã) trực tiếp đóng góp (hoặc bị ảnh hưởng) tham gia vào quá trình xây dựng và bảo vệ công trình. Các địa phương có điều kiện đầu tư hỗ trợ và đầu tư phát triển (đào tạo nghề, xây dựng cơ sở vật chất để phát triển sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp...) cho nhân dân các khu TĐC và các khu vực chịu ảnh hưởng liên quan.

5. Phân giao nhiệm vụ, trách nhiệm, cơ chế phối hợp thực hiện cụ thể, rõ ràng cho các Bộ, ngành liên quan, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, các địa phương, các BQLDA thủy điện trong việc triển khai thực hiện công tác TĐC các công trình thủy điện.

6. Đề nghị Chính phủ qui định việc tiến hành các thủ tục bàn giao mặt bằng lại cho địa phương quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích các khu phụ trợ sau khi đã xây dựng xong dự án thủy điện để thuận tiện cho công tác qui hoạch phát triển của địa phương .

7. Chính phủ cần có qui định nhằm tăng cường vai trò của cơ quan Ủy ban Dân tộc vào trong công tác nghiên cứu đề xuất chính sách tái định cư cũng như tham gia quản lý kiểm tra giám sát thực hiện công tác tái định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các công trình thủy điện để bảo đảm nâng cao hiệu quả của công tác trên.

KẾT LUẬN.

Công tác đền bù di dân tái định cư và định canh là một việc làm rất quan trọng trong việc xây dựng các công trình thủy điện, góp phần phát triển kinh tế của đất nước.

Để giải quyết tốt vấn đề di dân - tái định cư, đòi hỏi phải xem xét tác động dưới nhiều góc độ kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng... Mặt khác, đa phần người dân nằm trong diện di dân - tái định cư các công trình thủy điện đều là người dân tộc thiểu số, người dân bản địa đã có lịch sử cư trú lâu dài tại khu vực xây dựng. Đây là đối tượng chính sách của nhà nước và luôn cần có sự quan tâm đặc biệt trong

việc thực hiện chính sách và các biện pháp đền bù, giải tỏa và di dân - tái định cư nhằm bảo đảm ổn định cuộc sống cho đồng bào.

Chính sách tái định cư là khuôn khổ pháp lý quan trọng để thực hiện triển khai công tác tái định cư. Để giải quyết vấn đề bất bình đẳng trong xã hội và phát triển, Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện chính sách, đền bù tài sản thiệt hại cho người dân và từng bước hỗ trợ các hộ bị ảnh hưởng khôi phục cuộc sống sau khi tái định cư. Đồng thời đây cũng thể hiện quá trình nhận thức về sự phát triển, tính công bằng và nền dân chủ xã hội trong xây dựng và thực hiện chính sách. Đặc biệt cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số. Việc triển khai công tác tái định cư ở công trình thủy điện Tuyên Quang, 2 điểm dự án mẫu của thủy điện Sơn La vừa qua đã chứng minh cho những nhận định trên.

Nhìn lại hơn 15 năm thực hiện công tác tái định cư ở các công trình thủy điện, có thể thấy mặt được là cơ bản. Đó là sự ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân, sự ổn định an ninh chính trị và đoàn kết các cộng đồng dân cư, các dân tộc. Mặt khác nó cũng biểu lộ những hạn chế nhất định do sự thiếu hụt về vốn đầu tư, về điều hành quản lý và cả về chính sách vĩ mô lẫn vi mô. Những vấn đề này được nhanh chóng khắc phục và cải tiến trong thời gian tới để bảo đảm đầu tư của nhà nước ngày một hiệu quả hơn, đời sống đồng bào dân tộc ngày một tốt hơn đóng góp vào quá trình thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh./.